



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM QUỐC GIA VIỆT NAM
141 Lê Duẩn - Hoàn Kiếm - Hà Nội
Tel: (84-24) 3942 2354 - Fax: (84-24) 3942 2351

THÔNG BÁO

V/v tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

Kính gửi: Quý cổ đông Tổng Công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam

Hội đồng Quản trị Tổng Công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam (VINARE) trân trọng thông báo đến Quý cổ đông về việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, cụ thể như sau:

I- Thời gian: 8h30 Thứ hai, ngày 28 tháng 04 năm 2025

II- Địa điểm: Hội trường tầng 8, trụ sở VINARE, 141 Lê Duẩn, Hoàn Kiếm, Hà Nội

III- Đối tượng tham dự: các cổ đông có tên trong danh sách do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam lập tại ngày đăng ký cuối cùng 31/03/2025.

IV- Nội dung Đại hội:

- + Báo cáo việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2024
- + Điều chỉnh kế hoạch lợi nhuận trước thuế năm 2024
- + Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2024 và kế hoạch kinh doanh năm 2025
- + Phê duyệt Báo cáo tài chính kiểm toán, phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế và tỷ lệ chi trả cổ tức, thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, thư ký Hội đồng Quản trị năm 2024
- + Phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2024
- + Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2024 và nhiệm kỳ 2020-2024
- + Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2024 và nhiệm kỳ 2020-2024
- + Báo cáo mục tiêu kế hoạch kinh doanh 2025-2029
- + Kế hoạch chi trả thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, thư ký Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2025-2030
- + Phương thức lựa chọn công ty kiểm toán độc lập cho năm 2025
- + Bầu thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2025-2030
- + Nội dung khác (nếu có)

V- Đăng ký tham dự Đại hội:

* Trường hợp trực tiếp tham dự: Quý cổ đông tham dự Đại hội vui lòng mang theo CCCD/Hộ chiếu (*bản gốc*) và bản sao hợp lệ Giấy phép ĐKKD (*đối với cổ đông với pháp nhân*).

* Trường hợp ủy quyền: người được ủy quyền khi tham dự Đại hội vui lòng mang theo CCCD/Hộ chiếu (*bản gốc*), Giấy ủy quyền (*bản gốc*) và photo CCCD/hộ chiếu (*đối với cổ đông thể nhân*) hoặc bản sao hợp lệ Giấy phép ĐKKD (*đối với cổ đông pháp nhân*) của bên ủy quyền.

VI- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 3% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp (ngoài những nội dung chính ở trên). Kiến nghị phải được lập thành văn bản và gửi đến địa chỉ: Tổng Công ty cổ phần Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam; Tầng 7-141 Lê Duẩn-Hoàn Kiếm-Hà Nội chậm nhất đến 17h00 ngày 23/04/2025 (ít nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội).

VII- Để tạo điều kiện thuận lợi cho Ban tổ chức, Quý cổ đông vui lòng xác nhận việc tham dự hoặc uỷ quyền cho người khác tham dự Đại hội chậm nhất đến 17h00 ngày 24/04/2025 bằng điện thoại, email hoặc fax theo địa chỉ:

Tổng Công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam

Tầng 7 - 141 Lê Duẩn - Hoàn Kiếm - Hà Nội

Tel: (84-24) 3942 2365 ext 446; Fax: (84-24) 3942 2351; Email: investment@vinare.com.vn

- Thông báo này thay cho Thông báo mời họp trong trường hợp Quý cổ đông chưa nhận được Thông báo mời họp.
- Tài liệu liên quan đến nội dung, chương trình họp và mẫu Giấy ủy quyền tham dự Đại hội được đăng tải trên website: www.vinare.com.vn.

Trân trọng./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Anh Tuấn

CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ SỰ

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2025

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM QUỐC GIA VIỆT NAM

Thời gian : 8h30 thứ Hai, ngày 28 tháng 4 năm 2025

Địa điểm : Trụ sở Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam,
141 Lê Duẩn, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Thành phần tham dự : Các cổ đông VINARE, thành viên HĐQT, BKS, BDH

NỘI DUNG

8:30 – 8:45	<ul style="list-style-type: none">• Đăng ký, thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội
8:45 – 9:00	<ul style="list-style-type: none">• Tuyên bố lý do Đại hội• Báo cáo kết quả thẩm tra tư cách cổ đông• Giới thiệu Đoàn Chủ tịch, Thư ký Đại hội, Ban Kiểm phiếu• Chủ tịch HĐQT khai mạc Đại hội, thông báo chương trình Đại hội
9:00 – 9:20	<ul style="list-style-type: none">• Báo cáo việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ 2024• Tờ trình điều chỉnh kế hoạch lợi nhuận trước thuế 2024• Biểu quyết Nội dung 1: Thông qua việc điều chỉnh kế hoạch lợi nhuận trước thuế 2024
9:20 – 9:50	<ul style="list-style-type: none">• Báo cáo kết quả kinh doanh 2024 và kế hoạch kinh doanh 2025• Tờ trình phê duyệt BCTC, phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế và tỷ lệ chi trả cổ tức, thù lao HĐQT, BKS, thư ký HĐQT 2024• Tờ trình phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức 2024
9:50 – 10:05	<ul style="list-style-type: none">• Báo cáo của HĐQT 2024 và nhiệm kỳ 2020 - 2024• Báo cáo của BKS 2024 và nhiệm kỳ 2020 - 2024
10:05 – 10:30	<ul style="list-style-type: none">• Báo cáo mục tiêu kế hoạch kinh doanh 2025 – 2029• Tờ trình thù lao HĐQT, BKS, thư ký nhiệm kỳ 2025 - 2030• Tờ trình v/v lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính 2025• Thông tin ứng viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2025 - 2030
10:30 – 11:00	<ul style="list-style-type: none">• Thảo luận, biểu quyết và bầu HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2025-2030<ul style="list-style-type: none">- Nội dung 2: Thông qua báo cáo tài chính kiểm toán 2024- Nội dung 3: Thông qua kế hoạch kinh doanh 2025- Nội dung 4: Thông qua phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế và tỷ lệ chi trả cổ tức 2024- Nội dung 5: Thông qua thù lao HĐQT, BKS, thư ký HĐQT 2024- Nội dung 6: Thông qua phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức 2024- Nội dung 7: Thông qua báo cáo của HĐQT 2024 và nhiệm kỳ 2020 - 2024- Nội dung 8: Thông qua báo cáo của BKS 2024 và nhiệm kỳ 2020 - 2024

	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung 9: Thông qua mục tiêu kế hoạch kinh doanh 2025 - 2029 - Nội dung 10: Thông qua kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS, thư ký nhiệm kỳ 2025 - 2030 - Nội dung 11: Thông qua phương thức lựa chọn công ty kiểm toán độc lập cho năm 2025 - Nội dung 12: Bầu HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2025 - 2030
11:00 – 11:30	<ul style="list-style-type: none"> • Ban kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu • Thông qua toàn văn Biên bản, Nghị quyết Đại hội • Chủ tịch HĐQT bế mạc Đại hội



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----***-----

GIẤY ỦY QUYỀN
THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM QUỐC GIA VIỆT NAM

1. Bên ủy quyền:

Cổ đông:
CCCD/Hộ chiếu/GPĐKKD số: cấp ngày
tại
Địa chỉ:
Điện thoại:
Số cổ phần sở hữu:
(Bằng chữ:)

2. Bên nhận ủy quyền:

Họ tên:
CCCD/Hộ chiếu số: cấp ngày
tại
Địa chỉ:
Điện thoại:
Số cổ phần được ủy quyền:
(Bằng chữ:)

3. Nội dung ủy quyền:

Bên nhận ủy quyền được đại diện cho Bên ủy quyền thực hiện việc tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Tổng Công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam tổ chức vào ngày 28/04/2025 và thực hiện mọi quyền lợi/nghĩa vụ tại Đại hội liên quan đến số cổ phần được ủy quyền.

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của Pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam. Giấy ủy quyền này chỉ có giá trị tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

....., ngày..... tháng..... năm 2025.
BÊN NHẬN ỦY QUYỀN **BÊN ỦY QUYỀN**
(Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên/đóng dấu nếu là tổ chức)

Lưu ý: Bên nhận ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác. Bên nhận ủy quyền mang theo Thông báo mời họp, CCCD/Hộ chiếu (bản gốc) và Giấy ủy quyền (bản gốc) của Bên ủy quyền để làm thủ tục đăng ký đại biểu tại Đại hội. Đề nghị Quý cổ đông vui lòng xác nhận việc ủy quyền tham dự Đại hội chậm nhất đến 17^h00 ngày 24/04/2025 theo số điện thoại 024.39422365 máy lẻ 446 hoặc số fax 024.39422351.

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG VINARE

Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 của Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam (VINARE), Hội đồng quản trị đã chỉ đạo việc thực hiện các nội dung cụ thể như sau:

1. Chi trả cổ tức bằng tiền với tỷ lệ 10%: Việc chi trả cổ tức bằng tiền đã được hoàn tất vào ngày 27/9/2024.

2. Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 10%:

Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 09/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024, Chủ tịch HĐQT có các Quyết định số 12/2024/QĐ-HĐQT ngày 31/05/2024 và Quyết định số 20/2024/QĐ-HĐQT ngày 01/11/2024 chỉ đạo Tổng Công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam (VINARE) tổ chức triển khai các thủ tục phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2023. Đến thời điểm báo cáo, VINARE đã hoàn thành toàn bộ các công việc liên quan và vốn điều lệ tăng lên mức 1.823.914.550.000 đồng. VINARE xin được báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện như sau:

a. Phương án phát hành cổ phiếu:

Ngày 25/11/2024, Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) đã có Thông báo số 4630/TB-VSDC về ngày đăng ký cuối cùng để trả cổ tức bằng cổ phiếu cho các cổ đông VINARE với các thông tin như sau:

- Ngày đăng ký cuối cùng: 12/12/2024
- Số lượng cổ phiếu trước khi phát hành: 165.810.617 cổ phiếu
- Tỷ lệ thực hiện: 10:01 (Người sở hữu 10 cổ phiếu được nhận 01 cổ phiếu mới)
- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 16.581.061 cổ phiếu
- Nguồn vốn phát hành: trích từ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31/12/2023 theo Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán.
- Phương án làm tròn, phương án xử lý cổ phiếu lẻ (nếu có): Số cổ phiếu trả cổ tức phân phối cho cổ đông sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần cổ phiếu lẻ do nguyên tắc tính toán sẽ bị hủy.

b. Kết quả phát hành:

- Tổng số cổ phiếu đã phân phối: 16.581.601 cổ phiếu, trong đó:
 - + Số cổ phiếu đã phân phối theo tỷ lệ 10%: 16.580.838 cổ phiếu cho 1.320 cổ đông
 - + Số cổ phiếu lẻ theo phương án làm tròn, xử lý cổ phiếu lẻ: 223 cổ phiếu bị hủy
- Tỷ lệ phân phối cổ phiếu: 99,9%
- Vốn điều lệ sau đợt phát hành: 1.823.914.550.000 đồng

(Theo số liệu tại Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán số S063/2024-VNR/VSDC ngày 16/12/2024 của VSDC)

c. Đăng ký tăng vốn với Bộ Tài chính và sửa đổi Điều lệ:

Ngày 28/10/2024, Bộ Tài chính có văn bản số 11597/BTC-QLBH chấp thuận nguyên tắc phương án phát hành tăng vốn điều lệ của VINARE.

Ngày 09/03/2025, Bộ Tài chính đã cấp Giấy phép điều chỉnh lần thứ 7 số 28/GPĐC7/KDBH, điều chỉnh tăng vốn điều lệ của VINARE lên 1.823.914.550.000 đồng.

Ngày 14/03/2025, VINARE đã thực hiện sửa đổi Điều lệ tổ chức & hoạt động lần thứ 9, cập nhật vốn điều lệ mới.

d. Niêm yết và lưu ký bổ sung:

Ngày 13/01/2025, VSDC có văn bản số 478/VSDC-ĐKCP.NV thông báo việc chứng nhận điều chỉnh thông tin số lượng cổ phiếu đăng ký lần thứ 6 để đăng ký bổ sung 16.580.838 cổ phiếu của VINARE.

Ngày 21/01/2025, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội có Quyết định số 46/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận niêm yết bổ sung 16.580.838 cổ phiếu của VINARE.

Ngày 12/02/2025 là ngày giao dịch chính thức đầu tiên của 16.580.838 cổ phiếu bổ sung sau đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023 của VINARE.

3. Lựa chọn kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2024:

HDQT đã chỉ đạo việc thực hiện quy trình lựa chọn công ty kiểm toán độc lập và đã ban hành Nghị quyết số 13/2024/NQ-HDQT ngày 21/06/2024 lựa chọn Công ty TNHH PriceWaterhouseCoopers Việt Nam là công ty kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024.

Tổng Công ty xin báo cáo Quý cổ đông kết quả thực hiện./.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nguyễn Anh Tuấn

V/v: *Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lợi nhuận
trước thuế 2024*

Hà Nội, ngày 02 tháng 4 năm 2025

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG VINARE

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam (VINARE);
- Xét đề nghị của Tổng giám đốc tại tờ trình ngày 1/11/2024 về Báo cáo tác động của cơn bão số 3 và đề xuất điều chỉnh kế hoạch Lợi nhuận trước thuế năm 2024;

Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông như sau:

1. Cơn bão số 3 (Yagi) là cơn bão được ghi nhận mạnh nhất trong lịch sử đổ bộ vào miền Bắc đầu tháng 9/2024 đã gây tổn thất nghiêm trọng cho ngành Bảo hiểm nói chung và VINARE nói riêng. Ngay sau bão, lãnh đạo VINARE và lãnh đạo một số doanh nghiệp bảo hiểm đối tác đã tới hiện trường, phối hợp với các khách hàng mua bảo hiểm và các đơn vị giám định động viên, chỉ đạo công tác giám định để sớm khắc phục các thiệt hại do bão gây ra. VINARE đã kịp thời cập nhật số liệu ước bồi thường các tổn thất do bão số 3 gây ra và phản ánh kết quả trên Báo cáo tài chính quý 3/2024. Theo đó, Quý 3/2024, Tổng công ty ghi nhận kết quả Lỗ 68,8 tỷ đồng làm cho tổng lợi nhuận 9 tháng đầu năm 2024 chỉ đạt 287,9 tỷ đồng, nguyên nhân chủ yếu được ghi nhận là do các tổn thất thuộc trách nhiệm bồi thường ước tính lên tới 534 tỷ đồng, trong đó thuộc trách nhiệm giữ lại là 294 tỷ đồng.

Tính chung cả nền kinh tế, bão Yagi đã gây thiệt hại lên tới hơn 81.000 tỷ đồng. Tổng số tiền ước thuộc trách nhiệm bảo hiểm phải bồi thường do bão Yagi lên tới hơn 11.000 tỷ VND. Bão Yagi được ghi nhận là cơn bão lớn nhất xảy ra trên đất liền Việt Nam trong 70 năm đã gây ra thiệt hại nghiêm trọng nhất trong lịch sử ngành bảo hiểm Việt Nam.

2. Trước sự kiện bất thường nêu trên, tại cuộc họp HĐQT ngày 21/11/2024, Tổng công ty có báo cáo kết quả Quý 3 và 3 quý năm 2024 cũng như tác động nghiêm trọng của bão số 3 (Yagi) đến kết quả kinh doanh. Căn cứ báo cáo của Ban Điều hành và ý kiến tham mưu của Tiểu ban Chiến lược của Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị VINARE đã thảo luận và ra quyết nghị về việc ghi nhận đề xuất điều chỉnh kế hoạch Lợi nhuận trước thuế 2024, cụ thể:

Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐQT ngày 21/11/2024: “Ghi nhận báo cáo của Ban Điều hành và thống nhất chủ trương điều chỉnh kế hoạch lợi nhuận trước thuế 2024 theo nguyên tắc đảm bảo hoàn thành kế hoạch kinh doanh 5 năm 2020-2024 đã được ĐHĐCĐ thông qua. Chủ tịch HĐQT chỉ đạo Ban Điều hành tìm các giải pháp đảm bảo đạt mục tiêu trên, báo cáo HĐQT và trình ĐHĐCĐ thông qua tại kì họp gần nhất.”

Theo đó, để hoàn thành mục tiêu tăng trưởng bình quân lợi nhuận trước thuế trong giai đoạn 2020 – 2024 là 7%/năm, VINARE cần đạt được mức Lợi nhuận trước thuế năm 2024 là **463 tỷ VND**:

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2024	Kế hoạch 2024 (điều chỉnh)
Lợi nhuận trước thuế	505 tỷ đồng	463 tỷ đồng

3. Triển khai Nghị quyết nêu trên, trong quý 4/2024, Tổng công ty đã nỗ lực triển khai các giải pháp nhằm hoàn thành mục tiêu này đồng thời nỗ lực phối hợp với các doanh nghiệp bảo hiểm cập nhật bổ sung số liệu ước bồi thường và đánh giá tổng thể tác động của bão Yagi. Theo đó, mặc dù tổng bồi thường thuộc trách nhiệm nhận tái bảo hiểm của VINARE do bão Yagi gây ra là 570 tỷ đồng và bồi thường thuộc trách nhiệm giữ lại là 288 tỷ đồng (đã được ghi nhận đầy đủ phản ánh trên Báo cáo tài chính) nhưng **Tổng công ty đã đạt được Lợi nhuận trước thuế hơn 465 tỷ đồng**. Sau khi có Báo cáo tài chính Quý 4/2024, HĐQT đã xem xét việc thực hiện chỉ tiêu Lợi nhuận trước thuế của năm 2024 và thống nhất quyết nghị:

Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐQT ngày 06/2/2025: “Thống nhất chỉ tiêu Lợi nhuận trước thuế năm 2024 là 465,48 tỷ đồng (theo Báo cáo tài chính Quý 4/2024), vượt kế hoạch Lợi nhuận trước thuế 463 tỷ đồng, đã được Hội đồng quản trị thống nhất chủ trương điều chỉnh, đảm bảo hoàn thành kế hoạch kinh doanh 5 năm 2020 – 2024; và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất (dự kiến vào tháng 4/2025).”

Đề xuất: Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các Nghị quyết nói trên của Hội đồng quản trị về việc điều chỉnh Kế hoạch lợi nhuận trước thuế năm 2024 của VINARE như đã báo cáo ở trên, cụ thể:

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2024	Kế hoạch 2024 (điều chỉnh)
Lợi nhuận trước thuế	505 tỷ đồng	463 tỷ đồng

Kính trình Đại hội đồng cổ đông ./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Anh Tuấn



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
TÁI BẢO HIỂM QUỐC GIA VIỆT NAM
VIETNAM NATIONAL REINSURANCE CORPORATION

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH 2024 & PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ 2025

Nội dung

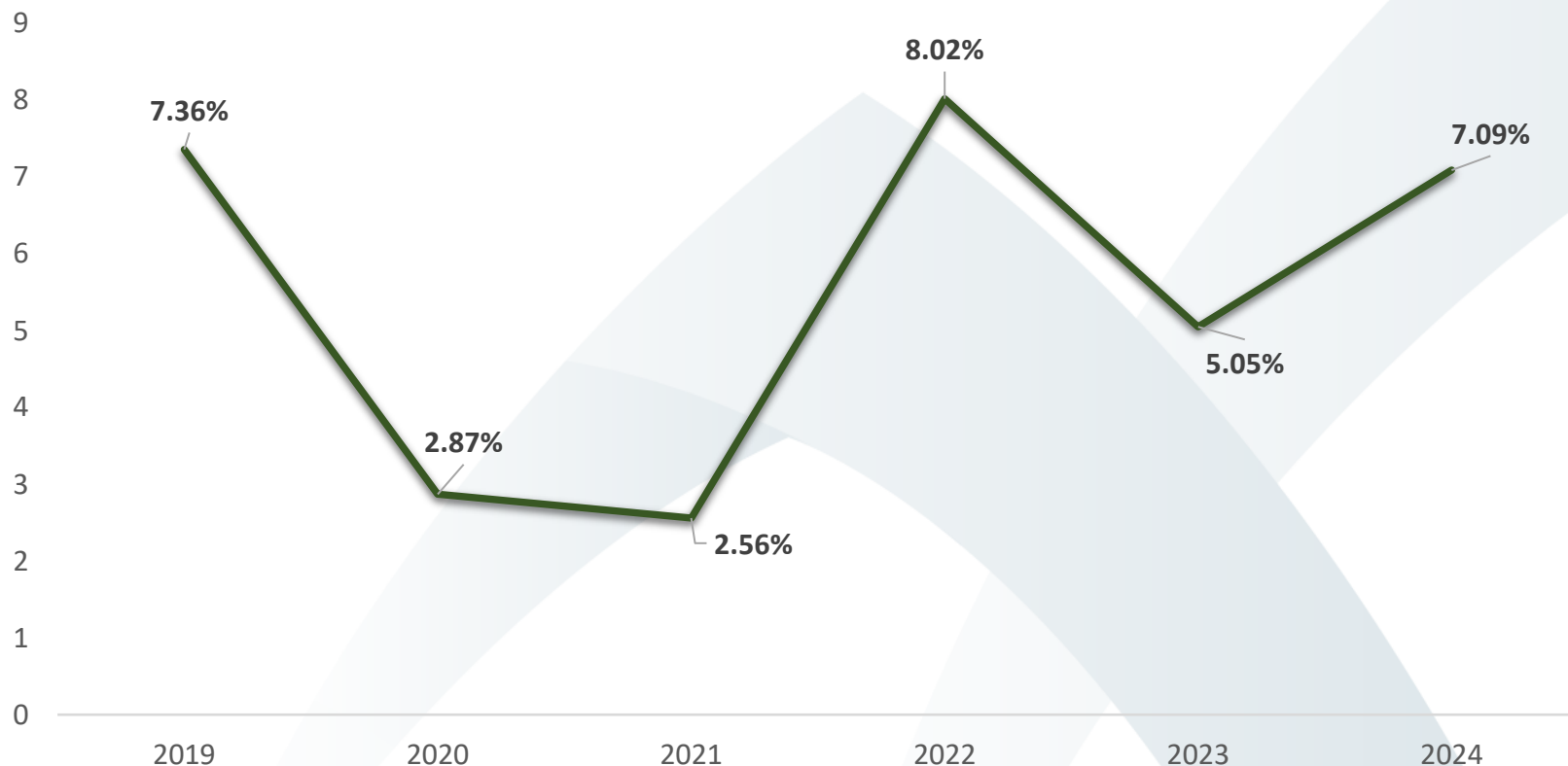
- 1 Kinh tế Việt Nam và Thị trường bảo hiểm 2024**
- 2 Kết quả kinh doanh Tái bảo hiểm 2024**
- 3 Kết quả đầu tư tài chính 2024**
- 4 Phương hướng nhiệm vụ kinh doanh 2025**

Tình hình kinh tế Việt Nam năm 2024

- Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2024 tăng 7.09% so với năm trước, chỉ thấp hơn tốc độ tăng của các năm 2018, 2019 và 2022 trong giai đoạn 2011-2024. Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3.27%, đóng góp 5.37%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8.24%, đóng góp 45.17%; khu vực dịch vụ tăng 7.38%, đóng góp 49.46%.
- Xuất nhập khẩu ghi nhận mức tăng trưởng rõ rệt. Tính chung cả năm 2024, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 405.53 tỷ USD, tăng 14.3% so với năm trước, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa đạt 380.76 tỷ USD, tăng 16.7%.
- Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội theo giá hiện hành ước đạt 3,692.1 nghìn tỷ đồng, tăng 7.5% so với năm trước.
- Vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 38.23 tỷ USD, giảm 3.0% so với cùng kỳ năm trước. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam năm 2024 ước đạt 25.35 tỷ USD, tăng 9.4%.
- Chỉ số giá tiêu dùng bình quân (CPI) của Việt Nam năm 2024 tăng 3.63% so với năm 2023, lạm phát đã được kiểm soát dưới ngưỡng cho phép của Quốc hội.

Tăng trưởng GDP qua các năm

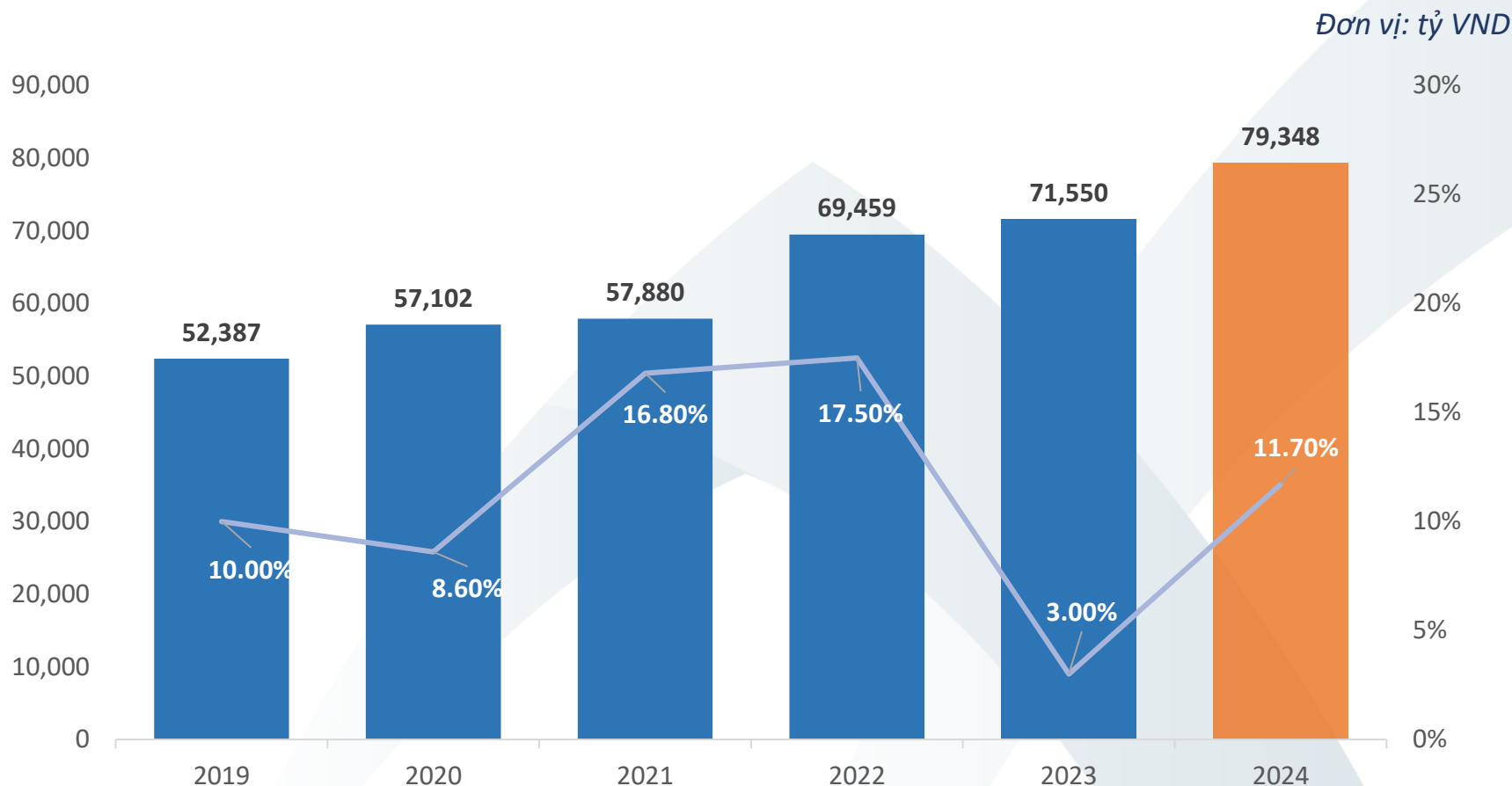
Tăng trưởng GDP qua các năm



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Thị trường bảo hiểm Việt Nam 2024

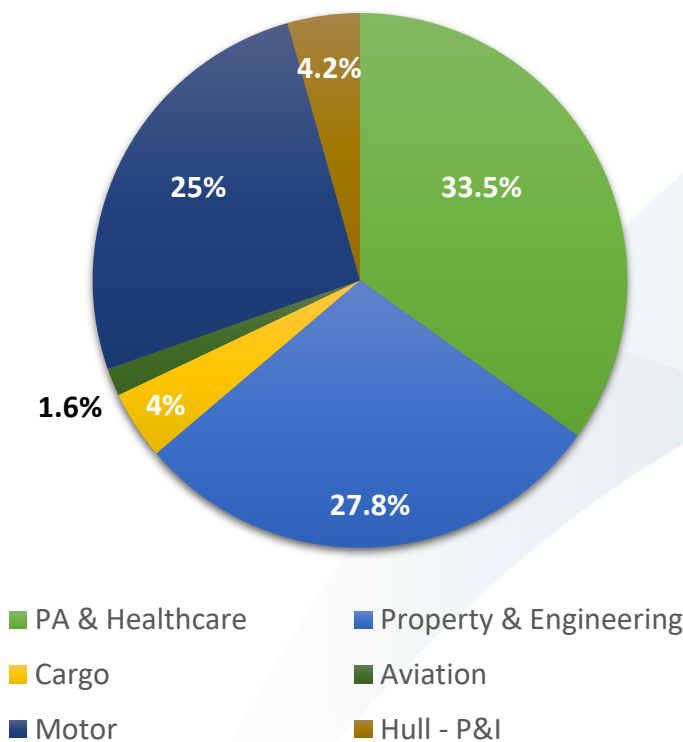
DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ QUA CÁC NĂM



Nguồn: HHBHVN

Doanh thu phí thị trường theo nghiệp vụ 2024

Tỷ trọng theo nghiệp vụ



Tốc độ tăng trưởng theo nghiệp vụ

Nghệp vụ	Tỷ lệ tăng trưởng
BH Con người, sức khỏe	20.8%
BH Tài sản, Kỹ thuật	8.4%
BH Hàng Hóa	12.9%
BH Hàng không	-8.9%
BH Xe cơ giới	5.3%
BH Tàu (Thân tàu, P&I)	13.1%
BH trách nhiệm	6.7%

Nguồn: Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam

Thị trường bảo hiểm Việt Nam 2024

- Theo số liệu của Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam, thị trường bảo hiểm phi nhân thọ tăng trưởng 11.7% trong năm 2024, mức phục hồi mạnh mẽ so với tỷ lệ tăng trưởng chỉ 2.3% trong năm 2023.
- Các nghiệp vụ bảo hiểm cá nhân (chiếm gần 60% thị phần) bao gồm bảo hiểm con người, sức khỏe tiếp tục là động lực tăng trưởng chính của thị trường với sự tăng trưởng mạnh của nghiệp vụ con người (tăng 21%) và sự hồi phục tốt của nghiệp vụ xe cơ giới (tăng 7%).
- Các nghiệp vụ bảo hiểm thương mại như Tài sản, Kỹ thuật vẫn duy trì được đà tăng trưởng, tuy nhiên tốc độ tăng được ghi nhận giảm so với năm 2023 do tác động của Nghị định 67 (Nghiệp vụ Tài sản) và sự chậm lại của giải ngân vốn đầu tư công (Nghiệp vụ Kỹ Thuật). Nghiệp vụ bảo hiểm Hàng hóa ghi nhận tốc độ tăng trưởng lên đến gần 13% (sau khi giảm đến 11% trong năm 2023) nhờ sự phục hồi tích cực của các hoạt động xuất nhập khẩu.
- Tình hình cạnh tranh phi kỹ thuật thông qua hạ phí và mở rộng điều kiện điều khoản vẫn chưa có dấu hiệu hạ nhiệt đối với hầu hết các nghiệp vụ (cả bảo hiểm cá nhân và bảo hiểm thương mại).
- Tình hình tổn thất “man-made” trên thị trường nhìn chung diễn biến khá tích cực khi tần suất và mức độ tổn thất đều giảm mạnh. Tuy nhiên tháng 9/2024 thị trường hứng chịu tổn thất nặng nề từ cơn bão Yagi – tổn thất thiên tai lớn nhất từ trước đến nay ảnh hưởng đến thị trường bảo hiểm Việt Nam, với số ước tổn thất lên đến hơn 400 triệu USD. Tổn thất từ bão Yagi đã ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh nghiệp vụ của hầu hết doanh nghiệp và tác động trực tiếp đến mùa tái tục 2024/2025 vừa qua.

Kết quả chung 2024

Các giải thưởng tiêu biểu trong năm 2024

Cuộc bình chọn Doanh nghiệp niêm yết 2024 (VLCA):

- ❖ Top 10 doanh nghiệp nhóm ngành tài chính có Báo cáo thường niên tốt nhất
- ❖ Top 10 doanh nghiệp Quản trị công ty tốt nhất nhóm vốn hóa vừa

FAST500

TOP 500 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam 2024

PROFIT500

Top 500 Doanh nghiệp lợi nhuận nhất 2024

VNR500

Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam

Vietnam Report

Top 10 DN Quản trị công ty tốt năm 2023-2024 (HNX)

Bảng xếp hạng Doanh nghiệp đạt chuẩn công bố thông tin 2024 (Vietstock)

Top 10 Thương hiệu Mạnh

Tăng trưởng ấn tượng 2024 (VnEconomy – VN Economic Times)

VALUE 500

TOP 500 Doanh nghiệp tạo giá trị hàng đầu Việt Nam năm 2024 (Báo Đầu tư và Viet Research)

TOP 50 Doanh nghiệp tiên phong và cam kết nâng cao quản trị công ty Việt Nam – VNCG50 (VIOD)

Bằng khen của BT Bộ Tài chính vì “Đã có thành tích đóng góp cho sự phát triển của thị trường Bảo hiểm Việt Nam giai đoạn 2022 – 2023”

Giấy khen của Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam cho tập thể VINARE vì “Đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động kinh doanh năm 2023”

Kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh 2024

Đơn vị tính: Tr. VNĐ

Chỉ tiêu	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2024	TH/KH 2024	Thực hiện 2023	Tăng trưởng
Doanh thu phí nhận	3,153,316	2,918,000	108.1%	2,677,422	17.8%
<i>Các nghiệp vụ TBH cốt lõi</i>	2,903,724	2,778,000	104.5%	2,540,491	14.3%
<i>Nghiệp vụ PA</i>	249,593	140,000	178.3%	136,932	82.3%
Lợi nhuận trước thuế	465,332	463,000*	100.5%	473,642	-1.8%

* Kế hoạch lợi nhuận 2024 điều chỉnh do ảnh hưởng tổn thất bảo Yagi (Nghị quyết 24/2024/NQ-HĐQT ngày 21/11/2024 của HĐQT)

Kết quả kinh doanh Tái bảo hiểm 2024

Một số chỉ tiêu kinh doanh chính

Đơn vị tính: Tr. VNĐ

Chỉ tiêu	Thực hiện 2024		Thực hiện 2023		So sánh cùng kỳ (%)	
	Core	Banca PA	Core	Banca PA	Core	Banca PA
Phí Nhận TBH	2,903,724	249,593	2,540,491	136,932	114.3%	182.3%
Phí Nhượng TBH	(1,413,286)	-	(1,298,855)	-	108.8%	-
Phí giữ lại	1,490,438	249,593	1,241,635	136,932	120.0%	182.3%
Giảm/(Tăng) dự phòng phí	(134,642)	(56,330)	(174,332)	130,301	77.2%	-
Thu nhập phí	1,355,797	193,262	1,067,302	267,234	127.0%	72.3%
Chi Bồi thường thực trả (Net)	(565,511)	(6,359)	(460,320)	(2,628)	122.9%	242.0%
Giảm/(Tăng) DPBT	(209,904)	(5,660)	(66,330)	13,200	317.4%	-
Bồi thường thuộc TN giữ lại	(775,415)	(12,019)	(526,651)	10,573	147.4%	-
Tỷ lệ BT/Thu nhập phí (%)	57.2%	6.2%	49.3%	4,0%	-	-

Doanh thu phí nhận theo nghiệp vụ

Đơn vị tính: Tr. VNĐ

Nghiep vụ	Thực hiện 2024	Thực hiện 2023	So sánh cùng kỳ (%)	Kế hoạch 2024	Sosánh TH/KH (%)
Kỹ thuật	428,853	389,236	110.2%	424,000	101.1%
Tài sản	1,045,415	999,948	104.5%	1,154,000	90.6%
Hàng hải	543,916	534,081	101.8%	532,000	102.2%
Hỗn hợp	885,540	617,226	143.5%	668,000	132.6%
Cộng	2,903,724	2,540,491	114.3%	2,778,000	104.5%
Banca PA	249,593	136,931	182.3%	140,000	178.3%
<u>Tổng</u>	3,153,316	2,677,422	117.8%	2,918,000	108.1%

Tình hình bồi thường 2024

Đơn vị tính: Tr. VNĐ

Chỉ tiêu	2024	2023	So sánh (%)
Chi bồi thường nhận TBH (1)	1,204,849	1,025,531	117.5%
Thu bồi thường nhượng TBH (2)	632,980	562,583	112.5%
Tăng (giảm) dự phòng bồi thường (3)	215,563	53,130	406.9%
Bồi thường thuộc TNGL (4 = 1-2+3)	<u>787,433</u>	<u>516,078</u>	<u>152.7%</u>

Các tổn thất đơn lẻ lớn ghi nhận trong 2024

(Một số tổn thất lớn nhất theo trách nhiệm nhận của VINARE)

Đơn vị tính: USD

Tổn thất	Nghiệp vụ	Ngày tổn thất	100% tổn thất	TN nhận VNR	TNGL VNR
YAGI – EAR – REFRIGERATE LPG STORAGE - LPG	ENG	07/09/2024	13,370,000	3,275,650	601,953
JINKO SOLAR 2	PRO	07/09/2024	15,000,000	1,174,737	551,207
VIEN DONG 3	P&I	07/11/2024	909,960	755,156	125,574
WIHA VIETNAM	PRO	08/11/2024	2,520,000	504,000	302,400
YURA CORPORATION VINA	PRO	07/09/2024	2,018,571	498,587	135,647
WILMAR FLOUR	PRO	07/09/2024	7,257,668	434,574	260,746
YAGI – CÔNG TY CỔ PHẦN CANG HAI PHONG	ENG	07/09/2024	3,725,885	409,847	53,533

Tổng thất do bão Yagi 2024

Đơn vị tính: Tr.VND

Nghệp vụ	Trách nhiệm Nhận TBH	Trách nhiệm Giữ lại	Trách nhiệm Giữ lại (sau thu đòi TBH)
Tài sản	398,699	239,839	213,852
Kỹ thuật	152,691	64,791	57,287
Hàng hải	18,271	16,622	16,622
Cộng	<u>569,662</u>	<u>321,254</u>	<u>287,762</u>

Dự phòng nghiệp vụ 2024

Đơn vị tính: Tr. VNĐ

Trích bổ sung DP nghiệp vụ	31/12/2024	+/- trong kỳ	31/12/2023
Nhận tái bảo hiểm			
- Dự phòng phí	1,545,868	+252,732	1,293,136
- Dự phòng bồi thường (Outstanding + IBNR)	1,970,144	+357,466	1,612,678
Nhượng tái bảo hiểm			
- Dự phòng phí	701,983	+61,759	640,224
- Dự phòng bồi thường (Outstanding + IBNR)	996,700	+133,153	863,547
Kết dư dự phòng (net)			
- Dự phòng phí	843,885	+190,973	652,912
- Dự phòng bồi thường (Outstanding + IBNR)	974,074	+224,943	749,131
- Dự phòng dao động lớn	217,402	+6,372	211,030

Tình hình công nợ kinh doanh TBH

Đơn vị tính: Tr. VNĐ

	Dưới 6T	6T - 1 năm	1 - 2 năm	2 - 3 năm	> 3 năm	Tổng
Công nợ phải thu	438,516	84,841	26,218	22,572	30,633	602,780
Công nợ phải trả	(444,517)	(106,259)	(42,813)	(16,443)	(33,272)	(643,304)
Net phải thu	(6,001)	(21,418)	(16,595)	6,130	(2,639)	(40,524)

Chi quản lý, bán hàng và dự phòng phải thu

Đơn vị tính: Triệu VNĐ

Chỉ tiêu	2024	2023	KH 2024	So sánh	
				Cùng kỳ	TH/KH
Chi quản lý	114,764	116,808	128,000	98.3%	89.7%
Dự phòng phải thu	5,500	12,344	5,000	44.4%	109.6%
<u>Tổng</u>	<u>120,264</u>	<u>129,153</u>	<u>133,000</u>	<u>92.1%</u>	<u>89.5%</u>

- ✓ Chi quản lý trích theo kết quả kinh doanh và theo kế hoạch.
- ✓ Trích lập bổ sung dự phòng phải thu khó đòi: 5.500 tỷ VND theo quy định tại Thông tư 48/2019/TT-BTC.

Kết quả hoạt động đầu tư tài chính 2024

Các yếu tố ảnh hưởng hoạt động đầu tư

- Mặt bằng lãi suất tiếp tục xu hướng giảm, lãi suất tiết kiệm cá nhân 12T giảm 0.1% – 0.3%, lãi suất tiền gửi 12T của tổ chức giảm khoảng 0.75% - 1.06%.
- Kết thúc phiên giao dịch ngày 31/12/2024, chỉ số VN-Index đạt 1.266,78 điểm, tăng 12,1% so với cuối năm 2023. Tuy nhiên, thị trường chủ yếu bùng nổ trong quý 1, nhưng lại lành lình ảm đạm trong ba quý cuối năm.
- Trên thị trường TPDN, tổng giá trị phát hành trái phiếu doanh nghiệp (TPDN) đạt 410 ngàn tỷ đồng, tăng 27% so với năm 2023, trong đó 92.6% là các đợt phát hành riêng lẻ.
- Thị trường bất động sản năm 2024 về cơ bản vẫn còn khó khăn.
- Hệ thống pháp luật về ngân hàng, chứng khoán, bất động sản tiếp tục được hoàn thiện.

Tình hình phân bổ vốn đầu tư

Đơn vị tính: Tr. VNĐ

STT	Danh mục đầu tư	Giá trị đầu tư 31/12/2024	Giá trị đầu tư 01/01/2024	+/- so với đầu năm	Tỷ trọng
1	Tiền gửi	3,000,000	2,854,000	146,000	54.3%
2	Trái phiếu ngân hàng	1,596,983	1,129,000	467,983	28.9%
3	Góp vốn DN khác	494,296	494,296	0	8.9%
4	Ủy thác đầu tư, CCQ	330,000	320,000	10,000	6.0%
5	Văn phòng cho thuê	954	2,773	-1,819	0.02%
6	Đầu tư BĐS	10,613	10,969	-356	0.2%
7	Khác (*)	92,526	5,387	87,139	1.7%
	Tổng cộng	<u>5,525,372</u>	<u>4,816,425</u>	<u>708,947</u>	<u>100.0%</u>

(*) Chủ yếu là tiền ngoại tệ (quy đổi) trên Tài khoản thanh toán

Kết quả hoạt động đầu tư & khác 2024

Đơn vị tính: Tr. VNĐ

Danh mục	2024			2023			KH 2024	So với 2023	So với KH 2024
	DThu	Chi phí	LN	DThu	Chi phí	LN	LN		
Tiền gửi	201,682	0	201,682	272,763	0	272,763	201,000	73.9%	100.3%
Trái phiếu	93,161	15	93,146	61,979	0	61,979	87,252	150.3%	106.8%
Góp vốn DN	59,133	741	58,392	123,814	(3,633)	127,446	129,000	45.8%	45.3%
Ủy thác đầu tư, CCQ	60,697	1,542	59,155	6,922	(14,288)	21,210	28,000	278.9%	211.3%
Cho thuê VP	7,799	2,208	5,591	6,497	2,143	4,354	3,748	128.4%	149.2%
Thu khác, CLTG	25,409	24,032	1,377	19,775	44,974	(25,199)	(19,000)	%	%
Tổng cộng	447,881	28,538	419,343	491,750	29,196	462,554	430,000	90.7%	97.5%

Các hoạt động khác 2024

Một số hoạt động trọng tâm

XÂY DỰNG THỂ CHẾ	Thực hiện
Quy chế Văn thư lưu trữ	NS-TH
Quy chế Quản lý và sử dụng hệ thống Công nghệ Thông tin	IT
TỔ CHỨC BỘ MÁY	Thực hiện
Hoàn thành bổ nhiệm lại đối với các vị trí cán bộ quản lý đến hạn và bổ nhiệm chức danh Kế toán trưởng	NS-TH
Rà soát, bổ sung quy hoạch các chức danh quản trị, điều hành	NS-TH
MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG TRỌNG TÂM KHÁC	Thực hiện
Rating: tiếp tục duy trì FSR B++ và ICR bbb+	Team rating
Phát hành 02 Bản tin (tiếng Việt và tiếng Anh)	NS-TH, Tổ Biên tập
Tổ chức thành công Lễ kỷ niệm 30 năm thành lập VINARE và các hoạt động gắn kết khách hàng nhân dịp kỷ niệm 30 năm thành lập	Ban Chỉ đạo, các Bộ phận liên quan
Nâng cấp hệ thống ViOffice	IT
Nâng cấp hệ thống bảo mật	IT

Phương hướng nhiệm vụ kinh doanh 2025

Dự báo tình hình kinh tế 2025

- Quốc hội đã thông qua mục tiêu tăng trưởng GDP 6.5 - 6.7% cho năm 2025, phần đầu 7 - 7.5%, khá thách thức trong bối cảnh kinh tế trong nước và thế giới được dự báo còn đan xen giữa nhiều thuận lợi và cả khó khăn.
- Chính phủ đặt mục tiêu tăng trưởng 8% trong năm 2025, tạo đà cho “kỷ nguyên vươn mình” ở những năm sau. Kinh tế Việt Nam được dự báo có nhiều hứa hẹn, kỳ vọng cơ cấu tăng trưởng sẽ đến từ các yếu tố nội tại, phục hồi thương mại, tăng cường hoạt động kinh doanh và đầu tư nước ngoài .
- Năm 2025 dự kiến mặt bằng lãi suất huy động sẽ giảm hoặc đi ngang do chính sách điều hành của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước.

Dự báo tình hình thị trường BH/ TBH 2025

- Theo Bộ Tài chính, cùng với các yếu tố nền tảng vĩ mô, tiềm năng, lợi thế của Việt Nam thì định hướng chiến lược và khuôn khổ pháp lý mới tạo kỳ vọng lớn để thị trường bảo hiểm Việt Nam có được “cú hích” về quy mô và chất lượng phát triển trong năm 2025 và các năm tiếp theo.
- Tổng doanh thu phí bảo hiểm ước tăng nhẹ so với năm 2024. Trong đó, doanh thu phí bảo hiểm trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ ước tăng 10%, lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ ước tăng 3%.
- Cạnh tranh trong khai thác các loại hình bảo hiểm thương mại gia tăng, đặc biệt với nghiệp vụ Tài sản khi áp dụng Nghị định 67/2023/NĐ-CP.
- Thiên tai ngày càng nghiêm trọng, có thể ảnh hưởng lớn và tiêu cực đến bồi thường bảo hiểm và tái bảo hiểm.
- Xu hướng “soft” của thị trường tái bảo hiểm quốc tế đã quay trở lại trong mùa tái tục 2024/2025 vừa qua và sẽ có những tác động đa chiều đến các hoạt động kinh doanh nhận, nhượng tái bảo hiểm của các doanh nghiệp. Với xu hướng này, dự kiến tình hình cạnh tranh trong khai thác trên thị trường (đặc biệt với các nghiệp vụ bảo hiểm thương mại) sẽ khó có những cái thiện tích cực trong năm 2025.

Chủ trương của VINARE 2025

- **Chủ trương chung**: Tiếp tục tăng cường quản trị rủi ro, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh TBH; Từng bước mở rộng thị trường TBH, nâng cao năng lực cung cấp giá trị gia tăng cho thị trường (quản lý rủi ro, đào tạo, sản phẩm, chương trình TBH, các giải pháp phát triển bền vững);
- **Một số lĩnh vực cụ thể**:
 - ❖ **Kinh doanh Tái bảo hiểm**
 - Tuân thủ kỷ luật khai thác, đánh giá và lựa chọn rủi ro cẩn trọng, đảm bảo có lãi từ kinh doanh nghiệp vụ, không chạy đua theo doanh số
 - Tiếp tục tập trung nghiên cứu, triển khai các lĩnh vực, sản phẩm mới.
 - Tiếp tục tìm kiếm giải pháp nâng thị phần phí nhận TBH Kỹ thuật và các nghiệp vụ truyền thống có lãi.
 - Tập trung quản lý rủi ro nghiệp vụ Hàng hóa (hàng xá), Tài sản
 - Tăng cường năng lực cung cấp sản phẩm các nghiệp vụ Trách nhiệm
 - Tham gia một cách có kiểm soát chặt chẽ nghiệp vụ BH xe cơ giới trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc an toàn, hiệu quả và đảm bảo biên khả năng thanh toán.

Chủ trương của VINARE 2025

❖ Tổ chức bộ máy và quản trị công ty

- Tiếp tục hoàn chỉnh Tổ chức bộ máy quản trị công ty và các chính sách về phát triển nhân sự, quản trị công ty

❖ Đầu tư:

- Thường xuyên rà soát, nâng cao chất lượng danh mục đầu tư, đảm bảo An Toàn – Thanh khoản – Hiệu quả.
- Tăng cường quản trị rủi ro, bảo toàn vốn
- Tăng cường giám sát hoạt động ủy thác đầu tư
- Thường xuyên rà soát tài sản đầu tư, đảm bảo tuân thủ các quy định pháp lý; thường xuyên đánh giá rủi ro các khoản mục đầu tư.
- Tiếp tục thúc đẩy tiến trình giải quyết công nợ và các dự án của VINARE Invest

Kế hoạch kinh doanh 2025

Đơn vị tính: Tr. VNĐ

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2024	Tăng trưởng
Tổng doanh thu (bao gồm Doanh thu phí bảo hiểm, Doanh thu hoạt động tài chính, các doanh thu khác có liên quan)	3,594,000	3,328,703	8.0%
Lợi nhuận trước thuế	503,000	465,332	8.1%
Tỷ lệ cổ tức dự kiến	10% bằng tiền	10% bằng tiền 10% bằng cổ phiếu	

Nhiệm vụ trọng tâm 2025

1. Hoàn thành nhiệm vụ kinh doanh 2025 và các mục tiêu của kế hoạch kinh doanh 2025 - 2029.
2. Xây dựng và triển khai Đề án tái cơ cấu VINARE
3. Phát triển, đẩy mạnh các nghiên cứu/đề xuất về sản phẩm, dịch vụ mới.
4. Tăng cường giải pháp/ năng lực TBH cho thị trường.
5. Tăng cường chuỗi cung cấp giá trị gia tăng cho khách hàng, từng bước phát triển, mở rộng thị trường.
6. Đánh giá và hoàn thiện các chính sách phát triển nguồn lực.
7. Tăng cường quản lý rủi ro (Rủi ro nội bộ & cung cấp giá trị gia tăng về QLRR cho thị trường).
8. Duy trì/nâng hạng xếp hạng tín nhiệm AM Best.
9. Tập trung quản trị chi phí theo hướng hiệu quả.
10. Nâng cao năng lực đầu tư, giám sát chặt chẽ các danh mục, thực hiện đánh giá định kỳ.



Hà Nội, ngày 2 tháng 4 năm 2025

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Phê duyệt báo cáo tài chính, phương án sử dụng lợi tức, thù lao HĐQT, BKS, thư ký 2024;
(Tài liệu phục vụ cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên 2025 ngày 28/4/2025)

- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam (VINARE);
- Căn cứ các Nghị quyết của ĐHĐCĐ liên quan đến việc phân phối lợi tức thực hiện và kết quả kinh doanh năm 2024 đã được kiểm toán;

Hội đồng quản trị VINARE trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung sau:

1. Phê duyệt báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH PwC (Việt Nam):

1.1. Phê duyệt báo cáo tài chính riêng năm 2024, một số chỉ tiêu chính:

- Tổng tài sản: 8.474.649.789.539 VND
- Vốn chủ sở hữu: 3.657.488.800.939 VND
- Dự phòng nghiệp vụ:
 - Dự phòng Nhượng TBH: 1.698.684.038.469 VND
 - Dự phòng Nhận TBH: 3.733.414.721.520 VND

Chỉ tiêu	Thực hiện 2023 (VND)	Thực hiện 2024 (VND)	KH 2024 (VND)	So sánh 2024/KH	So sánh 2024/23
Doanh thu phí nhận TBH	2.677.422.217.971	3.153.316.424.532	2.918.000.000.000	108,1%	117,8%
Lợi nhuận trước thuế	473.642.225.093	465.332.117.484	463.000.000.000	100,5%	98,2%

(Báo cáo tài chính riêng năm 2024 đã được kiểm toán đính kèm)

1.2. Phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024, một số chỉ tiêu chính:

- Tổng tài sản: 8.777.551.572.073 VND
- Vốn chủ sở hữu: 3.944.459.304.608 VND
- Dự phòng nghiệp vụ:
 - Dự phòng Nhượng TBH: 1.698.684.038.469 VND
 - Dự phòng Nhận TBH: 3.733.414.721.520 VND

(Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 đã được kiểm toán đính kèm)

2. Phê duyệt phương án sử dụng lợi nhuận năm 2024

Chỉ tiêu	Số tiền (VND)
1. Lợi nhuận còn lại tại ngày 01/01/2024	714.810.413.403
- Lợi nhuận được phân phối	665.874.186.572
- Lợi nhuận không được phân phối (chênh lệch tỷ giá)	48.936.226.831
2. Hoàn nhập lợi nhuận chưa phân phối¹	2.237.000
3. Lợi nhuận sau thuế năm 2024	
3.1. Lợi nhuận thực hiện	388.900.889.921
- Lợi nhuận được phân phối	378.834.092.865
- Lợi nhuận không được phân phối (chênh lệch tỷ giá)	10.066.797.056
3.2. Phân phối lợi nhuận	392.885.642.219
- Quỹ dự trữ bắt buộc (5% Lợi nhuận sau thuế) ²	16.580.838.000
- Quỹ đầu tư phát triển	0
- Quỹ khen thưởng (1,5% Lợi nhuận sau thuế)	5.682.511.393
- Quỹ Phúc lợi (01 tháng lương thực hiện)	5.839.382.826
- Chi cổ tức năm 2024 bằng tiền (tỷ lệ 10%) ³	182.391.455.000
- Chi cổ tức năm 2024 bằng cổ phiếu (tỷ lệ 10%) ⁴	182.391.455.000
4. Lợi nhuận còn lại lũy kế (4=1+2+3.1-3.2)	710.827.898.105
- Lợi nhuận được phân phối	651.824.874.218
- Lợi nhuận không được phân phối (chênh lệch tỷ giá)	59.003.023.887

¹ Nghị quyết số 09/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 4 năm 2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 đã thông qua chi trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2023, tỷ lệ 10%, số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành 16.581.061 cổ phiếu, tương đương tổng mệnh giá 165.810.617.000 đồng.

Công văn số 8774/UBCK-QLCB ngày 23/12/2024 của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước về việc báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của VINARE, số lượng cổ phiếu đã phát hành là 16.580.838 cổ phiếu (chiếm 99,9% số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành), tương đương tổng mệnh giá 165.808.380.000 đồng (Chênh lệch giảm sau phát hành 2.237.000 đồng).

² Theo qui định tại Nghị định số 46/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2023 của Chính Phủ.

³ và ⁴ Nghị quyết số 09/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 4 năm 2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 đã thông qua kế hoạch chi trả cổ tức năm 2024, tỷ lệ cổ tức dự kiến 10% bằng tiền và 10% bằng cổ phiếu.

2.1. Tỷ lệ cổ tức năm 2024:

- ĐHĐCĐ phê chuẩn tại Nghị quyết số 09/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/4/2024 dự kiến:
 - + 10% bằng tiền và;
 - + 10% bằng cổ phiếu.
- Tỷ lệ cổ tức năm 2024 trình ĐHĐCĐ thông qua:
 - + 10% bằng tiền và;
 - + 10% bằng cổ phiếu.

2.2. Phê duyệt thù lao (bao gồm cả thuế) của HĐQT, BKS, tổ thư ký HĐQT năm 2024 là: 2.172.000.000 VND (Mức chi thù lao theo quyết định số 11/2015/QĐ-HĐQT ngày 21/8/2015 của Hội đồng quản trị).

Kính trình./.

CHỦ TỊCH HĐQT

Nguyễn Anh Tuấn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày	
			31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150+190)		5.379.747.410.466	5.552.151.365.464
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	143.098.265.573	66.325.858.527
111	Tiền		93.098.265.573	6.325.858.527
112	Các khoản tương đương tiền		50.000.000.000	60.000.000.000
120	Đầu tư ngắn hạn	4(a)	2.298.134.349.627	2.595.972.070.188
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		2.298.134.349.627	2.601.464.828.212
124	Dự phòng đầu tư tài chính ngắn hạn		-	(5.492.758.024)
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		743.546.261.635	1.012.060.584.537
131	Phải thu ngắn hạn khách hàng	5	624.191.049.354	723.178.236.711
131.1	- Phải thu về hợp đồng bảo hiểm		624.186.606.580	723.154.039.411
131.2	- Phải thu khác của khách hàng		4.442.774	24.197.300
132	Trả trước ngắn hạn cho người bán		176.929.454	297.622.326
136	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	6(a)	151.661.989.152	315.568.723.682
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(32.483.706.325)	(26.983.998.182)
140	Hàng tồn kho		53.204.009	101.234.000
141	Hàng tồn kho		53.204.009	101.234.000
150	Tài sản ngắn hạn khác		496.231.291.153	373.921.240.607
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	8(a)	496.231.291.153	373.921.240.607
151.1	- Chi phí hoa hồng chờ phân bổ		495.914.588.573	373.728.468.432
151.2	- Chi phí trả trước ngắn hạn khác		316.702.580	192.772.175
190	Tài sản tái bảo hiểm		1.698.684.038.469	1.503.770.377.605
191	Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	16(a)	701.983.536.698	640.223.634.985
192	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	16(a)	996.700.501.771	863.546.742.620

Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 64 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
(TIẾP THEO)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày	
			31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
200	TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)		3.094.902.379.073	2.161.104.637.698
210	Các khoản phải thu dài hạn		30.539.526.029	30.742.328.766
218	Phải thu dài hạn khác		36.708.899.962	36.911.702.699
218.1	- Ký quỹ bảo hiểm	2.9	28.000.000.000	28.000.000.000
218.2	- Phải thu dài hạn khác	6(b)	8.708.899.962	8.911.702.699
219	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	7	(6.169.373.933)	(6.169.373.933)
220	Tài sản cố định		20.334.127.715	25.031.793.841
221	Tài sản cố định hữu hình	9(a)	10.171.427.542	11.742.109.000
222	Nguyên giá		37.228.296.471	37.522.627.771
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(27.056.868.929)	(25.780.518.771)
227	Tài sản cố định vô hình	9(b)	10.162.700.173	13.289.684.841
228	Nguyên giá		16.337.470.733	16.337.470.733
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(6.174.770.560)	(3.047.785.892)
230	Bất động sản đầu tư	10	954.071.644	2.772.668.242
231	Nguyên giá		34.055.061.893	34.055.061.893
232	Giá trị khấu hao lũy kế		(33.100.990.249)	(31.282.393.651)
240	Tài sản dở dang dài hạn		2.450.163.620	1.616.690.000
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		2.450.163.620	1.616.690.000
250	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		3.037.191.585.147	2.097.387.325.775
251	Đầu tư vào công ty con	4(b)	60.000.000.000	60.000.000.000
252	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	4(b)	125.000.000.000	125.000.000.000
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4(b)	309.296.176.180	309.296.176.180
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	4(b), 4(c)	(740.633.499)	-
255	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4(c)	2.543.636.042.466	1.603.091.149.595
260	Tài sản dài hạn khác		3.432.904.918	3.553.831.074
261	Chi phí trả trước dài hạn	8(b)	756.407.180	1.123.428.874
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		2.676.497.738	2.430.402.200
270	TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)		8.474.649.789.539	7.713.256.003.162

Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 64 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
(TIẾP THEO)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày	
			31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)		4.817.160.988.600	4,267,335,580,925
310	Nợ ngắn hạn		4.815.429.794.972	4,265,861,294,119
311	Phải trả cho người bán	11	758.017.829.094	832.054.129.130
311.1	- Phải trả về hợp đồng bảo hiểm		756.931.243.882	826.680.842.178
311.2	- Phải trả khác cho người bán		1.086.585.212	5.373.286.952
312	Người mua trả tiền trước		409.228.046	356.646.203
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	16.248.553.492	17.460.170.966
314	Phải trả người lao động		33.644.500.387	30.256.834.159
315	Chi phí phải trả ngắn hạn		-	1.344.632.521
319	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	13(a)	50.705.710.943	60.910.080.132
319.1	Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	13(a)	176.856.406.576	147.555.514.424
321	Dự phòng phải trả ngắn hạn	14	17.078.407.468	25.410.877.397
322	Quỹ khen thưởng phúc lợi	15	29.054.437.446	33.668.361.750
329	Dự phòng nghiệp vụ	16	3.733.414.721.520	3.116.844.047.437
329.1	- Dự phòng phí nhận tái bảo hiểm		1.545.868.114.307	1.293.136.059.212
329.2	- Dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm		1.970.144.169.331	1.612.677.750.394
329.3	- Dự phòng dao động lớn và đảm bảo cân đối		217.402.437.882	211.030.237.831
330	Nợ dài hạn		1.731.193.628	1.474.286.806
337	Phải trả dài hạn khác	13(b)	1.731.193.628	1.474.286.806
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)		3.657.488.800.939	3.445.920.422.237
410	Vốn chủ sở hữu		3.657.488.800.939	3.445.920.422.237
411	Vốn góp của chủ sở hữu	17,18	1.823.914.550.000	1.658.106.170.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.823.914.550.000	1.658.106.170.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	17,18	369.756.607.309	369.756.607.309
418	Quỹ đầu tư phát triển	18	205.815.380.525	205.815.380.525
419	Quỹ dự trữ bắt buộc	18	182.391.455.000	165.810.617.000
421	Lợi nhuận chưa phân phối	18	1.075.610.808.105	1.046.431.647.403
421a	- Lợi nhuận sau thuế lũy kế của các năm trước		714.812.650.403	676.985.686.907
421b	- Lợi nhuận sau thuế của năm này		360.798.157.702	369.445.960.496
440	TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)		8.474.649.789.539	7.713.256.003.162


Nguyễn Năng Khoan
Người lập

Nguyễn Thành Công
Kế toán trưởngMai Xuân Dũng
Tổng Giám đốc
Ngày 14 tháng 3 năm 2025

Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 64 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
(TIẾP THEO)

Mã số	CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Đơn vị	Tại ngày	
			31/12/2024	31/12/2023
1.	Ngoại tệ các loại			
	Đô la Mỹ	USD	3.357.310,43	36.202,05
	Đô la Úc	AUD	345,15	345,15
	Yên Nhật	JPY	43.775,00	43.775,00
	Đô la Singapore	SGD	1.119,87	1.119,87
	Bảng Anh	GBP	5.770,51	5.770,51
	Đồng tiền chung Châu Âu	EUR	98.131,97	24.957,24



Nguyễn Năng Khoan
Người lập



Nguyễn Thành Công
Kế toán trưởng



Mai Xuân Dũng
Tổng Giám đốc
Ngày 14 tháng 3 năm 2025

Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 64 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

PHẦN I – BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG TỔNG HỢP

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
			2024 VND	2023 VND
10	Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm		1.903.414.913.090	1.630.052.986.042
11	Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư		7.799.337.253	6.497.347.116
12	Doanh thu hoạt động tài chính	24	437.829.534.705	484.490.382.234
13	Thu nhập khác		2.252.569.136	762.181.583
20	Chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm		(1.737.161.786.686)	(1.489.811.820.648)
21	Giá vốn bất động sản đầu tư		(2.208.330.547)	(2.146.238.632)
22	Chi phí hoạt động tài chính	25	(25.393.150.693)	(26.229.167.976)
23	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(120.263.916.054)	(129.152.794.497)
24	Chi phí khác		(937.052.720)	(820.650.129)
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=10+11+12+13+20+21+22+23+24)		465.332.117.484	473.642.225.093
51	Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	29	(76.677.323.101)	(78.112.599.127)
52	Thuế TNDN hoãn lại	29	246.095.538	1.688.777.751
60	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50+51+52)		388.900.889.921	397.218.403.717



Nguyễn Năng Khoan
Người lập



Nguyễn Thành Công
Kế toán trưởng



Mai Xuân Dũng
Tổng Giám đốc
Ngày 14 tháng 3 năm 2025

Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 64 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (TIẾP THEO)

PHẦN II – BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG THEO HOẠT ĐỘNG

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
			2024 VND	2023 VND
1	Doanh thu phí bảo hiểm (1=1.2-1.3)	19	2.900.584.369.437	2.532.299.552.563
1.2	- Phí nhận tái bảo hiểm		3.153.316.424.532	2.677.422.217.971
1.3	- Tăng dự phòng phí nhận tái bảo hiểm	16(a)	252.732.055.095	145.122.665.408
2	Phí nhượng tái bảo hiểm (2=2.1+2.2)	20	(1.351.525.727.839)	(1.197.763.434.817)
2.1	- Tổng phí nhượng tái bảo hiểm		(1.413.285.629.552)	(1.298.855.284.656)
2.2	- Tăng dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	16(a)	61.759.901.713	101.091.849.839
3	Doanh thu phí bảo hiểm thuần (3=1+2)		1.549.058.641.598	1.334.536.117.746
4	Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (4=4.1+4.2)		354.356.271.492	295.516.868.296
4.1	- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	22(a)	326.316.216.692	263.949.619.993
4.2	- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	23(a)	28.040.054.800	31.567.248.303
10	Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10=3+4)		1.903.414.913.090	1.630.052.986.042
11	Chi bồi thường	21	(1.204.849.234.731)	(1.025.531.240.115)
11.1	- Tổng chi bồi thường	21	(1.204.849.234.731)	(1.025.531.240.115)
12	Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	21	632.979.577.033	562.583.052.592
13	Tăng dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm	21	300.853.628.546	6.564.557.835
14	Tăng/(giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	21	85.290.039.901	(46.565.523.767)
15	Tổng chi bồi thường và trả tiền bảo hiểm (15=11+12-13+14)	21	(787.433.246.343)	(516.078.269.125)
16	Tăng dự phòng dao động lớn	16(b)	6.372.200.051	13.555.112.393
17	Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17=17.1+17.2)		(943.356.340.292)	(960.178.439.130)
17.1	- Chi hoa hồng bảo hiểm	22(b)	(886.196.402.981)	(821.560.935.278)
17.2	- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	23(b)	(57.159.937.311)	(138.617.503.852)
18	Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18=15-16+17)		(1.737.161.786.686)	(1.489.811.820.648)
19	Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19=10+18)		166.253.126.404	140.241.165.394
20	Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư		7.799.337.253	6.497.347.116
21	Giá vốn bất động sản đầu tư		(2.208.330.547)	(2.146.238.632)
22	Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư bất động sản (22=20+21)		5.591.006.706	4.351.108.484

Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 64 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (TIẾP THEO)

PHẦN II – BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG THEO HOẠT ĐỘNG (TIẾP THEO)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
			2024 VND	2023 VND
23	Doanh thu hoạt động tài chính	24	437.829.534.705	484.490.382.234
24	Chi phí hoạt động tài chính	25	(25.393.150.693)	(26.229.167.976)
25	Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25=23+24)		412.436.384.012	458.261.214.258
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(120.263.916.054)	(129.152.794.497)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=19+22+25+26)		464.016.601.068	473.700.693.639
31	Thu nhập khác		2.252.569.136	762.181.583
32	Chi phí khác		(937.052.720)	(820.650.129)
40	Lợi nhuận/(chi phí) khác - số thuần (40=31+32)		1.315.516.416	(58.468.546)
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)		465.332.117.484	473.642.225.093
51	Thuế TNDN hiện hành	29	(76.677.323.101)	(78.112.599.127)
52	Thuế TNDN hoãn lại	29	246.095.538	1.688.777.751
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50+51+52)		388.900.889.921	397.218.403.717


 Nguyễn Năng Khoan
 Người lập


 Nguyễn Thành Công
 Kế toán trưởng


 Mai Xuân Dũng 
 Tổng Giám đốc
 Ngày 14 tháng 3 năm 2025

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(THEO PHƯƠNG PHÁP TRỰC TIẾP)**

		Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tiền thu từ hoạt động kinh doanh nhận, nhượng tái bảo hiểm	1.116.751.883.461	1.059.810.734.718
02	Tiền chi cho hoạt động kinh doanh nhận, nhượng tái bảo hiểm	(627.707.163.059)	(555.798.195.215)
03	Tiền chi trả cho người lao động	(58.500.758.673)	(58.944.808.436)
05	Trả tiền nộp thuế TNDN	(74.947.757.823)	(92.054.424.527)
06	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	10.923.941.429	4.154.265.871
07	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(43.308.743.393)	(38.013.740.599)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	323.211.401.942	319.153.831.812
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(5.958.430.322)	(11.185.802.062)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ & tài sản dài hạn khác	152.568.182	-
23	Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(2.661.250.000.000)	(1.987.700.000.000)
24	Tiền thu hồi từ bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	2.047.183.863.014	1.499.870.215.681
27	Tiền thu lãi đầu tư, cổ tức và lợi nhuận được chia	537.588.037.453	333.982.494.963
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(82.283.961.673)	(165.033.091.418)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
36	Tiền cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(165.810.617.000)	(150.737.130.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(165.810.617.000)	(150.737.130.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	75.116.823.269	3.383.610.394
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	3 66.325.858.527	62.060.369.355
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	1.655.583.777	881.878.778
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	3 143.098.265.573	66.325.858.527


Nguyễn Năng Khoan
Người lập


Nguyễn Thành Công
Kế toán trưởng



Mai Xuân Dũng
Tổng Giám đốc
Ngày 14 tháng 3 năm 2025

Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 64 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày	
			31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150+190)		5.466.527.432.290	5.646.385.571.351
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	145.428.912.948	67.490.368.460
111	Tiền		95.428.912.948	7.490.368.460
112	Các khoản tương đương tiền		50.000.000.000	60.000.000.000
120	Đầu tư ngắn hạn		2.359.284.349.627	2.655.222.070.188
121	Chứng khoán kinh doanh	4(a)	173.907.022	173.907.022
122	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	4(a)	(173.907.022)	(173.907.022)
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4(b)	2.359.284.349.627	2.660.714.828.212
124	Dự phòng đầu tư tài chính ngắn hạn	4(b)	-	(5.492.758.024)
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		765.757.228.366	1.040.807.394.087
131	Phải thu ngắn hạn khách hàng	5	624.191.049.354	723.178.236.711
131.1	- Phải thu về hợp đồng bảo hiểm		624.186.606.580	723.154.039.411
131.2	- Phải thu khác của khách hàng		4.442.774	24.197.300
132	Trả trước ngắn hạn cho người bán		176.929.454	426.622.326
136	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	6(a)	187.231.520.504	354.492.495.480
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(45.842.270.946)	(37.289.960.430)
140	Hàng tồn kho	8	53.204.009	3.772.034.000
141	Hàng tồn kho		53.204.009	4.016.665.455
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	(244.631.455)
150	Tài sản ngắn hạn khác		497.319.698.871	375.323.327.011
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	9(a)	496.231.291.153	373.921.240.607
151.1	- Chi phí hoa hồng chờ phân bổ		495.914.588.573	373.728.468.432
151.2	- Chi phí trả trước ngắn hạn khác		316.702.580	192.772.175
152	Thuế giá trị gia tăng ("GTGT") được khấu trừ		1.088.407.718	1.402.086.404
190	Tài sản tái bảo hiểm		1.698.684.038.469	1.503.770.377.605
191	Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	19(a)	701.983.536.698	640.223.634.985
192	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	19(a)	996.700.501.771	863.546.742.620

Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 70 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
(TIẾP THEO)**

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày	
			31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
200	TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)		3.311.024.139.783	2.355.870.577.399
210	Các khoản phải thu dài hạn		30.539.526.029	30.742.328.766
218	Phải thu dài hạn khác		30.539.526.029	30.742.328.766
218.1	- Ký quỹ bảo hiểm	2.11	28.000.000.000	28.000.000.000
218.2	- Phải thu dài hạn khác	6(b)	2.539.526.029	2.742.328.766
220	Tài sản cố định		20.334.127.715	25.031.793.841
221	Tài sản cố định hữu hình	10(a)	10.171.427.542	11.742.109.000
222	Nguyên giá		37.228.296.471	37.522.627.771
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(27.056.868.929)	(25.780.518.771)
227	Tài sản cố định vô hình	10(b)	10.162.700.173	13.289.684.841
228	Nguyên giá		16.379.185.933	16.379.185.933
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(6.216.485.760)	(3.089.501.092)
230	Bất động sản đầu tư	11	954.071.644	2.772.668.242
231	Nguyên giá		34.055.061.893	34.055.061.893
232	Giá trị khấu hao lũy kế		(33.100.990.249)	(31.282.393.651)
240	Tài sản dở dang dài hạn		6.202.761.368	6.411.675.248
241	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	12	3.752.597.748	4.794.985.248
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		2.450.163.620	1.616.690.000
250	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		3.241.702.414.776	2.279.499.946.895
252	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	4(c)	378.470.196.130	362.362.621.120
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4(c)	309.296.176.180	309.296.176.180
255	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4(d)	2.553.936.042.466	1.607.841.149.595
260	Tài sản dài hạn khác		11.291.238.251	11.412.164.407
261	Chi phí trả trước dài hạn	9(b)	756.407.180	1.123.428.874
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		2.676.497.738	2.430.402.200
268	Tài sản dài hạn khác	13	7.858.333.333	7.858.333.333
270	TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)		8.777.551.572.073	8.002.256.148.750


Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 70 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
(TIẾP THEO)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày	
			31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)		4.833.092.267.465	4.284.922.231.969
310	NỢ PHẢI TRẢ		4.831.361.073.837	4.283.447.945.163
311	Phải trả cho người bán	14	758.017.829.094	832.054.129.130
311.1	- Phải trả về hợp đồng bảo hiểm		756.931.243.882	826.680.842.178
311.2	- Phải trả khác cho người bán		1.086.585.212	5.373.286.952
312	Người mua trả tiền trước		409.228.046	356.646.203
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	16.252.053.492	17.464.000.846
314	Phải trả người lao động		33.644.500.387	30.490.177.159
315	Chi phí phải trả ngắn hạn		-	1.344.632.521
319	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	16(a)	66.633.489.808	78.259.558.296
319.1	Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	16(a)	176.856.406.576	147.555.514.424
321	Dự phòng phải trả ngắn hạn	17	17.078.407.468	25.410.877.397
322	Quỹ khen thưởng phúc lợi	18	29.054.437.446	33.668.361.750
329	Dự phòng nghiệp vụ	19	3.733.414.721.520	3.116.844.047.437
329.1	- Dự phòng phí nhận tái bảo hiểm		1.545.868.114.307	1.293.136.059.212
329.2	- Dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm		1.970.144.169.331	1.612.677.750.394
329.3	- Dự phòng dao động lớn và đảm bảo cân đối		217.402.437.882	211.030.237.831
330	Nợ dài hạn		1.731.193.628	1.474.286.806
337	Phải trả dài hạn khác	16(b)	1.731.193.628	1.474.286.806
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)		3.944.459.304.608	3.717.333.916.781
410	Vốn chủ sở hữu		3.944.459.304.608	3.717.333.916.781
411	Vốn góp của chủ sở hữu	20, 21	1.823.914.550.000	1.658.106.170.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.823.914.550.000	1.658.106.170.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	20, 21	369.756.607.309	369.756.607.309
418	Quỹ đầu tư phát triển	21	206.077.621.278	206.077.621.278
419	Quỹ dự trữ bắt buộc	21	182.391.455.000	165.810.617.000
421	Lợi nhuận chưa phân phối	21	1.328.818.763.482	1.283.616.274.891
421a	- Lợi nhuận sau thuế lũy kế của các năm trước		951.997.277.891	889.963.474.370
421b	- Lợi nhuận sau thuế của năm này		376.821.485.591	393.652.800.521
429	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	21	33.500.307.539	33.966.626.303
440	TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)		8.777.551.572.073	8.002.256.148.750


Nguyễn Năng Khoan
Người lập


Nguyễn Thành Công
Kế toán trưởng


Mai Xuân Dũng
Tổng Giám đốc
Ngày 24 tháng 3 năm 2025



Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 70 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
(TIẾP THEO)

Mã số	CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Đơn vị	Tại ngày	
			31/12/2024	31/12/2023
1.	Ngoại tệ các loại			
	Đô la Mỹ	USD	3.357.310,43	36.202,05
	Đô la Úc	AUD	345,15	345,15
	Yên Nhật	JPY	43.775,00	43.775,00
	Đô la Singapore	SGD	1.119,87	1.119,87
	Bảng Anh	GBP	5.770,51	5.770,51
	Đồng tiền chung Châu Âu	EUR	98.131,97	24.957,24



Nguyễn Năng Khoan
Người lập



Nguyễn Thành Công
Kế toán trưởng



Mai Xuân Dũng 
Tổng Giám đốc
Ngày 24 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

PHẦN I – BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT TỔNG HỢP

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
			2024 VND	2023 VND
10	Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm		1.903.414.913.090	1.630.052.986.042
11	Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư		11.481.301.480	6.334.444.389
12	Doanh thu hoạt động tài chính	28	425.244.331.791	474.108.028.979
13	Thu nhập khác		2.652.569.136	2.192.704.705
20	Chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm		(1.737.161.786.686)	(1.489.811.820.648)
21	Giá vốn bất động sản đầu tư		(6.921.518.047)	(11.387.377.063)
22	Chi phí hoạt động tài chính	29	(26.711.489.181)	(23.168.978.009)
23	Chi phí quản lý doanh nghiệp	30	(123.316.518.427)	(126.800.153.314)
24	Chi phí khác		(937.052.720)	(820.650.129)
25	Phần lợi nhuận thuần trong công ty liên kết	4(c)	33.144.376.173	39.164.096.869
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=10+11+12+13+20+21+22+23+24+25)		480.889.126.609	499.863.281.821
51	Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	33	(76.677.323.101)	(78.112.599.127)
52	Thuế TNDN hoãn lại	33	246.095.538	1.688.777.751
60	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50+51+52)		404.457.899.046	423.439.460.445
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	22(a)	2.157	2.241
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	22(b)	2.157	2.241



Nguyễn Năng Khoan
Người lập



Nguyễn Thành Công
Kế toán trưởng



Mai Xuân Dũng
Tổng Giám đốc
Ngày 24 tháng 3 năm 2025

Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 70 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

PHẦN II – BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT THEO HOẠT ĐỘNG

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
			2024 VND	2023 VND
1	Doanh thu phí bảo hiểm (1=1.2-1.3)	23	2.900.584.369.437	2.532.299.552.563
1.2	- Phí nhận tái bảo hiểm		3.153.316.424.532	2.677.422.217.971
1.3	- Tăng dự phòng phí nhận tái bảo hiểm	19(a)	252.732.055.095	145.122.665.408
2	Phí nhượng tái bảo hiểm (2=2.1+2.2)	24	(1.351.525.727.839)	(1.197.763.434.817)
2.1	- Tổng phí nhượng tái bảo hiểm		(1.413.285.629.552)	(1.298.855.284.656)
2.2	- Tăng dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	19(a)	61.759.901.713	101.091.849.839
3	Doanh thu phí bảo hiểm thuần (3=1+2)		1.549.058.641.598	1.334.536.117.746
4	Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (4=4.1+4.2)		354.356.271.492	295.516.868.296
4.1	- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	26(a)	326.316.216.692	263.949.619.993
4.2	- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	27(a)	28.040.054.800	31.567.248.303
10	Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10=3+4)		1.903.414.913.090	1.630.052.986.042
11	Chi bồi thường	25	(1.204.849.234.731)	(1.025.531.240.115)
11.1	- Tổng chi bồi thường	25	(1.204.849.234.731)	(1.025.531.240.115)
12	Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	25	632.979.577.033	562.583.052.592
13	Tăng dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm	25	300.853.628.546	6.564.557.835
14	Tăng/(giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	25	85.290.039.901	(46.565.523.767)
15	Tổng chi bồi thường và trả tiền bảo hiểm (15=11+12-13+14)	25	(787.433.246.343)	(516.078.269.125)
16	Tăng dự phòng dao động lớn và đảm bảo cân đối		6.372.200.051	13.555.112.393
17	Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17=17.1+17.2)		(943.356.340.292)	(960.178.439.130)
17.1	- Chi hoa hồng bảo hiểm	26(b)	(886.196.402.981)	(821.560.935.278)
17.2	- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	27(b)	(57.159.937.311)	(138.617.503.852)
18	Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18=15-16+17)		(1.737.161.786.686)	(1.489.811.820.648)
19	Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19=10+18)		166.253.126.404	140.241.165.394
20	Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư		11.481.301.480	6.334.444.389
21	Giá vốn bất động sản đầu tư		(6.921.518.047)	(11.387.377.063)
22	Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư bất động sản (22=20+21)		4.559.783.433	(5.052.932.674)

Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 70 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

PHẦN II – BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT THEO HOẠT ĐỘNG (TIẾP THEO)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
			2024 VND	2023 VND
23	Doanh thu hoạt động tài chính	28	425.244.331.791	474.108.028.979
24	Chi phí hoạt động tài chính	29	(26.711.489.181)	(23.168.978.009)
25	Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25=23+24)		398.532.842.610	450.939.050.970
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	30	(123.316.518.427)	(126.800.153.314)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=19+22+25+26)		446.029.234.020	459.327.130.376
31	Thu nhập khác		2.652.569.136	2.192.704.705
32	Chi phí khác		(937.052.720)	(820.650.129)
40	Lợi nhuận khác - số thuần (40=31+32)		1.715.516.416	1.372.054.576
40.1	Phần lợi nhuận thuần trong công ty liên kết	4(c)	33.144.376.173	39.164.096.869
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+40.1)		480.889.126.609	499.863.281.821
51	Thuế TNDN hiện hành	33	(76.677.323.101)	(78.112.599.127)
52	Thuế TNDN hoãn lại	33	246.095.538	1.688.777.751
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50+51+52)		404.457.899.046	423.439.460.445
	Phân bổ cho			
61	Tổng Công ty		404.924.217.810	421.425.243.742
62	Cổ đông không kiểm soát		(466.318.764)	2.014.216.703
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	22(a)	2.157	2.241
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	22(b)	2.157	2.241


Nguyễn Năng Khoan
Người lập


Nguyễn Thành Công
Kế toán trưởng


Mai Xuân Dũng
Tổng Giám đốc
Ngày 24 tháng 3 năm 2025



Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 70 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(THEO PHƯƠNG PHÁP TRỰC TIẾP)**

		Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tiền thu từ hoạt động kinh doanh nhận, nhượng tái bảo hiểm	1.116.751.883.461	1.059.810.734.718
02	Tiền chi cho hoạt động kinh doanh nhận, nhượng tái bảo hiểm	(627.872.352.059)	(556.479.931.810)
03	Tiền chi trả cho người lao động	(59.560.865.293)	(59.689.664.756)
05	Trả tiền nộp thuế TNDN	(74.947.757.823)	(92.054.424.527)
06	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	17.389.818.393	15.537.639.205
07	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(45.048.131.706)	(41.607.107.603)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	326.712.594.973	325.517.245.227
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(5.958.430.322)	(11.185.802.062)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác	152.568.182	-
23	Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(2.712.900.000.000)	(2.045.700.000.000)
24	Tiền thu hồi từ bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	2.092.233.863.014	1.547.270.365.270
27	Tiền thu lãi đầu tư, cổ tức và lợi nhuận được chia	541.852.981.864	339.143.961.140
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(84.619.017.262)	(170.471.475.652)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
36	Tiền cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(165.810.617.000)	(150.737.130.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(165.810.617.000)	(150.737.130.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	76.282.960.711	4.308.639.575
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	3 67.490.368.460	62.299.850.107
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	1.655.583.777	881.878.778
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61) 3	145.428.912.948	67.490.368.460


Nguyễn Năng Khoan
Người lập

Nguyễn Thành Công
Kế toán trưởngMai Xuân Dũng
Tổng Giám đốc
Ngày 24 tháng 3 năm 2025

Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 70 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

Hà Nội, ngày 02 tháng 4 năm 2025

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

V/v: Phương án phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2024

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Kinh doanh Bảo hiểm số 08/2022/QH15 ngày 16/6/2022;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam;
- Căn cứ Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đã kiểm toán năm 2024;
- Căn cứ kết quả bỏ phiếu thông qua phương án phân phối lợi tức sau thuế, chi trả cổ tức năm 2024 của Đại hội đồng cổ đông.

Tổng Công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam (VINARE) kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) phê duyệt Phương án phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức năm 2024, cụ thể như sau:

1. Phương án phát hành:

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam
- Mã cổ phiếu: VNR
- Loại chứng khoán phát hành: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần
- Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành: 182.391.455 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành: 182.391.455 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
- Số lượng chứng khoán dự kiến phát hành để trả cổ tức bằng cổ phiếu: 18.239.145 cổ phần (tương đương 10% tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành)
- Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 182.391.455.000 đồng (một trăm tám mươi hai tỷ ba trăm chín mươi một triệu bốn trăm năm mươi lăm nghìn đồng)
- Vốn điều lệ dự kiến sau phát hành: 2.006.306.005.000 đồng (hai nghìn không trăm lẻ sáu tỷ ba trăm lẻ sáu triệu không trăm năm nghìn đồng)

- Đối tượng và hình thức phát hành: phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu (cổ đông có tên trong danh sách cổ đông tại thời điểm chốt danh sách phân bổ quyền để trả cổ tức bằng cổ phiếu).

- Tỷ lệ thực hiện: 10% (tương đương tỷ lệ 10:01) có nghĩa là cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu VNR tại ngày chốt danh sách sẽ được hưởng 01 quyền, và cứ 10 quyền sẽ nhận được cổ tức là 01 cổ phiếu phát hành thêm.

- Phương án làm tròn, phương án xử lý cổ phiếu lẻ: Số cổ phiếu trả cổ tức phân phối cho cổ đông sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần cổ phiếu lẻ (phần thập phân) phát sinh do nguyên tắc tính toán sẽ bị hủy.

Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu, Cổ đông Nguyễn Văn A hiện đang sở hữu 123 cổ phiếu. Khi đó, Cổ đông A sẽ được hưởng 123 quyền, 123 quyền này sẽ được nhận cổ tức là $123 \times 10\% = 12,3$ cổ phiếu. Theo phương án làm tròn, xử lý cổ phiếu lẻ, số lượng cổ phiếu của Cổ đông A nhận được sau khi làm tròn xuống hàng đơn vị là 12 cổ phiếu, phần cổ phiếu lẻ còn lại sẽ bị hủy.

- Nguồn vốn thực hiện: Số tiền dự kiến 182.391.455.000 đồng được trích từ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31/12/2024 theo Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 đã được kiểm toán.

- Hạn chế chuyển nhượng: cổ phiếu trả cổ tức là cổ phiếu phổ thông phát hành cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ và không bị hạn chế chuyển nhượng. Quyền nhận cổ phiếu trả cổ tức không được chuyển nhượng.

- Thời gian thực hiện phát hành: Sau khi nhận được ý kiến của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền. Dự kiến trong Quý III, IV/2025.

2. Phương án sử dụng vốn điều lệ tăng thêm: nâng cao năng lực tài chính và quy mô hoạt động kinh doanh của VINARE.

3. Lưu ký bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung:

Sau khi hoàn thành đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu, toàn bộ số cổ phiếu phát hành thêm của VINARE sẽ được lưu ký bổ sung tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) và đăng ký niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX).

4. Nội dung ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị:

ĐHĐCĐ thông qua việc giao và ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị VINARE thực hiện các công việc sau đây:

+ Quyết định sửa đổi, bổ sung, chỉnh sửa hoặc thay đổi phương án phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2024 đã được ĐHĐCĐ thông qua (nếu thấy cần thiết hoặc theo yêu cầu của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền) nhằm triển khai phương án phát hành cổ phiếu được hiệu quả cao nhất, tuân thủ các quy định của pháp luật liên quan, điều lệ và đảm bảo quyền lợi cổ đông Công ty;

+ Quyết định lựa chọn thời điểm phát hành và thực hiện các thủ tục đăng ký phát hành bao gồm cả việc xin chấp thuận của Bộ Tài chính về việc tăng vốn điều lệ của doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm và báo cáo phát hành cổ phiếu với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật.

+ Thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan sau khi hoàn thành tăng vốn: Thực hiện đăng ký tăng vốn điều lệ, điều chỉnh giấy phép của Tổng công ty với cơ quan nhà nước có thẩm quyền; sửa đổi khoản mục về vốn điều lệ trong Điều lệ tổ chức và hoạt động và các giấy tờ pháp lý khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ của Tổng công ty.

+ Xây dựng hồ sơ và các tài liệu cần thiết để thực hiện đăng ký lưu ký bổ sung cổ phiếu VNR tại VSDC và đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu tại HNX theo quy định pháp luật.

+ Thực hiện các công việc, thủ tục khác mà Chủ tịch Hội đồng Quản trị thấy cần thiết để hoàn tất việc phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức theo phương án phát hành đã được ĐHĐCĐ thông qua và phê duyệt theo quy định của pháp luật.

+ Chủ tịch Hội đồng Quản trị báo cáo kết quả phát hành tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

Trân trọng./.

CHỦ TỊCH HĐQT

Nguyễn Anh Tuấn

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NĂM 2024 VÀ NHIỆM KỲ 2020 - 2024**

(Tài liệu phục vụ ĐHĐCĐ thường niên 2025 ngày 28/4/2025)

I. HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2024

A/ Chỉ đạo thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2024:

- VINARE đã thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền 10%
- VINARE đã hoàn thành việc phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức với tỷ lệ 10%
- VINARE đã lựa chọn PWC là công ty kiểm toán độc lập Báo cáo tài chính 2024
- VINARE đã hoàn thành kế hoạch kinh doanh 2024.

B/ Kết quả hoạt động kinh doanh 2024:

- Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 theo kế hoạch ĐHĐCĐ phê duyệt

Đơn vị: Tr VND

Chỉ tiêu	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2024	TH/KH 2024	Thực hiện 2023	Tăng trưởng
Doanh thu phí nhận	3.153.316	2.918.000	108,1%	2.677.422	17,8%
<i>Các nghiệp vụ TBH cốt lõi</i>	<i>2.903.724</i>	<i>2.778.000</i>	<i>104,5%</i>	<i>2.540.491</i>	<i>14,3%</i>
<i>Nghiệp vụ PA</i>	<i>249.593</i>	<i>140.000</i>	<i>178,3%</i>	<i>136.932</i>	<i>82,3%</i>
Lợi nhuận trước thuế	465.332	463.000*	100,5%	473.642	-1,8%

**/ Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐQT ngày 21/11/2024: “Ghi nhận báo cáo của Ban Điều hành và thống nhất chủ trương điều chỉnh kế hoạch lợi nhuận trước thuế 2024 theo nguyên tắc đảm bảo hoàn thành kế hoạch kinh doanh 5 năm 2020-2024 đã được ĐHĐCĐ thông qua. Chủ tịch HĐQT chỉ đạo Ban Điều hành tìm các giải pháp đảm bảo đạt mục tiêu trên, báo cáo HĐQT và trình ĐHĐCĐ thông qua tại kì họp gần nhất.”*

**/ Nghị quyết số 02/2025/NQ/HĐQT ngày 06/2/2025: thống nhất chỉ tiêu Lợi nhuận trước thuế năm 2024 là 465,48 tỷ đồng (theo Báo cáo tài chính Quý 4/2024), vượt kế hoạch Lợi nhuận trước thuế 463 tỷ đồng, đã được Hội đồng quản trị thống nhất chủ trương điều chỉnh,*

đảm bảo hoàn thành kế hoạch kinh doanh 5 năm 2020-2024; và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

- Các thành tích nổi bật:
 - FAST500 - TOP 500 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam 2024 (Vietnam Report)
 - PROFIT500 - Top 500 Doanh nghiệp lợi nhuận nhất 2024 (Vietnam Report)
 - VNR500 - Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (Vietnam Report)
 - Cuộc bình chọn Doanh nghiệp niêm yết 2024 (VLCA):
 - ✓ Top 10 doanh nghiệp nhóm ngành tài chính có Báo cáo thường niên tốt nhất
 - ✓ Top 10 doanh nghiệp Quản trị công ty tốt nhất nhóm vốn hóa vừa
 - Top 10 DN Quản trị công ty tốt năm 2023-2024 (HNX)
 - Bảng xếp hạng Doanh nghiệp đạt chuẩn công bố thông tin 2024 (Vietstock)
 - Top 10 Thương hiệu Mạnh - Tăng trưởng ấn tượng 2024 (VnEconomy – VN Economic Times)
 - VALUE 500 - TOP 500 Doanh nghiệp tạo giá trị hàng đầu Việt Nam năm 2024 (Báo Đầu tư và Viet Research)
 - TOP 50 Doanh nghiệp tiên phong và cam kết nâng cao quản trị công ty Việt Nam – VNCG50 (VIOD)
 - Bằng khen của Bộ Tài chính vì “Đã có thành tích đóng góp cho sự phát triển của thị trường Bảo hiểm Việt Nam giai đoạn 2022 – 2023”
 - Giấy khen của Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam cho tập thể VINARE vì “Đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động kinh doanh năm 2023”

C/ Hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2024

Trong năm 2024, Hội đồng quản trị đã tiến hành 3 phiên họp thường kỳ; thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết bằng văn bản (8 lần).

1. Các phiên họp Hội đồng quản trị trong năm 2024:

❖ Phiên họp lần thứ nhất (Phiên họp lần thứ 13, nhiệm kỳ IV): ngày 02/04/2024

- Phê duyệt báo cáo tài chính năm 2023;
- Phê duyệt phương án phân phối lợi tức năm 2023 và trình ĐHĐCĐ thông qua;
- Phê duyệt và trình ĐHĐCĐ thông qua thù lao của HĐQT, BKS, tổ thư ký HĐQT năm 2023;
- Thông qua Báo cáo giao dịch với các bên liên quan 2023;

- Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2023;
- Thông qua Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức năm 2022 và trình ĐHĐCĐ phê chuẩn
- Thông qua Báo cáo quản trị rủi ro 2023
- Phê chuẩn kế hoạch kinh doanh năm 2024;
- Thông qua Phương án phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức năm 2023;
- Thông qua kế hoạch Kiểm toán nội bộ năm 2024;
- Nhất trí chủ trương thành lập Tiểu ban Quản trị rủi ro và phát triển bền vững (ESG) trực thuộc Hội đồng quản trị;
- Nhất trí và trình ĐHĐCĐ thông qua đề xuất của Ban kiểm soát về danh sách các công ty kiểm toán độc lập lựa chọn sử dụng kiểm toán năm 2024;
- Ủy quyền Chủ tịch HĐQT phê chuẩn các tài liệu trình ĐHĐCĐ thường niên 2024 và giải quyết các công việc phát sinh khác liên quan đến việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2024.

❖ **Phiên họp lần thứ hai (Phiên họp lần thứ 14, nhiệm kỳ IV):** ngày 22/8/2024

- Ghi nhận báo cáo hoạt động và kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2024;
- Ghi nhận báo cáo kết quả thực hiện Kiểm toán nội bộ 6 tháng đầu năm 2024 và tình hình thực hiện các khuyến nghị của Kiểm toán nội bộ.
- Ghi nhận Báo cáo của Chuyên gia tính toán và các ý kiến của thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát. Chuyên gia tính toán tiếp thu ý kiến và hoàn thiện báo cáo cho các kỳ báo cáo sau.

❖ **Phiên họp lần thứ ba (Phiên họp lần thứ 15, nhiệm kỳ IV):** ngày 21/11/2024

- Ghi nhận báo cáo hoạt động và kết quả hoạt động kinh doanh 9 tháng 2024.
Ghi nhận báo cáo của Ban Điều hành và thống nhất chủ trương điều chỉnh kế hoạch lợi nhuận trước thuế năm 2024 theo nguyên tắc đảm bảo hoàn thành kế hoạch kinh doanh 5 năm 2020-2024 đã được ĐHĐCĐ thông qua. Chủ tịch HĐQT chỉ đạo Ban Điều hành tìm giải pháp đảm bảo đạt mục tiêu trên, báo cáo HĐQT và trình ĐHĐCĐ thông qua tại kỳ họp gần nhất.
- Đồng ý về nguyên tắc các đề xuất về chủ trương nắm giữ, đầu tư thêm hoặc thoái vốn đối với từng khoản đầu tư trong danh mục đầu tư góp vốn cổ phần của VINARE.
- Thông qua các đề xuất của Tổng giám đốc liên quan đến chương trình tái bảo hiểm 2025.
- Ghi nhận Báo cáo của Người phụ trách Quản trị công ty về kết quả hoạt động quản trị công ty năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025.

- Ghi nhận Báo cáo của Chuyên gia tính toán và các ý kiến của thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.

2. Ngoài các cuộc họp, HĐQT đã lấy ý kiến bằng văn bản và ban hành những nghị quyết sau:

- ***Quyết định số 03/2024/QĐ- HĐQT ngày 01/03/2024***
Phê duyệt thời gian, địa điểm và chương trình tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên 2024.
- ***Quyết định số 04/2024/QĐ-HĐQT ngày 22/03/2024***
Phê duyệt phân bổ tài sản vào danh mục trái phiếu ngân hàng.
- ***Nghị quyết số 13/2024/NQ-HĐQT ngày 21/06/2024***
Lựa chọn công ty TNHH PriceWaterhouseCoopers Việt Nam là công ty kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024.
- ***Nghị quyết số 14/2024/NQ-HĐQT ngày 28/06/2024***
Thông qua danh sách giới thiệu bổ sung quy hoạch nhân sự các chức danh quản trị, điều hành.
- ***Nghị quyết số 15/2024/NQ-HĐQT ngày 25/07/2024***
Thông qua danh sách quy hoạch nhân sự các chức danh quản trị, điều hành năm 2024.
- ***Nghị quyết số 19/2024/NQ-HĐQT ngày 02/10/2024***
Phê duyệt việc thay đổi tiêu thức giao đơn giá tiền lương điều chỉnh/bổ sung theo kết quả kinh doanh của người quản lý doanh nghiệp chuyên trách.
- ***Nghị quyết số 21/2024/NQ-HĐQT ngày 06/11/2024***
Thông qua chủ trương tiến hành bổ nhiệm Kế toán trưởng.
- ***Quyết định số 26/2024/QĐ-HĐQT ngày 27/11/2024***
Bổ nhiệm Kế toán trưởng VINARE.

D/ Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập:

1. Tuyên bố về tính độc lập của Thành viên HĐQT độc lập: HĐQT VINARE có 02 thành viên đáp ứng các tiêu chuẩn của Luật Doanh nghiệp năm 2020 về thành viên HĐQT độc lập:

- Ông Phạm Phan Dũng
- Bà Anna Lee On Wah

2. Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính:

- ❖ Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính năm 2024 gồm Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất được Chi nhánh Công ty TNHH PriceWaterhouse Coopers Việt Nam kiểm toán. Theo đánh giá của công ty kiểm toán, các Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính của VINARE.

❖ **Tình hình hoạt động**

- Kết quả kinh doanh năm 2024 VINARE (theo số liệu Báo cáo tài chính 2024 đã được kiểm toán):

Đơn vị: triệu VND

Chỉ tiêu	Thực hiện 2024	Thực hiện 2023	Tăng trưởng
Doanh thu phí nhận Tái bảo hiểm	3.153.316	2.677.422	<i>17,8%</i>
Lợi nhuận trước thuế	465.332	473.642	<i>-1,8%</i>

- VINARE đã thực hiện nghiêm túc các quy định về quản lý tài chính của Nhà nước, các quy định, quy trình và quy chế nội bộ của Tổng công ty.

❖ **Tình hình tài chính:**

- Năng lực tài chính của VINARE: AM Best tiếp tục khẳng định năng lực tài chính (FSR) mức B++ (Tốt) và năng lực tín dụng dài hạn của tổ chức phát hành (ICR) mức “bbb+” (Tốt); xếp hạng tín nhiệm trong phạm vi quốc gia (National Scale Rating – NSR) aaa.VN - mức cao nhất tại Việt Nam với triển vọng ổn định.
- VINARE đã thực hiện chi trả cổ tức đều đặn hàng năm ở mức cao.

3. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa VINARE, công ty con của VINARE với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó.

- VINARE và công ty con của VINARE là VINARE Invest không có giao dịch với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hay người điều hành khác trong Tổng công ty.
- Đối với các giao dịch giữa VINARE và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác, giao dịch giữa VINARE với các công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch (sau đây gọi chung là các giao dịch với bên có liên quan) trong năm 2024, Hội đồng quản trị VINARE đã có Quyết định số 25/2024/QĐ-HĐQT ngày 22/11/2024, theo đó:

“Hội đồng quản trị ủy quyền cho Tổng giám đốc quyết định các giao dịch với Người có liên quan theo quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với điều kiện:

- *Giá trị của mỗi giao dịch không vượt quá 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của VINARE.*
- *Mỗi giao dịch phải được giao kết và tiến hành theo đúng các quy định của pháp luật.*
- *Tổng giám đốc báo cáo Hội đồng quản trị tóm tắt về các giao dịch với bên/người có liên quan của Người nội bộ sau khi kết thúc năm tài chính và xác nhận rằng tất cả các điều kiện nói trên đã được tuân thủ đầy đủ.”*
- Đánh giá việc thực hiện các giao dịch với bên có liên quan trong năm 2024 (*chi tiết đính kèm*):
 - Giá trị của mỗi giao dịch không vượt quá 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của VINARE.
 - Các giao dịch đã được giao kết và tiến hành theo đúng các quy định của pháp luật và theo cơ chế thị trường.
 - Các giao dịch với bên có liên quan là các giao dịch kinh tế mang tính thường xuyên và là cốt lõi trong hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm của VINARE. Các giao dịch đã được giao kết và tiến hành trên cơ sở ngang giá và công bằng, đồng thời báo cáo chi tiết và đầy đủ tại các Báo cáo quản trị công ty năm và bán niên và công bố thông tin công khai theo quy định.

4. Kết quả đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro;

- Hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của VINARE đã được thiết lập và vận hành đáp ứng quy định của Thông tư 70/2022/TT-BTC ngày 16/11/2022.
- Báo cáo quản lý rủi ro của VINARE được cập nhật định kỳ hàng năm, phản ánh đầy đủ và chi tiết các rủi ro trong hoạt động kinh doanh của VINARE và các giải pháp ứng phó với rủi ro.
- Hệ thống kiểm soát nội bộ được giám sát bởi Bộ phận Kiểm toán nội bộ để phòng ngừa, phát hiện, xử lý các rủi ro của Tổng công ty.
- Hoạt động kiểm toán nội bộ được thực hiện theo các quy định tại Nghị định số 05/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 về việc thực hiện kiểm toán nội bộ và các quy định có liên quan của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm, Quy chế Kiểm toán nội bộ và Sổ tay Kiểm toán nội bộ.
- Bộ phận Kiểm toán nội bộ báo cáo trực tiếp trước Hội đồng quản trị về kết quả thực hiện kiểm toán nội bộ, các khuyến nghị của kiểm toán nội bộ và tình hình thực hiện các khuyến nghị.
- Định kỳ hàng quý và hàng năm, Hội đồng quản trị xem xét Báo cáo của Chuyên gia tính toán (Actuary) về thực trạng tình hình tài chính, dự báo tình hình tài chính tương lai của doanh nghiệp, chi nhánh; tình hình hoạt động đầu tư của doanh nghiệp, chi

nhánh trong đó nêu các rủi ro phát sinh và đề xuất về tài sản đầu tư, thời hạn đầu tư của từng loại tài sản, đảm bảo tương xứng giữa thời hạn của tài sản đầu tư với các trách nhiệm đã cam kết theo hợp đồng bảo hiểm; tình hình và dự báo tình hình tương lai về tổn thất, dự phòng, hiệu quả nghiệp vụ bảo hiểm.

5. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp:

- Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt vai trò định hướng chiến lược và giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.
- Hội đồng quản trị đã tuân thủ các quy định về quản trị công ty, triệu tập các cuộc họp định kỳ và lấy ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề phát sinh nhằm kịp thời chỉ đạo, ban hành các quyết định phù hợp với tình hình thực tế.
- Trong hoạt động quản lý điều hành của Ban Điều hành không ghi nhận kết luận từ các cơ quan quản lý, cơ quan chức năng về sự vi phạm hay sai sót trọng yếu.
- Các Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị đã cử đại diện tham dự các cuộc họp định kỳ và đột xuất của Ban Điều hành, phân tích, phản biện và tham mưu với Ban Điều hành nhằm đạt được giải pháp tối ưu cho lợi ích của Tổng công ty.

E/ Hoạt động của các Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị trong năm 2024

1. Tiểu ban Chính sách phát triển:

- Trong năm 2024, Tiểu ban Chính sách phát triển tổ chức họp 02 lần để thảo luận một số nội dung và có ý kiến tham mưu Hội đồng quản trị về:
 - Các giải pháp thực hiện yêu cầu của Luật Kinh doanh Bảo hiểm về vốn trên cơ sở rủi ro
 - Phương án nâng cao năng lực tài chính giai đoạn 2024-2027 của VINARE
 - Báo cáo tác động của cơn bão số 3
 - Phương án tái cơ cấu danh mục góp vốn cổ phần
- Chỉ đạo và giám sát việc thực hiện kế hoạch kinh doanh 2024 và kế hoạch 5 năm 2020 - 2024
- Chỉ đạo và giám sát việc thực thi lộ trình ESG

2. Tiểu ban Thù lao & Lương thưởng:

- Duy trì chính sách lương thưởng đã áp dụng trong năm 2023
- Thay đổi tiêu thức giao đơn giá tiền lương điều chỉnh/bổ sung theo kết quả kinh doanh của người quản lý doanh nghiệp chuyên trách.
- Triển khai công bố thù lao của HĐQT, BKS, Ban Điều hành theo quy định của pháp luật

3. Tiểu ban Nhân sự:

- Tham mưu, tư vấn cho HĐQT trong việc hoạch định chiến lược phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là chiến lược phát triển nguồn nhân lực cấp cao của Tổng công ty.
- Tham mưu, tư vấn cho HĐQT trong việc kiện toàn nhân sự Lãnh đạo cấp cao của Tổng công ty: Rà soát, bổ sung quy hoạch các chức danh quản trị, điều hành; Bổ nhiệm chức danh Kế toán trưởng VINARE.

F/ Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị 2024

Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 06/2013/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2013, thù lao của HĐQT (bao gồm cả thù lao thành viên HĐQT chuyên trách), BKS, tổ thư ký giúp việc là 3,85 tỷ VND/năm.

- Việc xác định mức thù lao của từng thành viên được thực hiện theo Nghị quyết số 11/2015/NQ-HĐQT ngày 21/8/2015.
- Thù lao của Chủ tịch HĐQT chuyên trách thực hiện theo Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐQT ngày 25/2/2021. Chủ tịch HĐQT chuyên trách không hưởng thù lao.

Chi tiết thù lao của từng thành viên đã được chi trả trong năm 2024 (trước khi nộp thuế TNCN) như sau:

TT	Thành viên HĐQT	Thù lao 2024 trước thuế (VND)
1	Ông Nguyễn Anh Tuấn - Chủ tịch HĐQT chuyên trách, Trưởng Tiểu ban Chính sách phát triển và Trưởng Tiểu ban Nhân sự	Không hưởng thù lao
2	Ông Nguyễn Xuân Việt - Phó Chủ tịch HĐQT	216.000.000
3	Bà Lee On Wah Anna - Phó Chủ tịch	216.000.000
4	Ông Mai Xuân Dũng - Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	180.000.000
5	Ông Nguyễn Đình An - Thành viên	180.000.000
6	Bà Nguyễn Thị Hương Giang - Thành viên	180.000.000
7	Ông Phạm Phan Dũng - Thành viên, Trưởng Tiểu ban Thù lao & Lương Thưởng	240.000.000
8	Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hường - Thành viên	180.000.000
9	Ông Nguyễn Hồng Hoàng Nam - Thành viên	180.000.000
	<u>Tổng</u>	<u>1.572.000.000</u>

G/ Kết quả chỉ đạo, giám sát hoạt động đối với Ban Điều hành và các cán bộ quản lý khác

- Thực hiện Nghị quyết của HĐQT, Chủ tịch HĐQT chuyên trách đã sâu sát trong công tác chỉ đạo, điều hành, đảm bảo sự ổn định và phát triển của VINARE; chỉ đạo Ban Điều hành thực hiện có kết quả một số công việc trọng tâm:
 - (1) Chú trọng kết nối, hợp tác trên nguyên tắc cùng có lợi với các doanh nghiệp bảo hiểm gốc, tái bảo hiểm để tăng cường khai thác, tối ưu hóa năng lực nhận tái bảo hiểm, tập trung vào các nghiệp vụ cốt lõi, mục tiêu tăng trưởng bền vững, hiệu quả;
 - (2) Tiếp tục nâng cao vị thế của VINARE trong nước và khu vực: phát hành định kỳ Bản tin Bảo hiểm – Tái Bảo hiểm song ngữ Anh – Việt;
 - (3) Tổ chức thành công Lễ kỷ niệm 30 năm thành lập VINARE và các hoạt động gắn kết khách hàng nhân dịp kỷ niệm 30 năm thành lập;
 - (4) Triển khai công tác đầu tư vào tài sản đảm bảo an toàn, hiệu quả trong bối cảnh lãi suất tiền gửi biến động, duy trì và nâng cao hiệu quả đầu tư; tiếp tục chú trọng công tác giám sát, xử lý phát sinh, nâng cao hiệu quả quản lý các khoản đầu tư tại các doanh nghiệp mà VINARE góp vốn;
 - (5) Tiếp tục duy trì và tăng cường năng lực tài chính; thực hiện chương trình kiểm toán nội bộ theo kế hoạch; chú trọng đến việc kiểm soát tuân thủ và quản lý rủi ro thông qua cập nhật khung quản trị rủi ro ERM, rà soát, tư vấn pháp lý đối với các vấn đề phát sinh;
 - (6) Tiếp tục hoàn thiện thể chế, quy trình, quy chế (ban hành Quy chế Quản lý và sử dụng hệ thống Công nghệ Thông tin; xây dựng dự thảo Quy chế Văn thư lưu trữ; ...);
 - (7) Kiện toàn nhân sự Lãnh đạo cấp cao của Tổng công ty (bổ nhiệm chức danh Kế toán trưởng VINARE), kiện toàn nhân sự các cấp đáp ứng nhu cầu công việc;
 - (8) Chủ tịch HĐQT được phân công chịu trách nhiệm về các vấn đề phát triển bền vững, chỉ đạo Tổng công ty tiếp tục thực hiện theo lộ trình ESG đã được HĐQT phê duyệt;
 - (9) Chính trang cơ sở vật chất, cải tạo, sửa chữa tòa nhà văn phòng và làm việc, trang thiết bị đầy đủ; hạ tầng công nghệ thông tin phù hợp với nhu cầu công việc; dần triển khai các công việc PCCC theo yêu cầu.
- Mọi vấn đề ra quyết định của HĐQT đều được thảo luận, thông báo đầy đủ, kịp thời, đúng qui định với Ban Điều hành.
- Ban Điều hành đã nghiêm túc thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ và của HĐQT.
- Ban Điều hành tham dự đầy đủ và tích cực tham gia ý kiến tại các cuộc họp HĐQT.
- Các đề xuất của Ban Điều hành đối với HĐQT đều được nghiên cứu, thảo luận và có ý kiến chỉ đạo kịp thời.

- Tổng giám đốc đã chỉ đạo Tổng công ty và các cán bộ quản lý khác chấp hành đầy đủ, kịp thời các quyết định/nghị quyết của HĐQT, Chủ tịch HĐQT chuyên trách, ĐHĐCĐ và các qui định của Nhà nước, Điều lệ Công ty niêm yết và các qui định nội bộ của Tổng Công ty.
- Hội đồng quản trị đã rà soát các chốt kiểm soát trọng yếu của Tổng công ty bao gồm: hoạt động, tài chính, tuân thủ và các hệ thống quản lý rủi ro.

H/ Phối hợp hoạt động với Ban Kiểm soát

- Hội đồng quản trị đã phối hợp chặt chẽ, kịp thời, thường xuyên với Ban Kiểm soát trong việc thực hiện các nghị quyết/quyết định của ĐHĐCĐ và của HĐQT đối với Tổng công ty.
- Mọi vấn đề ra quyết định của HĐQT đều được thảo luận, thông báo đầy đủ, kịp thời, đúng qui định với Ban Kiểm soát.
- Mọi cuộc họp HĐQT đều có sự tham dự và tham gia ý kiến của Ban Kiểm soát.
- Các đề xuất/ý kiến của Ban Kiểm soát liên quan đến hoạt động của Tổng Công ty đều được HĐQT nghiên cứu, thảo luận và có ý kiến chỉ đạo kịp thời.

K/ Thực hiện quản trị công ty theo thông lệ tốt và vượt trên tuân thủ:

Với nỗ lực nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Viện thành viên HĐQT Việt Nam (VIOD) đã khuyến nghị các công ty niêm yết thực hiện một số việc về quản trị công ty và công bố thông tin ở mức “vượt trên tuân thủ”. Hưởng ứng chủ trương trên, trong năm 2024, VINARE đã thực hiện các công việc sau:

- Thực hiện công bố thông tin bằng tiếng Anh: các thông tin đã công bố bằng tiếng Việt đồng thời được công bố bằng tiếng Anh.
- VINARE cam kết minh bạch, công bằng và tuân thủ các nguyên tắc đạo đức kinh doanh cao nhất, luôn đảm bảo quyền lợi cho các bên liên quan và tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật. Với cam kết này, VINARE không ngừng nỗ lực trong việc thiết lập, hoàn thiện và nâng cao các nguyên tắc quản trị, quy chế hoạt động, đồng thời xây dựng một hệ thống quản trị công ty chuyên nghiệp và hiệu quả. Ngoài việc thực hiện nghiêm túc các quy định của Nhà nước, VINARE còn chủ động tham khảo và áp dụng những tiêu chuẩn quốc tế mới nhất cùng các thông lệ quốc tế (như Bộ thể điểm VNCG50). Trong năm 2024, VINARE khẳng định vị thế với danh hiệu TOP 50 Doanh nghiệp tiên phong và cam kết nâng cao quản trị công ty Việt Nam – VNCG50.

II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

HĐQT thông qua và chỉ đạo Tổng công ty thực hiện kế hoạch kinh doanh và các nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2025 như sau:

1. Kế hoạch kinh doanh 2025:

Đơn vị: Tr. VND

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2024	Tăng trưởng
Tổng doanh thu (bao gồm Doanh thu phí bảo hiểm, Doanh thu hoạt động tài chính, các doanh thu khác có liên quan)	3.594.000	3.328.703	8,0%
Lợi nhuận trước thuế	503.000	465.332	8,1%
Tỷ lệ cổ tức dự kiến	10% bằng tiền	10% bằng tiền 10% bằng cổ phiếu	

2. Nhiệm vụ trọng tâm 2025 (phân công cụ thể từng thành viên theo lĩnh vực):

- Hoàn thành nhiệm vụ kinh doanh 2025 và các mục tiêu của kế hoạch kinh doanh 2025 - 2029.
- Xây dựng và triển khai đề án tái cơ cấu VINARE
- Phát triển, đẩy mạnh các nghiên cứu/đề xuất về sản phẩm, dịch vụ mới.
- Tăng cường giải pháp/ năng lực TBH cho thị trường.
- Tăng cường chuỗi cung cấp giá trị gia tăng cho khách hàng, từng bước phát triển, mở rộng thị trường.
- Đánh giá và hoàn thiện các chính sách phát triển nguồn lực.
- Tăng cường quản lý rủi ro (Rủi ro nội bộ & cung cấp giá trị gia tăng về QLRR cho thị trường).
- Duy trì/nâng hạng xếp hạng tín nhiệm AM Best.
- Tập trung quản trị chi phí theo hướng hiệu quả.
- Nâng cao năng lực đầu tư, giám sát chặt chẽ các danh mục, thực hiện đánh giá định kỳ.

II. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM NHIỆM KỲ IV (2020 – 2024)

A/ Cơ cấu của Hội đồng quản trị

HĐQT Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam (VINARE) nhiệm kỳ 2020 – 2024 được bầu ra tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ngày 11/6/2020 gồm 9 thành viên và trải qua các kỳ ĐHĐCĐ đã có các thay đổi như sau:

Họ và tên	Tính đến ngày 28/4/2025
-----------	-------------------------

1. Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT
2. Ông Phạm Công Tứ	Cố Tổng Giám đốc (đã mất tháng 10/2020)
3. Nguyễn Thị Quỳnh Hương	Thành viên HĐQT từ ngày 23/4/2021
4. Ông Mai Xuân Dũng	Thành viên HĐQT, kiêm Tổng Giám đốc từ ngày 17/11/2020
5. Ông Jared Orchard	Miễn nhiệm ngày 22/4/2022
6. Bà Anna Lee On Wah	Thành viên HĐQT từ ngày 22/4/2022 và Phó Chủ tịch HĐQT từ ngày 29/8/2022
7. Ông Nguyễn Xuân Việt	Phó Chủ tịch HĐQT từ ngày 10/09/2020
8. Ông Nguyễn Đình An	Thành viên HĐQT
9. Ông Vũ Anh Tuấn	Miễn nhiệm từ ngày 20/4/2023
10. Ông Nguyễn Hồng Hoàng Nam	Thành viên HĐQT từ ngày 20/4/2023
11. Ông Đào Nam Hải	Miễn nhiệm từ ngày 22/4/2022
12. Bà Nguyễn Thị Hương Giang	Thành viên HĐQT từ ngày 22/4/2022
13. Ông Phạm Phan Dũng	Thành viên HĐQT

- ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 ngày 23/4/2021 đã bầu bà Nguyễn Thị Quỳnh Hương giữ chức danh thành viên HĐQT VINARE nhiệm kỳ 2020 – 2024.
- ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 ngày 22/4/2022 đã phê chuẩn miễn nhiệm chức danh Phó Chủ tịch HĐQT đối với ông Jared Orchard và miễn nhiệm chức danh thành viên HĐQT ông Đào Nam Hải, đồng thời bầu 02 thành viên HĐQT mới:
 1. Bà Anna Lee On Wah (Bầu Phó Chủ tịch từ ngày 29/8/2022)
 2. Bà Nguyễn Thị Hương Giang
- ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 ngày 20/4/2023 phê chuẩn miễn nhiệm chức danh Thành viên HĐQT đối với ông Vũ Anh Tuấn, đồng thời bầu ông Nguyễn Hồng Hoàng Nam giữ chức danh thành viên HĐQT VINARE nhiệm kỳ 2020 – 2024.
- HĐQT VINARE có 3/9 thành viên nữ, với độ tuổi từ trên 30 đến trên 60, và được Viện thành viên HĐQT Việt Nam (VIOD) công nhận là HĐQT có tính đa dạng cao.
- HĐQT, BKS và Ban Điều hành có sự đoàn kết, nhất trí cao vì sự phát triển của VINARE.

B/ Các hoạt động của Hội đồng quản trị trong nhiệm kỳ IV

- 1. Đào tạo về quản trị công ty:** các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành đã tham dự đào tạo về quản trị công ty

Thành viên	Chức danh	Khóa đào tạo
Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch chuyên trách	DCP (VIOD)
Nguyễn Thị Quỳnh Hương	Thành viên HĐQT	DCP (VIOD)
Nguyễn Thị Hương Giang	Thành viên HĐQT	DCP (VIOD)
Trần Trung Tính	Trưởng BKS (đã miễn nhiệm)	DCP (VIOD)
Đỗ Anh Đức	Phó Tổng giám đốc	DCP (VIOD)
Nguyễn Mạnh Linh	Phó Tổng giám đốc	DCP (VIOD)
Nguyễn Thị Minh Châu	Người phụ trách QTCT	DCP (VIOD)
Nguyễn Anh Đức	Giám đốc Ban Đầu tư	DCP (VIOD)
Vũ Thị Mỹ Trang	Ban Nhân sự - Tổng hợp	CSMP (VIOD)
Trần Hiền Chi	Ban Nhân sự - Tổng hợp	CSMP (VIOD)

**/DCP: Chương trình Chứng nhận thành viên HĐQT của VIOD*

**/CSMP: Chương trình Chứng nhận Thư ký quản trị công ty của VIOD*

Ngoài ra, các thành viên thường xuyên tham dự các hội thảo, trao đổi, thảo luận do Ủy ban Chứng khoán, Sở Giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh và Hà Nội, VIOD tổ chức nhằm nâng cao chất lượng quản trị công ty, hướng tới vượt trên tuân thủ.

2. Hoạt động kinh doanh:

- HĐQT đã phê duyệt, thông qua và trình ĐHĐCĐ phê duyệt các kế hoạch kinh doanh và báo cáo kết quả kinh doanh, phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế, thù lao HĐQT, BKS, Thư ký giúp việc của từng năm và phương án phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức;
- Công tác QTRR đã được tổ chức và thực hiện theo đúng quy định pháp luật: HĐQT đã ban hành Chính sách quản trị rủi ro (QTRR), phê duyệt quy định nội bộ về QTT và báo cáo QTRR hàng năm của Tổng công ty;
- HĐQT đã ban hành các quyết định về triển khai xây dựng lại (nâng cấp và chuyển đổi) Hệ thống chương trình phần mềm quản lý nghiệp vụ Tái bảo hiểm (ViCore); cải tạo trụ sở làm việc tại 141 Lê Duẩn. Phần mềm Vicore đã được nội địa hóa, đưa vào sử dụng hiệu quả và tiết kiệm đáng kể chi phí so với việc sử dụng phần mềm của nhà cung cấp nước ngoài.

Nhiệm kỳ IV của Hội đồng quản trị chịu tác động lớn của đại dịch Covid-19 trong những năm 2020-2021 và bão số 3 năm 2024 (bão Yagi). HĐQT đã có nhiều nỗ

lực trong thảo luận, chỉ đạo Tổng công ty vượt qua khó khăn, hoàn thành toàn diện các chỉ tiêu kế hoạch 5 năm 2020-2024 theo phê duyệt của ĐHĐCĐ ngày 11/6/2020.

3. Quản trị công ty, cơ cấu tổ chức bộ máy: HĐQT đã hoàn thiện các cơ chế, chính sách, quy định nội bộ về công tác quản trị công ty (QTCT) và làm tốt công tác nhân sự (quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm và bổ nhiệm lại)

- HĐQT đã 01 (một) lần trình ĐHĐCĐ thông qua sửa đổi toàn văn Điều lệ Tổ chức và Hoạt động (năm 2021) và 03 (ba) lần sửa đổi về Vốn điều lệ, cổ phần của Tổng công ty (năm 2021, 2024 và 2025)
- HĐQT đã ra các quyết định bổ nhiệm:
 - o Tổng Giám đốc Mai Xuân Dũng
 - o Phó Tổng giám đốc đối với: ông Đỗ Anh Đức (01/02/2023 – 01/02/2026) và bà Lưu Thị Việt Hoa (30/12/2023 – 30/12/2026)
 - o Tái bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc Nguyễn Mạnh Linh (01/09/2022 – 01/09/2025)
 - o Kế toán trưởng Nguyễn Thành Công (02/12/2024 – 02/12/2027)
- HĐQT đã triển khai thực hiện quy trình quy hoạch các chức danh quản trị, điều hành của VINARE năm 2022 và rà soát bổ sung quy hoạch năm 2024.
- HĐQT đã ban hành các quy chế sau: Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Hội đồng quản trị; Quy chế Kiểm toán nội bộ; Quy chế Quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm đối với các chức danh cán bộ quản trị, điều hành thuộc thẩm quyền của HĐQT.
- HĐQT đã sửa đổi, bổ sung các quy chế nội bộ: Quy chế nội bộ về quản trị công ty sửa đổi (2021); Quy chế Công bố thông tin sửa đổi (2021); Quy chế Đầu tư sửa đổi (2021); Quy chế Tài chính sửa đổi (2021). HĐQT đã chỉ đạo Ban điều hành rà soát, ban hành nhiều quy chế quản lý nội bộ: Quy chế quản lý hệ thống công nghệ thông tin, quy chế quản lý rủi ro, Quy chế Quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm đối với các chức danh cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc
- HĐQT đã ra các quyết định miễn nhiệm và bổ nhiệm người đại diện vốn của VINARE tại các doanh nghiệp có vốn góp (TPBank, VINARE Invest, ABIC, SVI, PTI).

4. Các quyết định về đầu tư:

- Các quyết định phê duyệt phân bổ tài sản đầu tư vào danh mục trái phiếu ngân hàng.

5. Thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ:

- Các nghị quyết của ĐHĐCĐ đã được thực hiện đầy đủ (xin xem Phụ lục đính kèm).

C/ Đánh giá chung về hoạt động của HĐQT và kết quả hoạt động của nhiệm kỳ IV:

HĐQT đã chỉ đạo Tổng công ty hoàn thành toàn diện kế hoạch hàng năm do HĐQT đề ra và hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch 5 năm 2020-2024 theo phê duyệt của ĐHĐCĐ.

Một số chỉ tiêu về kết quả hoạt động giai đoạn 2020-2024 như sau:

Chỉ tiêu	Thực hiện	Mục tiêu kế hoạch
Tăng trưởng Doanh thu phí nhận TBH bình quân	7,6% ^(*)	9,0%
Tăng trưởng Lợi tức trước thuế bình quân	7,1%	Tối thiểu 7,0%
Combined Ratio bình quân	96,5%	Tối đa 98,0%
Tỷ lệ cổ tức bình quân/năm	17,6%	Tối thiểu 12%
ROE bình quân/năm	11,03%	Tối thiểu 10%
Vốn điều lệ năm 2024	1.823,9 tỷ VND	2.000 tỷ VND

Đối với chỉ tiêu doanh thu phí nhận TBH, trong giai đoạn 2020-2024, ĐHĐCĐ và HĐQT đã chấp thuận mục tiêu tăng trưởng doanh thu tập trung vào các nghiệp vụ cốt lõi, nghiệp vụ bảo hiểm liên kết với các tổ chức tín dụng (Banca PA) chỉ thực hiện khi đảm bảo có lãi. Kết quả: Tổng công ty đã đạt mức tăng trưởng bình quân các nghiệp vụ cốt lõi là 11,8%, cao hơn kết hoạch là 9%.

Đối với chỉ tiêu Vốn điều lệ, đến 31/12/2024 vốn điều lệ của VINARE là 1.823,9 tỷ đồng và tiếp tục trình ĐHĐCĐ thông qua tăng vốn thêm 10% (để trả cổ tức năm 2024). Dự kiến vốn điều lệ mới là 2.006 tỷ đồng – hoàn thành mục tiêu Vốn điều lệ 2.000 tỷ đồng.

HĐQT đã đảm bảo việc tuân thủ đầy đủ các nguyên tắc về quản trị công ty theo quy định pháp luật, hướng tới vượt trên tuân thủ để đáp ứng các thông lệ tốt của quốc tế. VINARE được vinh danh trong Top 10 doanh nghiệp quản trị công ty tốt nhất (nhóm vốn hóa vừa) trên thị trường chứng khoán.

D/ Phương hướng hoạt động của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ V (2025 – 2030):

1. Định hướng kinh doanh:

- ❖ Định hướng chung: hướng tới sự phát triển bền vững, an toàn, hiệu quả lâu dài của doanh nghiệp; đảm bảo quyền lợi của cổ đông, người lao động và các đối tác đồng hành với VINARE; hướng đến xếp hạng tín nhiệm quốc tế “A-” hoặc cao hơn khi có điều kiện thuận lợi.

- ❖ Trong lĩnh vực kinh doanh Tái bảo hiểm: Tuân thủ kỷ luật khai thác, đánh giá và lựa chọn rủi ro cân trọng, đảm bảo có lãi từ kinh doanh nghiệp vụ, không chạy đua theo doanh số.
- ❖ Trong lĩnh vực đầu tư: Thường xuyên rà soát, nâng cao chất lượng danh mục đầu tư, đảm bảo An Toàn – Thanh khoản – Hiệu quả.

2. Mục tiêu các chỉ số tài chính

- ❖ Tổng doanh thu (*bao gồm Doanh thu phí bảo hiểm, Doanh thu hoạt động tài chính, các doanh thu khác có liên quan*):
 - Năm 2025: 3.594 tỷ đồng, tăng trưởng 8% so với năm 2024
 - Từ 2026 - 2029: Phân đầu tăng trưởng tổng doanh thu 8%/năm, hàng năm căn cứ tình hình thực tế để rà soát, báo cáo ĐHĐCĐ.
- ❖ Lợi nhuận trước thuế:
 - Năm 2025: Kế hoạch 503 tỷ đồng, tăng trưởng 8,1% so với năm 2024.
 - Năm 2026 - 2029: Phân đầu lợi nhuận trước thuế tăng trưởng 7%/năm, hàng năm căn cứ tình hình thực tế để rà soát, báo cáo ĐHĐCĐ.
- ❖ Tỷ lệ kết hợp (combined ratio): Không quá 98%
- ❖ ROE bình quân: tối thiểu 10%
- ❖ Tăng cường năng lực tài chính để đáp ứng quy định về “Vốn trên cơ sở rủi ro” có hiệu lực từ 01/01/2028 (căn cứ hướng dẫn chính thức của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền).
- ❖ Tỷ lệ cổ tức: tối thiểu 10%/năm.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VINARE

Kết quả thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên nhiệm kỳ 2020 - 2024:

Kết quả thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2020	
1	VINARE đã thực hiện chi trả cổ tức (năm 2019) bằng tiền 20%
2	VINARE đã lựa chọn PWC là công ty kiểm toán độc lập Báo cáo tài chính 2020
3	VINARE đã hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2020
Kết quả thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2021	
1	VINARE đã thực hiện chi trả cổ tức (năm 2020) bằng tiền 15%
2	VINARE đã lựa chọn PWC là công ty kiểm toán độc lập Báo cáo tài chính 2021
3	VINARE đã hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2021
Kết quả thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2022	
1	VINARE đã thực hiện chi trả cổ tức (năm 2021) bằng tiền 13%
2	VINARE đã hoàn thành việc phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức (năm 2021) với tỷ lệ 15%
3	VINARE đã lựa chọn PWC là công ty kiểm toán độc lập Báo cáo tài chính 2022
4	VINARE đã hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2022
Kết quả thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2023	
1	VINARE đã thực hiện chi trả cổ tức (năm 2022) bằng tiền 10%
2	VINARE đã hoàn thành việc phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức (năm 2022) với tỷ lệ 10%
3	VINARE đã lựa chọn PWC là công ty kiểm toán độc lập Báo cáo tài chính 2023
4	VINARE đã hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2023
Kết quả thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2024	
1	VINARE đã thực hiện chi trả cổ tức (năm 2023) bằng tiền 10%
2	VINARE đã hoàn thành việc phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức (năm 2023) với tỷ lệ 10%
3	VINARE đã lựa chọn PWC là công ty kiểm toán độc lập Báo cáo tài chính 2024
4	VINARE đã hoàn thành kế hoạch kinh doanh 2024

Số: 02/2025/VNR-BKS

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2025

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2025**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông TCT cổ phần Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam

Căn cứ:

- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam (VNR);

- Quy chế hoạt động và chương trình làm việc của Ban kiểm soát;

Ban kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả kiểm tra, giám sát các hoạt động của VNR như sau:

A. BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2024

I. Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2024

Trong năm 2024, Ban kiểm soát đã thực hiện kiểm tra giám sát hoạt động kinh doanh của VNR năm 2023 và 6 tháng đầu năm 2024, tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 và các cuộc họp HĐQT trong năm.

Ngoài ra, thực hiện nhiệm vụ và chức năng của Ban kiểm soát, các thành viên Ban kiểm soát thường xuyên giám sát các hoạt động kinh doanh, công tác quản trị và điều hành của VNR theo các mảng nghiệp vụ được phân công trong Ban kiểm soát.

II. Giám sát tình hình hoạt động kinh doanh năm 2024

1. Đánh giá hoạt động kinh doanh năm 2024

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2024 tăng 7,09% so với năm trước, chỉ thấp hơn tốc độ tăng của các năm 2018, 2019 và 2022 trong giai đoạn 2011-2024. Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội đạt 3.692,1 tỷ đồng tăng 7,5% so với năm trước. Chỉ số CPI tăng 3,63% so với năm trước.

Theo số liệu của Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam, thị trường bảo hiểm phi nhân thọ tăng trưởng 11,7% trong năm 2024, tăng mạnh so với tỷ lệ tăng trưởng chỉ 2,3% trong năm 2023. Các nghiệp vụ bảo hiểm cá nhân (chiếm gần 60% thị phần) bao gồm nghiệp vụ con người tăng 21% và nghiệp vụ xe cơ giới tăng 7%. Các nghiệp vụ bảo hiểm thương mại như Tài sản, Kỹ thuật vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng, tuy nhiên đã giảm so với năm 2023 do tác động của Nghị định 67 (Nghiệp vụ Tài sản) và sự chậm lại của giải ngân vốn đầu tư công (Nghiệp vụ Kỹ Thuật). Nghiệp vụ bảo hiểm Hàng hóa tăng trưởng lên đến gần 13% (sau khi giảm đến 11% trong năm 2023) nhờ sự phục hồi tích cực của các hoạt động xuất nhập khẩu. Tình hình cạnh tranh phi kỹ thuật thông qua hạ phí và mở rộng điều kiện điều khoản vẫn tiếp tục đối với hầu hết

các nghiệp vụ (cả bảo hiểm cá nhân và bảo hiểm thương mại). Tuy nhiên tháng 9/2024 thị trường hứng chịu tổn thất nặng nề từ cơn bão Yagi – tổn thất thiên tai lớn nhất từ trước đến nay ảnh hưởng đến thị trường bảo hiểm Việt Nam, với số ước tổn thất lên đến hơn 400 triệu USD. Tổn thất từ bão Yagi đã ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh nghiệp vụ của hầu hết doanh nghiệp và tác động trực tiếp đến mùa tái tục 2024/2025 vừa qua.

Trong bối cảnh kinh tế tăng trưởng tốt nhưng thị trường bảo hiểm chịu tác động của cơn bão Yagi trong năm 2024, hoạt động kinh doanh của VNR năm 2024 đã đạt được các kết quả như sau:

1.1. Kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch do ĐHĐCĐ giao

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông giao theo Nghị quyết số 09/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/4/2024 như sau:

				Đơn vị: triệu đồng	
Chỉ tiêu	Thực hiện		Kế hoạch 2024	% thực hiện năm 2024	
	2024	2023		So với cùng kỳ 2023	So với kế hoạch 2024
Doanh thu phí nhận	3.153.317	2.677.422	2.918.000	117,77%	108,06%
- Các nghiệp vụ TBH cốt lõi	2.903.724	2.540.491	2.778.000	114,30%	104,53%
- Các nghiệp vụ PA	249.593	136.932	140.000	182,28%	178,28%
Lợi nhuận trước thuế	465.332	473.642	463.000	98,25%	100,50%

Chỉ tiêu Lợi nhuận trước thuế theo Nghị quyết số 09/2024/NQ-ĐHĐCĐ là 505 tỷ đồng. Tuy nhiên, do ảnh hưởng tổn thất bão Yagi, ngày 21/11/2024 tại phiên họp lần thứ 15 nhiệm kì IV, HĐQT VNR đã ban hành Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐQT thống nhất chủ trương điều chỉnh kế hoạch lợi nhuận trước thuế năm 2024 theo nguyên tắc đảm bảo hoàn thành kế hoạch kinh doanh 5 năm 2020-2024 đã được ĐHĐCĐ thông qua. Chủ tịch HĐQT chỉ đạo Ban Giám đốc tìm các giải pháp đảm bảo mục tiêu này, báo cáo HĐQT và trình ĐHĐCĐ thông qua tại kì họp gần nhất. Ngày 06/02/2025, tại Nghị quyết 02/2025/NQ-HĐQT, HĐQT thống nhất chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế năm 2024 là 465 tỷ đồng, vượt kế hoạch lợi nhuận trước thuế 463 tỷ đồng. Việc điều chỉnh kế hoạch lợi nhuận trước thuế năm 2024 sẽ được trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2025.

Các chỉ tiêu về doanh thu đều cao hơn so với cùng kỳ năm 2023. Doanh thu phí nhận vượt 8% kế hoạch doanh thu cả năm. Chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế giảm 9% so với năm 2023 và đạt 98% so với kế hoạch lợi nhuận trước thuế điều chỉnh.

1.2. Tình hình hoạt động kinh doanh năm 2024

			Đơn vị: triệu đồng	
TT	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2023	% thay đổi
1	Tổng tài sản	8.474.650	7.713.256	10%
2	Vốn chủ sở hữu	3.657.489	3.445.920	6%
3	Dự phòng nghiệp vụ (Net)	2.034.731	1.613.074	
	Dự phòng phí	843.885	652.912	29%
	Dự phòng bồi thường	973.444	749.131	30%
	Dự phòng dao động lớn	217.402	211.030	3%
4	Doanh thu	2024	2023	
	Doanh thu phí nhận	3.153.316	2.677.422	18%
	Doanh thu thuần kinh doanh bảo hiểm	1.903.415	1.630.053	17%
	Doanh thu phí bảo hiểm thuần	1.549.059	1.334.536	16%
	Doanh thu hoa hồng nhượng & doanh thu khác kinh doanh tái bảo hiểm	354.356	295.517	20%
	Doanh thu tài chính, bất động sản đầu tư	445.628	490.988	-9%
	Thu nhập khác	2.253	762	196%
5	Chi phí	2024	2023	
	Chi bồi thường	1.204.849	1.025.531	17%
	Trong đó: Chi bồi thường thuộc TNGL	787.433	516.078	53%
	Chi phí quản lý và chi khác hoạt động KDBH (bao gồm chi phí dự phòng dao động lớn)	1.069.992	1.102.886	-3%
	Chi phí tài chính, bất động sản đầu tư	27.601	28.375	-3%
	Chi phí khác	937	821	14%
6	Lợi nhuận	2024	2023	
	Lợi nhuận gộp từ KDBH	166.253	140.241	19%
	Lợi nhuận gộp từ hoạt động tài chính, bất động sản đầu tư	418.027	462.612	-10%
	Lợi nhuận từ hoạt động khác	1.316	-58	2351%
	Lợi nhuận trước thuế	465.332	473.642	-2%
	Lợi nhuận sau thuế	388.901	397.218	-2%

Tổng tài sản và vốn chủ sở hữu của VNR tại ngày 31/12/2024 lần lượt tăng 10% và 6% so với đầu năm, cho thấy tăng trưởng tốt của VNR trong năm 2024. Dự phòng nghiệp vụ (Net) đều tăng so với 31/12/2023. Doanh thu phí nhận tái và doanh thu phí bảo hiểm thuần đều tăng với tốc độ trên 10%, lần lượt là 18% và 16%. Doanh thu hoạt động tài chính, bất động sản đầu tư giảm 9% so với năm 2023 do mặt bằng lãi suất huy động tiếp tục xu hướng giảm. Chi bồi thường tăng 17% nhưng chi bồi thường thuộc trách nhiệm giữ lại tăng 53%. Do ảnh hưởng của cơn bão Yagi nên lợi nhuận trước thuế và sau thuế của VNR đều giảm 2% so với năm trước.

1.2.1. Hoạt động kinh doanh bảo hiểm

Doanh thu phí nhận và doanh thu phí bảo hiểm thuần năm 2024 lần lượt đạt 3.153 tỷ đồng và 1.549 tỷ đồng, tăng 18% và 16% so với năm trước. Một số nguyên nhân chủ yếu như sau:

- Nghiệp vụ Kỹ thuật: Doanh thu tăng trưởng tốt 10,2% nhờ sự tăng trưởng của thị trường chung.

- Nghiệp vụ Tài sản: Doanh thu tăng 4.5% so với năm trước nhưng chỉ đạt 89.4% kế hoạch, chủ yếu do tác động từ Nghị định 67/2023/NĐ-CP.

- Các nghiệp vụ Hàng hải tăng trưởng thấp (1.8%) do nghiệp vụ Hàng hóa giảm 6.2% và Thân tàu giảm 10%.

- Nghiệp vụ Hỗn hợp và Xe cơ giới tăng trưởng tốt so với năm 2023 và đạt cao so với kế hoạch nhờ tham gia mới các hợp đồng sức khỏe, xe cơ giới của một vài doanh nghiệp trong nước và một số hợp đồng nước ngoài.

- Nghiệp vụ Banca PA tăng trưởng 82.3% do một số hợp đồng mới trong nước.

Bồi thường thuộc trách nhiệm giữ lại tăng 272 tỷ đồng, tương ứng 52.7% so với năm trước. Nguyên nhân chủ yếu do bão Yagi:

- Dự phòng bồi thường tăng thêm 216,2 tỷ đồng, gấp hơn 4 lần so với năm trước, chủ yếu do các tổn thất do bão Yagi.

- Tổng tổn thất do bão Yagi thuộc trách nhiệm nhận tái bảo hiểm của VNR tính đến 31/12/2024 là 570 tỷ đồng, trách nhiệm thuộc mức giữ lại là 288 tỷ đồng (sau thu đòi XOL):

- + Nghiệp vụ Tài sản: chịu ảnh hưởng nặng nề nhất, với trách nhiệm giữ lại lên đến 214 tỷ đồng;

- + Nghiệp vụ Kỹ thuật: tổn thất thuộc trách nhiệm giữ lại do Yagi 57 tỷ đồng;

- + Nghiệp vụ Hàng hải: tổn thất thuộc trách nhiệm giữ lại do Yagi 16.6 tỷ đồng.

1.2.2. Tình hình công nợ kinh doanh Tái bảo hiểm

Tình hình công nợ kinh doanh Tái bảo hiểm tại 31/12/2024 như sau:

			Đơn vị: triệu đồng	
Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2023	+/-	
Công nợ phải thu	602.780	706.550	-103.770	-15%
Công nợ phải trả	643.302	723.274	-79.972	-11%
Net phải thu - phải trả	-40.522	-16.724	-23.798	142%
Nguồn: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của VNR				

Tổng thể công nợ phải thu và phải trả tại thời điểm 31/12/2024 đều giảm so với thời điểm 31/12/2023. Tuy nhiên, net công nợ phải thu – phải trả giảm so với cuối năm 2023 do VNR đã tăng cường hoạt động thu hồi nợ.

1.2.3. Hoạt động đầu tư tài chính

* Cơ cấu danh mục đầu tư tại 31/12/2024:

						Đơn vị: triệu đồng	
STT	Danh mục đầu tư	31/12/2024		31/12/2023		Tăng/ Giảm	Tỷ trọng
		Giá gốc	Dự phòng/CP QL ủy thác	Giá gốc	Dự phòng/CP QL ủy thác		
1	Tiền gửi	3.000.000		2.854.000		146.000	54,3%
2	Trái phiếu	1.596.984		1.129.000		467.984	28,9%
3	Góp vốn DN khác	494.296	741	494.296		-	8,9%
4	Đầu tư chứng khoán, CCQ, Ủy thác đầu tư	330.000	7.213	320.000	15.937	10.000	6,0%
5	Văn phòng cho thuê	954		2.773		(1.819)	0,0%
6	Đầu tư BĐS	10.613	9.280	10.969	8.569	(356)	0,2%
7	Tiền trên TKTT	92.526		5.387		87.140	1,7%
	Tổng cộng	5.525.373	17.234	4.816.424	24.506	708.949	100%

Tổng danh mục đầu tư tại ngày 31/12/2024 là 5.525 tỷ đồng, tăng 709 tỷ đồng so với 31/12/2023, trong đó đầu tư tiền gửi và trái phiếu (trái phiếu ngân hàng) tăng 614 tỷ đồng, phù hợp với quan điểm thận trọng của VNR. Trong năm 2024, giá trị danh mục đầu tư chứng khoán, chứng chỉ quỹ, ủy thác đầu tư của VNR không có biến động nhiều, tăng 10 tỷ đồng. Trong bối cảnh lãi suất huy động tiếp tục xu hướng giảm, VNR chuyển đổi sang đầu tư trái phiếu ngân hàng để tăng hiệu quả đầu tư và vẫn đảm bảo nguyên tắc thận trọng. Tỷ trọng tiền gửi và trái phiếu trong danh mục đầu tư lần lượt chiếm 54% và 29%.

* Hiệu quả hoạt động đầu tư tài chính:

								Đơn vị: triệu đồng	
Danh mục	2024			2023			KH 2024 LN	So với 2023	So với KH 2024
	DThu	Chi phí	LN	DThu	Chi phí	LN			
Tiền gửi	201.682	-	201.682	272.763	-	272.763	201.000	74%	100%
Trái phiếu	93.161	15	93.146	61.979	-	61.979	87.252	150%	107%
Góp vốn DN	59.133	741	58.392	123.814	(3.633)	127.447	129.000	46%	45%
Ủy thác đầu tư, CCQ	60.697	1.542	59.155	6.921	(14.288)	21.209	28.000	279%	211%
Cho thuê VP	7.799	2.208	5.591	6.497	2.146	4.351	3.748	128%	149%
Thu khác, CLTG	25.409	24.032	1.377	19.775	44.971	(25.196)	(19.000)	-5%	-7%
Tổng cộng	447.881	28.538	419.343	491.749	29.196	462.553	430.000	91%	98%

- Doanh thu hoạt động đầu tư tài chính năm 2024 đạt 447,8 tỷ đồng, giảm 43,8 tỷ đồng so với năm 2023, tương ứng 8,9%. Lợi nhuận đầu tư năm 2024 đạt 419 tỷ đồng, bằng 90,6% so với năm 2023. Nguyên nhân chính là do cổ tức bằng tiền từ TPBank năm 2024 giảm khoảng 75 tỷ đồng so với năm 2023. Loại trừ ảnh hưởng từ cổ tức bằng tiền của TPBank thì lợi nhuận đầu tư năm 2024 của VNR tăng 8,97% so với năm 2023 với danh mục đầu tư đều đạt hiệu quả tốt, nguyên nhân do:

+ Nguồn vốn cho hoạt động đầu tư năm 2024 tăng. Năm 2024, doanh thu tiền gửi của VNR đạt 6,9%, đây là mức tương đối tốt so với mặt bằng lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng bình quân năm 2024 đạt khoảng 4,96%/năm.

+ Tiếp tục thực hiện định hướng gia tăng phân bổ tài sản đầu tư vào trái phiếu tăng vốn cấp II của các ngân hàng theo Quyết định số 04/2024/QĐ-HĐQT ngày 22/03/2024 của HĐQT. Năm 2024, giá trị danh mục trái phiếu của VNR tăng thêm 468 tỷ so với năm 2023. Lợi suất danh mục trái phiếu của VNR năm 2024 đạt 7,3%/năm cao hơn lợi suất tiền gửi 0,4%, phản ánh hiệu quả của định hướng điều chỉnh tăng phân bổ tài sản.

+ Hoạt động ủy thác đầu tư cổ phiếu trong năm 2024 cho kết quả tốt, các hợp đồng ủy thác đầu tư của VNR đều ghi nhận giá trị tài sản ròng (NAV) cao hơn vốn đầu tư. NAV của toàn bộ danh mục ủy thác đầu tư năm 2024 tăng trưởng 22,2% trong khi VN-Index chỉ tăng 12,1%. Thu nhập từ danh mục ủy thác tăng 179% so với năm 2023.

- Riêng đối với khoản đầu tư tại VNR Invest cũng như các khoản đầu tư hợp tác dự án bất động sản giữa VNR và VNR Invest:

+ Trong năm 2024, VNR và VNR Invest đã có những động thái quyết liệt nhằm thu hồi công nợ đối với dự án Tincom 360 Giải Phóng, đã nộp Đơn yêu cầu thi hành án đến Chi cục Thi hành án quận Thanh Xuân để tiếp tục thu hồi nợ đối với Công ty Thăng Long. Kết quả năm 2024 đã thu hồi được thêm 3 tỷ đồng là phần công nợ tiền mặt tại dự án.

+ Đối với Dự án 142 Định Công, dự án vẫn phải chờ các cơ quan chức năng có hướng dẫn cụ thể liên quan đến thủ tục phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án nhà ở thương mại. Với mục tiêu bảo đảm chấp hành pháp luật kinh doanh bảo hiểm và thu hồi vốn đầu tư, VNR đang phối hợp với VNR Invest cùng với các bên liên quan xây dựng phương án chấm dứt hợp đồng hợp tác, thu hồi vốn đầu tư trong thời gian tới.

+ Năm 2024, Hội đồng Quản trị đã ban hành Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐQT ngày 21/11/2024 thống nhất chủ trương thoái vốn tại VNR Invest và đặt mục tiêu hoàn thành trước ngày 01/01/2028 để đảm bảo tuân thủ pháp luật kinh doanh bảo hiểm.

2. Rà soát báo cáo tài chính năm 2024

- Báo cáo tài chính năm 2024 do Chi nhánh Công ty TNHH PwC Việt Nam kiểm toán bao gồm: Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất. Về cơ bản, báo cáo tài chính năm 2024 của VNR đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước của VNR trong năm 2024, phù hợp với chuẩn mực kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

- VNR đã thực hiện nghiêm túc các quy định về quản lý tài chính của Nhà nước, các quy trình và quy chế nội bộ.

Hoạt động kinh doanh của VNR trong năm 2024 có mức tăng trưởng tốt, chỉ tiêu về doanh thu phí nhận tăng 18% và hoàn thành 108% kế hoạch. Chỉ tiêu lợi nhuận giảm 2% và hoàn thành kế hoạch điều chỉnh do ảnh hưởng của cơn bão Yagi. VNR cũng thực hiện nghiêm túc các quy định liên quan đến công tác tài chính kế toán, trích lập dự phòng đầy đủ và theo nguyên tắc thận trọng.

3. Công tác chỉ đạo điều hành của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc

3.1. Công tác quản trị, điều hành doanh nghiệp

VNR chấp hành nghiêm túc, đầy đủ các quy định của pháp luật và các quy chế quản trị nội bộ của VNR.

3.2. Phối hợp giữa HĐQT, Ban giám đốc, các Phòng và Ban kiểm soát

HĐQT, Ban giám đốc và các đơn vị của VNR đều tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình thực hiện các chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát, thực hiện giải trình cung cấp số liệu, tài liệu cho Ban kiểm soát kịp thời, đầy đủ theo yêu cầu.

3.3. Các mặt hoạt động khác

- Hoàn thành xây dựng Quy chế quản lý và sử dụng hệ thống công nghệ thông tin.
- Hoàn thành bổ nhiệm lại đối với các vị trí cán bộ quản lý đến hạn và bổ nhiệm chức danh Kế toán trưởng
- Về rating, tiếp tục duy trì FSR B++ và ICR bbb+ (AM Best).
- Nâng cấp hệ thống ViOffice và hệ thống bảo mật.

Các vấn đề ra quyết định của HĐQT đều được thảo luận và thông báo đầy đủ tới Giám đốc và Ban kiểm soát. Ban Giám đốc chấp hành nghiêm túc và đầy đủ các Nghị quyết, chỉ đạo từ HĐQT.

III. Khuyến nghị

Trên cơ sở kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024, BKS kiến nghị HĐQT, Ban giám đốc một số vấn đề như sau:

- Tăng cường khai thác doanh thu nhận tái trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc kiểm soát chặt chẽ rủi ro và tuân thủ kỉ luật khai thác nhằm tăng lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm.
- Tăng cường hoạt động kiểm soát rủi ro đầu tư, thực hiện phân bổ tài sản đầu tư đảm bảo hiệu quả đầu tư cũng như bảo toàn vốn.
- VNR xây dựng lộ trình để đáp ứng yêu cầu quản lý tài chính theo mô hình RBC (Kiểm soát vốn trên cơ sở rủi ro) theo quy định tại Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2022.
- Rà soát chặt chẽ và tích cực thu hồi công nợ tái bảo hiểm.
- Tiếp tục tăng cường chỉ đạo thu hồi công nợ, kịp thời ghi nhận doanh thu của các dự án đầu tư khi đủ điều kiện ghi nhận theo quy định, đồng thời đánh giá khả năng thu hồi công nợ và trích lập dự phòng (nếu có).

B. BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2020 - 2024

I. Cơ cấu của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát VNR nhiệm kỳ 2020 - 2024 được bầu tại đại hội đồng cổ đông ngày 11/6/2020 gồm các thành viên sau :

1. Ông Trần Trung Tính

2. Bà Lê Thị Thanh Hiền

3. Ông Vũ Ngọc Vượng

4. Ông Đào Mạnh Dương

5. Ông Tushar Chatterjee

Các thành viên Ban Kiểm soát đã bầu ông Trần Trung Tính làm Trưởng Ban Kiểm soát.

Ngày 20/3/2023, ông Trần Trung Tính đã có đơn xin từ nhiệm Thành viên Ban kiểm soát.

Ngày 20/4/2023, Đại hội đồng cổ đông đã bầu bổ sung bà Trần Thị Minh Phương – Tổng công ty Bảo hiểm BIDV là Thành viên Ban kiểm soát.

Tính đến thời điểm hiện tại, Ban kiểm soát VNR gồm 5 thành viên.

II. Hoạt động của Ban kiểm soát trong nhiệm kỳ 2020 - 2024

Để hoàn thành nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao, căn cứ Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của VNR, Ban kiểm soát VNR nhiệm kỳ 2020 - 2024 đã thống nhất và ban hành phương thức làm việc của Ban Kiểm soát, phân công công việc trong Ban Kiểm soát và thực hiện nghiêm túc các công việc như sau:

- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị.
- Tổ chức họp Ban kiểm soát định kỳ theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của VNR.
- Thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong công tác quản lý và điều hành.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính 6 tháng và hàng năm của VNR.
- Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo kết quả kinh doanh hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông tại các cuộc họp thường niên hàng năm.
- Xem xét các báo cáo kiểm toán và thư quản lý của tổ chức kiểm toán (nếu có).
- Xem xét các kế hoạch, báo cáo của VNR về: đầu tư; các phương án phát triển hợp tác kinh doanh; công tác quản lý tổ chức, lao động tiền lương, thưởng; các chế độ chính sách liên quan đến người lao động và VNR.
- Phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các phòng ban quản lý, nghiệp vụ trong VNR để hoàn thành nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.

III. Đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2020 - 2024

- Tuân thủ quy định của pháp luật, điều lệ tổ chức và hoạt động của VNR, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

- Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao trung thực, nghiêm túc đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của các cổ đông.

- Kết quả kiểm soát và giám sát của Ban Kiểm soát trong nhiệm kỳ này góp phần cùng Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp trong việc thực hiện chiến lược hoạch định phát triển kinh doanh của VNR.

IV. Kết quả thẩm định báo cáo tài chính và rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ

1. Công tác lập báo cáo tài chính

- Báo cáo tài chính của VNR được lập theo các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành. Các báo cáo tài chính trong nhiệm kỳ 2020 - 2024 đều được Công ty TNHH PwC (Việt Nam) kiểm toán, 1 trong 4 công ty kiểm toán lớn.

- Ban kiểm soát đã xem xét, rà soát báo cáo tài chính 6 tháng và hàng năm. Báo cáo tài chính đều được kiểm toán chấp nhận toàn phần, phản ánh trung thực, hợp lý trên khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của VNR trong nhiệm kỳ 2020 - 2024.

2. Kết quả hoạt động kinh doanh

VNR đã bám sát mục tiêu kế hoạch kinh doanh hàng năm mà Đại hội đồng cổ đông đề ra. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã tập trung triển khai các biện pháp để nâng cao hiệu quả, duy trì hoạt động kinh doanh hàng năm tăng trưởng ổn định.

					Đơn vị tính: triệu đồng	
TT	Chỉ tiêu	31-12-20	31-12-21	31-12-22	31-12-23	31-12-24
1	Tổng tài sản	6.738.340	6.915.255	6.861.671	7.713.256	8.474.650
2	Vốn chủ sở hữu	2.939.020	3.064.039	3.212.138	3.445.920	3.657.489
3	Dự phòng nghiệp vụ (theo TNGL)	1.542.850	1.519.691	1.497.060	1.613.074	2.034.729
3.1	Dự phòng phí	726.440	614.668	608.882	652.912	843.884
3.2	Dự phòng bồi thường	644.345	720.259	690.703	749.131	973.443
3.3	Dự phòng dao động lớn	172.065	184.764	197.475	211.030	217.402
4	Doanh thu	2020	2021	2022	2023	2024
4.1	Doanh thu phí nhận tái	2.447.705	2.246.160	2.368.870	2.677.422	3.153.316
4.2	Doanh thu thuần hoạt động KDBH	1.578.398	1.605.862	1.514.308	1.630.053	1.903.415
4.3	Doanh thu tài chính, BĐS đầu tư	389.347	462.105	417.924	490.988	445.628
4.4	Thu khác	642	628	986	762	2.253
5	Chi phí	2020	2021	2022	2023	2024
5.1	Chi bồi thường	950.313	856.128	976.933	1.025.531	1.204.849
	Trong đó: Chi bồi thường thuộc TNGL	430.792	390.686	344.675	516.078	787.433
5.2	Chi phí quản lý và chi khác hoạt động KDBH (bao gồm chi phí dự phòng dao động lớn)	1.139.027	1.174.940	1.042.902	1.102.886	1.069.992
5.3	Chi phí tài chính, BĐS đầu tư	40.148	94.638	105.544	28.375	27.601
5.4	Chi phí khác	1.206	416	726	821	937
6	Lợi nhuận	2020	2021	2022	2023	2024
6.1	Lợi nhuận gộp từ KDBH	93.238	129.755	237.232	140.241	166.253
6.2	Lợi nhuận gộp từ hoạt động tài chính, BĐS đầu tư	349.199	367.467	312.380	462.612	418.027
6.3	Lợi nhuận từ hoạt động khác	-564	212	260	-58	1.316
6.4	Lợi nhuận trước thuế	357.214	407.914	439.371	473.642	465.332
6.5	Lợi nhuận sau thuế	291.092	331.683	354.828	397.218	388.900
Nguồn: Báo cáo tài chính riêng đã kiểm toán của VNR						

- VNR duy trì hoạt động kinh doanh ổn định và mức lợi nhuận tốt qua 5 năm 2020-2024, doanh thu phí nhận tái và lợi nhuận trước thuế tăng trưởng bình quân lần lượt 7,6% và 7,1%

- Quy mô doanh nghiệp tăng trưởng tốt, tổng tài sản và vốn chủ sở hữu đều tăng 25% so với đầu nhiệm kỳ.

- VNR duy trì mức trả cổ tức tiền mặt hàng năm 10% - 20% và cổ phiếu thưởng 15% (năm 2021), cổ tức bằng cổ phiếu 10% (năm 2023 và 2024) theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- Đánh giá thực hiện kế hoạch kinh doanh 5 năm theo Nghị quyết đại hội cổ đông năm 2020 như sau:

	Kế hoạch	Thực hiện	Kết quả
Tăng trưởng doanh thu phí nhận bình quân	9%/năm	7,64%	
Tỷ lệ combined ratio bình quân	Tối đa 98%	96,55%	Hoàn thành
Tăng trưởng lợi nhuận trước thuế bình quân	Tối thiểu 7%/năm	7,10%	Hoàn thành
Tỷ lệ cổ tức	Tối thiểu 12%/năm	13%-20%	Hoàn thành
ROE bình quân	Tối thiểu 10%/năm	10,79%	Hoàn thành
Vốn điều lệ	2000 tỷ đồng	1.823 tỷ đồng	

Chỉ tiêu doanh thu phí nhận bình quân thấp hơn kế hoạch được giao. Tuy nhiên, doanh thu nghiệp vụ cốt lõi tăng trưởng đạt 11,8%, nghiệp vụ bảo hiểm liên kết với các tổ chức tín dụng (Banca PA) chỉ thực hiện khi đảm bảo có lãi.

Chỉ tiêu vốn điều lệ thấp hơn kế hoạch được giao. Tuy nhiên, bổ sung cổ tức bằng cổ phiếu 10% từ lợi nhuận sau thuế năm 2024 trình Đại hội đồng cổ đông năm 2025 thông qua, vốn điều lệ dự kiến sẽ đạt 2.006 tỷ đồng, vượt kế hoạch được giao.

3. Rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ

Trong nhiệm kỳ 2020-2024, VNR đã thành lập Ban Kiểm toán nội bộ, thực hiện 16 cuộc kiểm toán đối với tất cả các phòng ban của VNR, rà soát, kiểm tra việc tuân thủ các quy trình, quy chế nội bộ của VNR cũng như việc tuân thủ các quy định của pháp luật. Ban Kiểm toán nội bộ cũng đã đưa ra các kiến nghị để hoàn thiện hơn hệ thống kiểm soát nội bộ và nâng cao hiệu quả hoạt động của VNR.

Ngoài việc PwC (1 trong 4 công ty kiểm toán Big4) thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính, VNR cũng đã thuê Deloitte xây dựng Báo cáo giao dịch liên kết và KPMG tư vấn thành lập Ban Kiểm toán nội bộ.

Trong nhiệm kỳ tới 2025-2029, tiểu ban Nhân sự cũng đề xuất thành lập Ủy ban Kiểm toán và quản lý rủi ro, có vai trò giám sát hoạt động tài chính và hệ thống kiểm soát nội bộ của VNE; giám sát và quản lý các rủi ro, đảm bảo hệ thống quản trị rủi ro hiệu quả nhằm giảm thiểu tổn thất và tối ưu hóa cơ hội kinh doanh.

V. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

- Trong suốt nhiệm kỳ hoạt động, Ban Kiểm soát được cung cấp đầy đủ các thông tin về các quyết định của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc, được tạo thuận lợi để thực hiện công tác của Ban Kiểm soát.

- Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát luôn có sự trao đổi thông tin trong các vấn đề có liên quan đến định hướng của VNR, bám sát nhiệm vụ được giao để hoàn thành tốt và nâng cao hiệu quả hoạt động.

- Định kỳ, Ban Kiểm soát đều có báo cáo và kiến nghị bằng văn bản gửi tới Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc. Những kiến nghị của Ban Kiểm soát đều được ghi nhận và triển khai thực hiện.

VI. Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc

- Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm quản lý có tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và cẩn trọng trong hoạt động kinh doanh, đảm bảo nghiêm túc theo quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của VNR, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

- Hội đồng quản trị họp thường kỳ đầy đủ, các thành viên của Hội đồng quản trị có sự thống nhất cao. Các nghị quyết của Hội đồng quản trị được ban hành kịp thời, thực hiện tốt chức năng quản trị của Hội đồng quản trị, đồng thời đáp ứng yêu cầu điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Giám đốc. Trong nhiệm kỳ 2020 - 2024, Ban kiểm soát không nhận được kiến nghị nào của cổ đông đối với chỉ đạo và điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.

- Đảm bảo thu nhập người lao động ổn định. Thực hiện tốt nghĩa vụ nộp thuế và các khoản phải nộp nhà nước khác.

- Trong nhiệm kỳ 2020 - 2024, Ban kiểm soát đánh giá Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoạt động tích cực hiệu quả. Hội đồng quản trị đã chỉ đạo kịp thời Ban Giám đốc, nắm bắt cơ hội của thị trường bảo hiểm, đặc biệt trong bối cảnh kinh tế có nhiều biến động do tác động của dịch Covid-19 và thiệt hại do bão Yagi vào năm 2024, dẫn dắt VNR vượt qua khó khăn và đảm bảo kinh doanh hiệu quả, an toàn vốn của các cổ đông và nhà nước, hoàn thành các chỉ tiêu đã được thông qua trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ 2020 - 2024.

- Hội đồng quản trị cũng đã chỉ đạo sát sao việc thực hiện hợp tác với cổ đông chiến lược SwissRe, nâng cao năng lực tài chính, năng lực cạnh tranh và vị thế của VNR trên thị trường bảo hiểm trong và ngoài nước.

VII. Kiến nghị của Ban kiểm soát

- Tăng cường các giải pháp để mở rộng thị trường, duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định trong trung, dài hạn. Nâng cao năng lực báo cáo về các cơ hội và rủi ro tiềm ẩn đối với VNR do tác động của thị trường tài chính và nền kinh tế vĩ mô trong thời gian tới để có kế hoạch giảm thiểu rủi ro tác động tới VNR.

- Kết hợp với các nhà tái bảo hiểm có uy tín, tổ chức các buổi hội thảo, trao đổi nghiệp vụ nhằm nâng cao chất lượng cán bộ, giúp các doanh nghiệp bảo hiểm trong nước nhận thức đầy đủ về các loại rủi ro, nâng cao vị thế của VNR trên thị trường.

- Tăng cường hoạt động đào tạo nhằm nâng cao trình độ chuyên sâu về nghiệp vụ và trình độ quản trị. Theo đó, VNR phát triển nguồn nhân sự cấp cao để nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của VNR.

- Tăng cường nguồn lực kiểm toán nội bộ để nâng cao khả năng kiểm tra, rà soát quy trình kiểm soát nội bộ xuyên suốt của VNR.

- Tăng cường hoạt động kiểm soát rủi ro đầu tư để nâng cao hiệu quả đầu tư cũng như đảm bảo an toàn vốn.

Kính thưa các quý vị cổ đông

Ban Kiểm soát chúng tôi xin chân thành cảm ơn sự tín nhiệm của các cổ đông đã bầu và ủng hộ chúng tôi.

Ban Kiểm soát cũng xin cảm ơn Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các Ban chuyên môn đã tạo điều kiện thuận lợi nhất để Ban Kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ trong nhiệm kỳ qua.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Các Thành viên BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Lê Thị Thanh Hiền

Hà Nội, ngày 02 tháng 4 năm 2025

TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

V/v: *Kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS, Thư ký HĐQT nhiệm kỳ 2025 - 2030*

I. Thực hiện chi trả thù lao HĐQT, BKS, Thư ký nhiệm kỳ 2020 - 2024:

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Kiểm soát (BKS), Thư ký HĐQT tại thời điểm 31/12/2024 như sau:

- Hội đồng quản trị: 9 người (bao gồm 1 thành viên HĐQT chuyên trách)
- Ban kiểm soát: 5 người
- Thư ký HĐQT: 2 người

Thù lao đối với thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát và Thư ký HĐQT được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 11/2015/QĐ-HĐQT ngày 21/8/2015. Cụ thể:

- Mức chi trả:** Được tính theo số tháng thực tế mà các thành viên đảm nhiệm chức danh hưởng thù lao, thực hiện theo nguyên tắc làm tròn
 - Thù lao thành viên HĐQT:
 - Chủ tịch HĐQT: 20 triệu đồng/người/tháng
 - Phó Chủ tịch HĐQT: 18 triệu đồng/người/tháng
 - Thành viên HĐQT: 15 triệu đồng/người/tháng
 - Trưởng tiểu ban thuộc HĐQT: được hưởng thêm phụ cấp 5 triệu đồng/người/tháng
 - Thù lao Ban Kiểm soát:
 - Trưởng Ban kiểm soát: 10 triệu đồng/người/tháng
 - Thành viên Ban Kiểm soát: 8 triệu đồng/người/tháng
 - Thù lao Thư ký HĐQT: 4 triệu đồng/người/tháng.
- Tổng số thù lao đã chi trả HĐQT, BKS và Tổ thư ký năm 2024:** 2,172 tỷ đồng (Chủ tịch HĐQT chuyên trách không hưởng thù lao, phụ cấp).

II. Đề xuất mức chi trả thù lao thành viên HĐQT, BKS và Thư ký giúp việc áp dụng từ nhiệm kỳ 2025 - 2030 cho đến khi có quyết định khác:

Mức tiền lương tối thiểu Vùng: Theo quy định của Chính phủ, tính từ năm 2015 đến nay, mức lương tối thiểu Vùng 1 đã tăng 56%: từ mức 3.100.000 đồng áp dụng từ năm 2015 lên mức 4.960.000 đồng áp dụng từ 1/7/2024.

Để đảm bảo mức thù lao phù hợp với tình hình thực tế, Tổng công ty Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam đề xuất mức chi trả thù lao đối với các thành viên HĐQT, BKS và Thư ký giúp việc như sau:

1. **Đối tượng hưởng:** Thành viên HĐQT kiêm nhiệm, Thành viên BKS kiêm nhiệm, Thư ký HĐQT kiêm nhiệm (*Thành viên HĐQT, BKS, Thư ký chuyên trách không hưởng bất cứ khoản thù lao, phụ cấp nào của thành viên HĐQT, BKS, Thư ký kiêm nhiệm và khi tham gia các Tiểu ban thuộc HĐQT*)..

2. **Mức chi trả:**

a) Thù lao thành viên HĐQT:

- Chủ tịch HĐQT: 25 triệu đồng/người/tháng;
- Phó Chủ tịch HĐQT: 22 triệu đồng/người /tháng;
- Thành viên HĐQT: 20 triệu đồng/người/tháng;
- Trưởng các Tiểu Ban thuộc HĐQT được hưởng thêm phụ cấp 5 triệu đồng/người/tháng.

b) Thù lao Ban kiểm soát:

- Trưởng Ban kiểm soát: 15 triệu đồng/người/tháng;
- Thành viên Ban kiểm soát: 10 triệu đồng/người/tháng.

c) Thù lao Thư ký HĐQT: 06 triệu đồng/người/tháng.

Tổng số thù lao HĐQT, Ban KS và Thư ký giúp việc dự kiến chi trả năm 2025 theo nguyên tắc đề xuất trên là: 2,832 tỷ đồng.

3. **Thanh toán:** Thù lao được tính theo thời gian thực tế mà các thành viên đảm nhiệm chức danh hưởng thù lao và được thanh toán định kỳ hàng quý, bằng hình thức chuyển khoản và trả vào tài khoản do các thành viên cung cấp.

4. **Thời điểm áp dụng:** Bắt đầu từ nhiệm kỳ 2025 - 2030 cho đến khi có qui định khác.

Trân trọng cảm ơn./.

TM. TIỂU BAN THÙ LAO VÀ LƯƠNG THƯỞNG
THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP

Phạm Phan Dũng

Hà Nội, ngày 02 tháng 4 năm 2025

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN & KẾ HOẠCH KINH DOANH 2025 - 2029

A. Tình hình thị trường và doanh nghiệp giai đoạn 2020-2024

1. Tình hình thị trường

1.1 Khuôn khổ pháp lý ban hành gần đây

- Ngày 16/06/2022, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã thông qua Luật kinh doanh bảo hiểm sửa đổi số 08/2022/QH15;
- Các Nghị định, Thông tư hướng dẫn một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm 2022 lần lượt được ban hành như: Nghị định của Chính phủ số 46/2023/NĐ-CP ngày 01/07/2023, Thông tư của Bộ tài chính số 70/2022/TT-BTC ngày 16/11/2022, Thông tư của Bộ Tài chính số 67/2023/TT-BTC ngày 02/11/2023;
- Nghị định số 67/2023/NĐ-CP ngày 06/9/2023 Quy định về bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới, bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc, bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng;
- Trước đó, Chính phủ đã ban hành một số Nghị định liên quan đến lĩnh vực bảo hiểm như: Nghị định số 03/2021/NĐ-CP ngày 15/01/2021 về bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới; Nghị định số 97/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 23/2018/NĐ-CP ngày 23/02/2018 về bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc; Nghị định số 20/2022/NĐ-CP ngày 10/3/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 119/2015/NĐ-CP ngày 13/11/2015 về bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng...

1.2 Một số tác động lớn đối với thị trường bảo hiểm:

- Từ ngày 01/01/2028, các doanh nghiệp bảo hiểm và tái bảo hiểm phải đáp ứng quy định về Vốn trên cơ sở rủi ro (Risk based Capital).
- Từ ngày 01/01/2028, các doanh nghiệp bảo hiểm và tái bảo hiểm không được kinh doanh bất động sản (BDS) trừ các trường hợp: mua cổ phiếu của doanh nghiệp kinh doanh BDS niêm yết trên thị trường chứng khoán, chứng chỉ quỹ của quỹ đại chúng; mua, đầu tư, sở hữu BDS để sử dụng làm trụ sở kinh doanh, địa điểm làm việc hoặc cơ sở kho tàng phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ; cho thuê trụ sở kinh doanh chưa sử dụng hết thuộc quyền sở hữu hoặc sử dụng; nắm giữ BDS do xử lý trái phiếu

có bảo đảm bằng BĐS, do đối trừ công nợ phải thu bằng BĐS trong thời hạn 03 năm kể từ ngày nắm giữ.

- Phí bảo hiểm đối với bảo hiểm Cháy, nổ bắt buộc được phép giảm 25% so với Nghị định số 97/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021.
- Các doanh nghiệp bảo hiểm Phi nhân thọ chỉ được cấp đơn bảo hiểm sức khỏe có thời hạn từ 01 năm trở xuống.

1.3 Thị trường bảo hiểm Phi nhân thọ Việt Nam

Giai đoạn 2020-2024 thị trường bảo hiểm Phi nhân thọ chịu nhiều tác động từ dịch Covid-19 (năm 2020, 2021), khủng hoảng niềm tin trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ (năm 2023). Tổng hợp số liệu các doanh nghiệp bảo hiểm báo cáo, doanh thu phí bảo hiểm Phi nhân thọ giai đoạn 2020-2024 chỉ tăng trưởng trung bình 8.6%/năm, trong đó các sản phẩm bán lẻ (con người, xe cơ giới) chiếm xấp xỉ 60% chỉ tăng trưởng trung bình 7.4%/năm; các nghiệp vụ khác tăng trưởng trung bình 10.6%, trong đó các năm 2020, 2023 và 2024 chỉ tăng trưởng 7.9 – 8.0%/năm.

Trong năm 2024, Bộ Tài chính đã cấp phép thành lập và hoạt động thêm 01 công ty bảo hiểm Phi nhân thọ. Tính đến 31/12/2024, thị trường đã có 32 công ty bảo hiểm Phi nhân thọ /chi nhánh công ty bảo hiểm Phi nhân thọ nước ngoài tại Việt Nam. Các công ty tiếp tục cạnh tranh gay gắt (giảm giá phí, mở rộng điều kiện điều khoản, tăng chi phí bán hàng...) ở tất cả các nghiệp vụ để giành thị phần.

Trong vài năm gần đây, tình hình đột biến về bồi thường và tỷ lệ bồi thường ở hầu hết các nghiệp vụ là vấn đề rất quan ngại, khó kiểm soát và ảnh hưởng nghiêm trọng đến kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp bảo hiểm, tái bảo hiểm. Nhiều doanh nghiệp hứng chịu tỷ lệ bồi thường cao đột biến trong lĩnh vực bảo hiểm sức khỏe trong các năm 2022-2023 làm cho kết quả kinh doanh nghiệp vụ này lỗ nghiêm trọng. Con bão Yagi (tháng 9/2024) đã gây thiệt hại nghiêm trọng, ước tính số tiền bồi thường các tổn thất về tài sản trong lĩnh vực bảo hiểm tài sản và xây dựng, lắp đặt đã lên tới hơn 400 triệu USD.

1.4 Đánh giá các nghiệp vụ bảo hiểm của thị trường BHVN

- **Nghiệp vụ bảo hiểm Tài sản:**

Kể từ khi Nghị định số 23/2018/NĐ-CP ngày 23/02/2018 của Chính phủ quy định về bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc được ban hành, kết quả kinh doanh nghiệp vụ bảo hiểm Tài sản được cải thiện đáng kể, đặc biệt là trong giai đoạn xã hội chịu tác động mạnh của dịch Covid-19 do các hoạt động sản xuất có phần giảm sút. Nghị định này đã được sửa đổi bằng Nghị định số 97/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ.

Dưới tác động của Nghị định 97/2021/NĐ-CP, giá phí của các dịch vụ có số tiền bảo hiểm trên 1000 tỷ đồng đã đồng loạt giảm nhưng tổng phí BH tài sản của thị trường vẫn tăng trưởng 15-18%/năm nhờ vào việc khách hàng mua bảo hiểm đầy đủ hơn (trước đó nhiều đơn vị mua bảo hiểm dưới giá trị).

Kể từ khi Nghị định số 67/2023/NĐ-CP ngày 06/9/2023 có hiệu lực thi hành từ ngày ban hành, thay thế cho Nghị định 97/2021/NĐ-CP về bảo hiểm Cháy nổ bắt buộc, gần như đồng loạt các dịch vụ bảo hiểm tài sản được yêu cầu giảm phí 25%. Với tỷ lệ kết hợp (combined ratio) khoảng 90-93% trong các năm trước, khi các dịch vụ tiếp tục giảm phí thêm 25%, khả năng mảng dịch vụ này cho kết quả lỗ đối với các doanh nghiệp bảo hiểm rất cao ngay cả khi không có yếu tố tổn thất bất thường như bão Yagi (tháng 9/2024). Mặc dù vậy, các doanh nghiệp bảo hiểm vẫn cạnh tranh quyết liệt bằng giảm phí. Trong năm 2024, các nhà tái bảo hiểm đồng loạt áp dụng điều kiện tối thiểu để nhận dịch vụ qua các hợp đồng TBH cố định (treaty). Rất nhiều dịch vụ không đáp ứng được yêu cầu tối thiểu nên không thu xếp được vào các hợp đồng cố định.

- **Nghệp vụ bảo hiểm Kỹ thuật** (bảo hiểm cho các công trình trong quá trình Xây dựng, lắp đặt).

Số liệu thống kê nhiều năm cho thấy kết quả kinh doanh bảo hiểm Kỹ thuật của thị trường bảo hiểm Việt Nam tương đối khả quan (có lãi) nhưng quy mô hạn chế (chỉ chiếm 4.5% tổng phí BH phi nhân thọ) do đối tượng bảo hiểm không nhiều. Cũng vì kết quả kinh doanh tốt, hàng năm các doanh nghiệp bảo hiểm thường tăng mức tự giữ lại, số lượng dịch vụ nhượng TBH ngày càng giảm.

- **Nghệp vụ bảo hiểm Hàng hóa vận chuyển**

Kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam tăng trưởng hàng năm rất tốt. Tuy vậy, các mặt hàng mà Việt Nam tham gia gia công cho đối tác nước ngoài lại thường được mua bảo hiểm (cho quá trình vận chuyển) theo hợp đồng bảo hiểm toàn cầu của bên đặt hàng; đa phần các nhà xuất nhập khẩu vẫn nhập CIF và xuất FOB. Giá trị hàng XNK được bảo hiểm tại các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam khá hạn chế. Trong giai đoạn 2020-2024, tổng phí bảo hiểm hàng hóa vận chuyển của Việt Nam chỉ tăng trưởng bình quân 5.3%/năm (số liệu các DNBH báo cáo Hiệp hội BHVN).

- **Nghệp vụ bảo hiểm Thân tàu**

Lĩnh vực bảo hiểm thân tàu cho kết quả lỗ liên tiếp từ năm 2000 đến nay, chưa có dấu hiệu cải thiện mặc dù một số DNBH đã không thể thu xếp nhượng TBH tỷ lệ (chia sẻ trách nhiệm theo đơn bảo hiểm), phải chuyển sang mua hợp đồng Vượt mức bồi thường bảo vệ (doanh nghiệp tự gánh chịu tổn thất vừa và nhỏ, giá phí TBH do nhà nhận TBH nước ngoài định giá).

- **Nghệp vụ bảo hiểm Trách nhiệm dân sự chủ tàu** (Protection and Indemnity – P&I)

Bảo hiểm P&I có mức trách nhiệm tiềm tàng rất lớn (không giới hạn) nên bắt buộc các tàu kinh doanh tuyến quốc tế phải có bảo hiểm do các Hội P&I tương hỗ cấp. Tăng trưởng doanh thu phí nhận TBH đối với nghiệp vụ này chủ yếu chỉ dựa vào sự mở rộng của đội tàu biển chạy tuyến quốc tế của Việt Nam. Trong bối cảnh kinh doanh vận tải quốc tế không mang

lại nhiều lợi nhuận, đội tàu tăng trưởng rất chậm, nhiều chủ tàu bán tàu hoặc thu hẹp phạm vi về kinh doanh trong nội thủy làm giảm quy mô phí của thị trường.

- **Nghệp vụ bảo hiểm Hàng không, Dầu khí**

Do đặc thù dịch vụ thường do các công ty môi giới bảo hiểm toàn cầu thu xếp với hàng chục, thậm chí hàng trăm công ty tái bảo hiểm nên nhiều năm qua, lĩnh vực này được đồng bảo hiểm giữa các công ty bảo hiểm gốc trong nước và nhờ môi giới TBH thu xếp với các nhà TBH quốc tế.

- **Nghệp vụ bảo hiểm nông nghiệp**

Việt Nam là đất nước có thế mạnh về sản xuất nông nghiệp. Tuy vậy, do lợi nhuận của người sản xuất thấp nên chưa chú trọng mua bảo hiểm nông nghiệp.

Bộ Tài chính đang cùng với Bộ Nông nghiệp rà soát, báo cáo Chính phủ đề sửa đổi Nghị định về các chính sách hỗ trợ trong bảo hiểm nông nghiệp.

- **Nghệp vụ bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm tai nạn cá nhân - BancaPA**

+ Nhóm nghiệp vụ này chiếm tỷ trọng từ 33-36% tổng doanh thu phí bảo hiểm Phi nhân thọ tại thị trường BH Việt Nam. Bảo hiểm sức khỏe hầu như bị lỗ nên Vinare hạn chế nhận.

+ Bảo hiểm tai nạn cá nhân - BancaPA: Bảo hiểm BancaPA có quy mô doanh thu bảo hiểm gốc lớn nhưng tỷ lệ chi phí khai thác rất lớn, tỷ lệ lợi tức thấp. Nhóm nghiệp vụ này có nhu cầu tái phần nhiều là do các công ty gốc thiếu biên khả năng thanh toán. Kể từ khi Luật Kinh doanh bảo hiểm 2022 có hiệu lực, các công ty bảo hiểm Phi nhân thọ không được cấp đơn BH cho sản phẩm này với thời hạn quá 1 năm nên doanh thu BH gốc khó tăng trưởng, nhu cầu nhượng tái bảo hiểm thu hẹp.

- **Nghệp vụ bảo hiểm Xe cơ giới**

+ Bảo hiểm xe cơ giới chiếm 25-30% tổng phí bảo hiểm Phi nhân thọ của thị trường. Hầu hết bảo hiểm xe cơ giới đều có mức trách nhiệm thấp nên các doanh nghiệp bảo hiểm tự giữ lại 80-85%. Số ít các doanh nghiệp bảo hiểm có mức tăng trưởng nóng trong lĩnh vực này có nhu cầu nhượng TBH để đảm bảo biên khả năng thanh toán và duy trì kết quả kinh doanh chung.

+ Do số lượng rủi ro lớn và dàn trải, thêm nữa là tỷ lệ chi khai thác, tỷ lệ bồi thường, chi quản lý, chi phí xử lý khiếu nại... đều cao nên khả năng sinh lời (mặc dù rất mỏng) cũng khiêm tốn.

2. Báo cáo kết quả kinh doanh giai đoạn 2020-2024 của VINARE

Kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh giai đoạn 2020-2024 (Tỷ đồng, %)

Chỉ tiêu	2020		2021		2022		2023		2024		TB 5 năm
	KH	TH	KH	TH	KH	TH	KH	TH	KH	TH	
Doanh thu phí nhận TBH	2,565	(*)2,447.7	2,019	2,246.2	2,211	2,368.8	2,468	2,677.4	2,918	3,153.3	
Tăng trưởng		10.2%		(8.2%)		5.5%		13.0%		17.8%	7.6%
<i>Trong đó</i>											
+ Các N.vụ cốt lõi		1,612.5	1,709	1,728.5	1,901	1,971.3	2,168	2,540.5	2,778	2,903.7	(**)11.8%
<i>Tăng trưởng</i>		(5.4%)		7.2%		14.0%		28.9%		14.3%	
+ BancaPA		835.2	310	517.7	310	397.5	300	136.9	140	249.6	3.5%
<i>Tăng trưởng</i>		61.8%		(38.0%)		(23.2%)		(65.6%)		82.3%	
LN trước thuế	355	357.2	377	408.8	434	439.4	460	473.6	(***)463	465.5	
Tăng trưởng (%)		7.55		14.19		7.71		7.80		-1.72	7.1%
Cổ tức (%)	12	15	12	13	12	20	12	20	20	20	17.6%

Cổ tức các năm 2022, 2023 và 2024: 10% bằng tiền mặt và 10% bằng cổ phiếu.

() Năm 2020: Xét ảnh hưởng của dịch Covid-19 đến tình hình kinh tế Việt Nam nói chung và hoạt động của VINARE nói riêng, căn cứ các Nghị quyết của HĐQT tại các phiên họp quý 2, quý 3 về việc ghi nhận kết quả kinh doanh quý 2, quý 3 và dự kiến kết quả cả năm, HĐQT ghi nhận Tổng công ty đã hoàn thành kết quả kinh doanh 2020.*

*(**) Trong giai đoạn 2020-2024, ĐHCĐ và HĐQT đã chấp thuận mục tiêu tăng trưởng doanh thu tập trung vào các nghiệp vụ cốt lõi, nghiệp vụ bảo hiểm liên kết với các tổ chức tín dụng (Banca PA) chỉ thực hiện khi đảm bảo có lãi. Kết quả: Tổng công ty đã đạt mức tăng trưởng bình quân các nghiệp vụ cốt lõi là 11,8%, cao hơn kết hoạch là 9%.*

*(***) Năm 2024: Căn cứ Nghị quyết của HĐQT tại phiên họp quý 3 về việc ghi nhận báo cáo của Tổng công ty và thống nhất chủ trương điều chỉnh kế hoạch lợi nhuận trước thuế 2024 theo nguyên tắc đảm bảo hoàn thành kế hoạch kinh doanh 5 năm 2020-2024 đã được ĐHCĐ thông qua. Theo đó, kế hoạch Lợi nhuận trước thuế điều chỉnh 463 tỷ đồng và Tổng công ty đã hoàn thành kế hoạch kinh doanh 5 năm 2020-2024.*

Tính trung bình giai đoạn 2020-2024, Lợi nhuận trước thuế tăng trưởng bình quân 7.1%/năm so với mục tiêu 7%/năm, Tỷ lệ kết hợp (combined ratio) đạt 96.5% so với mục tiêu <=98%, ROE bình quân đạt 11.03% so với mục tiêu tối thiểu 10%, cổ tức bình quân 17.6% so với mục tiêu tối thiểu 12%/năm.

Vốn điều lệ đến 31/12/2024 là 1,823.9 tỷ đồng và tiếp tục trình ĐHCĐ thông qua tăng vốn thêm 10% (để trả cổ tức năm 2024). Dự kiến vốn điều lệ mới là 2006 tỷ đồng – hoàn thành mục tiêu Vốn điều lệ 2,000 tỷ đồng.

3. Đánh giá năng lực cạnh tranh của VINARE

3.1 Năng lực tài chính:

- Vốn điều lệ: Vốn điều lệ tại thời điểm 31/12/2024 là 1,823,914,550,000 VND.
- Vốn chủ: Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2024 là 3,657.5 tỷ VND
- Biên khả năng thanh toán của Vinare luôn duy trì mức cao so với yêu cầu Biên khả năng thanh toán hiện hành. Cụ thể:

	Biên khả năng thanh toán	Biên khả năng thanh toán tối thiểu	Tỷ lệ biên khả năng thanh toán
Tại 31/12/2020	1,882 tỷ đồng	374 tỷ đồng	503%
Tại 31/12/2021	2,120 tỷ đồng	318 tỷ đồng	666%
Tại 31/12/2022	2,282 tỷ đồng	319 tỷ đồng	716%
Tại 31/12/2023	2,497 tỷ đồng	345 tỷ đồng	725%
Tại 31/12/2024	2,607 tỷ đồng	435 tỷ đồng	599%

3.2 Mô hình tổ chức và quản trị doanh nghiệp:

Mô hình tổ chức – quản trị công ty hiện tại được đánh giá là gọn nhẹ, hiệu quả, phù hợp với pháp luật hiện hành và thông lệ tốt về quản trị công ty của Việt Nam và quốc tế.

- **Cơ cấu HĐQT** hiện tại được đánh giá là phù hợp, giúp tăng hiệu quả cho hoạt động kinh doanh của VINARE.
- **Cơ cấu Ban Kiểm soát** hiện tại gồm 5 người được đánh giá là phù hợp, đảm bảo giám sát hiệu quả hoạt động kinh doanh của VINARE.

3.3 Hệ thống khách hàng, thương hiệu và xếp hạng tín nhiệm quốc tế:

Khách hàng trong nước: Đại đa số các công ty bảo hiểm phi nhân thọ trong nước đều là khách hàng lâu năm của Tổng công ty. Tổng công ty cũng đã chủ động tiếp cận các doanh nghiệp bảo hiểm mới thành lập và/hoặc sát nhập để có thêm nguồn dịch vụ.

Khách hàng ngoài nước: Chủ yếu phát triển quan hệ nhượng tái bảo hiểm với các tổ chức bảo hiểm và tái bảo hiểm lớn quốc tế chuyên nghiệp. Quan hệ nhận, trao đổi dịch vụ với các công ty bảo hiểm, tái bảo hiểm trong khu vực, chủ yếu thực hiện qua các chuyển công tác và qua các công ty môi giới tái bảo hiểm.

Xếp hạng tín nhiệm quốc tế (ratings) của Tổng công ty còn hạn chế (B++ theo AM Best) nên khả năng tiếp cận dịch vụ tốt trên trường quốc tế còn rất hạn chế. Mặc dù vậy, những yếu tố nội tại của doanh nghiệp như năng lực tài chính, quản trị rủi ro, nguồn dịch vụ ... khó có thể thay đổi mức xếp hạng tín nhiệm quốc tế này. Trong thời gian tới, Việt Nam phấn đấu “cất cánh” trong “kỷ nguyên mới”, nếu xếp hạng quốc gia (country ratings) được nâng hạng (hiện xếp ở nhóm 4/5) thì ratings của VINARE có thể được cải thiện lên mức A-. Tổng công ty phải chuẩn bị sẵn sàng nguồn lực, năng lực để có thể tiếp cận được nguồn dịch vụ tốt trên trường quốc tế.

3.4 Năng lực quản trị nghiệp vụ/ quản lý:

Nhìn chung đáp ứng yêu cầu hiện tại, các quy chế, quy trình cơ bản đã gần tiếp cận với tiêu chuẩn quốc tế. Mặc dù vậy, để thích ứng với sự thay đổi lớn trong kỷ nguyên mới và quá trình tái cấu trúc các Bộ, ngành, địa phương, cần thường xuyên rà soát các quy chế, quy trình để hiệu chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế.

3.5 Nhân sự:

Cơ bản nguồn nhân sự của VINARE đã có kinh nghiệm chuyên môn tốt và ổn định. Hầu hết cán bộ đều có khả năng làm việc, giao tiếp trực tiếp với đối tác bằng tiếng Anh. Tuy vậy, nhân sự luôn đóng vai trò then chốt trong kinh doanh tái bảo hiểm, Tổng công ty sẽ tiếp tục đào tạo và đào tạo lại cho cán bộ về chuyên môn và ngoại ngữ để có thể sẵn sàng cho cơ hội mới khi Việt Nam được nâng xếp hạng tín nhiệm.

3.6 Hệ thống công nghệ thông tin: Cơ bản đã hoàn thiện và vận hành ổn định. Tuy vậy, rủi ro về công nghệ thông tin luôn thường trực và gia tăng, Tổng công ty sẽ tiếp tục nghiên cứu, cập nhật các công nghệ mới (kể cả thiết bị phần cứng) để có giải pháp phòng ngừa rủi ro đối với hệ thống công nghệ thông tin.

3.7 Cơ sở vật chất kỹ thuật:

Trụ sở làm việc: Đáp ứng được nhu cầu. Tòa nhà văn phòng được xây dựng và đưa vào sử dụng từ năm 2001, mặc dù được bảo trì, bảo dưỡng tốt nhưng sau hơn 20 năm sử dụng, nhiều trang thiết bị bị hỏng, nhiều vị trí bị thấm nước, hệ thống phòng cháy chữa cháy không đáp ứng yêu cầu mới. Tổng công ty đã triển khai dự án chống thấm và sơn lại tường. Tổng công ty đang tiếp tục triển khai sửa chữa, cải tạo hệ thống kính, cửa kính; trình cấp có thẩm quyền (công an PCCC) phương án trang bị mới hệ thống phòng cháy chữa cháy tự động theo quy định mới của Nhà nước.

4. Đánh giá chung

VINARE đã hoàn thành toàn diện kế hoạch kinh doanh giai đoạn 2020-2024 và đạt được những thành công nhất định, chuẩn bị nền tảng tương đối vững chắc để phát triển trong giai đoạn tới.

B. Định hướng và mục tiêu 2025-2029

1. Dự báo thị trường bảo hiểm Việt Nam 2025-2029

- Chiến lược phát triển thị trường bảo hiểm Việt Nam đến năm 2030 theo Quyết định số 07/QĐ/TTg ngày 05/1/2023 của Thủ tướng Chính phủ đặt mục tiêu thị trường bảo hiểm tăng trưởng bình quân giai đoạn 2026 – 2030 là 10%/năm (bao gồm cả nhân thọ và phi nhân thọ).

- Bộ Tài chính đang dự thảo mô hình Vốn trên cơ sở rủi ro để áp dụng từ 01/01/2028 theo quy định của Luật Kinh doanh bảo hiểm 2022. Các doanh nghiệp có 3-4 năm để chuẩn bị các phương án tăng năng lực tài chính có thể làm tăng khả năng giữ lại của các doanh nghiệp,

giảm nhu cầu tái bảo hiểm khi chưa mô hình Vốn trên cơ sở rủi ro chưa chính thức được áp dụng.

- Với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ và giao thương thuận lợi, các tổ chức tái bảo hiểm châu Âu, châu Mỹ và Mỹ La Tinh... đang mở rộng phạm vi hoạt động sang thị trường Châu Á, nhất là khu vực ASEAN làm tăng năng lực thị trường nhận tái bảo hiểm, tăng mức độ cạnh tranh trong lĩnh vực tái bảo hiểm.

2. Định hướng mục tiêu giai đoạn 2025-2029

2.1. Định hướng kinh doanh:

+ Định hướng chung: hướng tới sự phát triển bền vững, an toàn, hiệu quả lâu dài của doanh nghiệp; đảm bảo quyền lợi của cổ đông, người lao động và các đối tác đồng hành với VINARE; hướng đến xếp hạng tín nhiệm quốc tế “A-” hoặc cao hơn khi có điều kiện thuận lợi.

+ Trong lĩnh vực kinh doanh tái bảo hiểm: Tuân thủ kỷ luật khai thác, đánh giá và lựa chọn rủi ro cẩn trọng, đảm bảo có lãi từ kinh doanh nghiệp vụ, không chạy đua theo doanh số.

+ Trong lĩnh vực đầu tư: Thường xuyên rà soát, nâng cao chất lượng danh mục đầu tư, đảm bảo An toàn – Thanh khoản – Hiệu quả.

2.2. Mục tiêu các chỉ số tài chính

- ❖ Tổng doanh thu (*bao gồm Doanh thu phí bảo hiểm, Doanh thu hoạt động tài chính, các doanh thu khác có liên quan*):
 - Năm 2025: 3.594 tỷ đồng, tăng trưởng 8% so với năm 2024
 - Từ 2026 - 2029: Phấn đấu tăng trưởng tổng doanh thu 8%/năm, hàng năm căn cứ tình hình thực tế để rà soát, báo cáo ĐHCĐ.
- ❖ Lợi nhuận trước thuế:
 - Năm 2025: Kế hoạch 503 tỷ đồng, tăng trưởng 8,1% so với năm 2024.
 - Năm 2026 - 2029: Phấn đấu lợi nhuận trước thuế tăng trưởng 7%/năm, hàng năm căn cứ tình hình thực tế để rà soát, báo cáo ĐHCĐ.
- ❖ Tỷ lệ kết hợp (combined ratio): Không quá 98%
- ❖ ROE bình quân: tối thiểu 10%
- ❖ Tăng cường năng lực tài chính để đáp ứng quy định về “Vốn trên cơ sở rủi ro” có hiệu lực từ 01/01/2028 (căn cứ hướng dẫn chính thức của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền).
- ❖ Tỷ lệ cổ tức: tối thiểu 10%/năm.

2.3. Giải pháp:

+ Duy trì và tăng cường quan hệ trao đổi dịch vụ với các đối tác trong nước, cung cấp giá trị gia tăng và các giải pháp tái bảo hiểm toàn diện cho khách hàng nhiều hơn các tổ chức tái bảo hiểm quốc tế.

+ Tiếp tục mở rộng quan hệ trao đổi dịch vụ với các đối tác quốc tế nhằm đa dạng hóa dịch vụ, giảm tích tụ rủi ro.

+ Thường xuyên rà soát danh mục đầu tư, bám sát diễn biến thị trường đầu tư để điều chỉnh danh mục đầu tư phù hợp với thị trường, tối đa hóa lợi nhuận của doanh nghiệp trong khuôn khổ kiểm soát rủi ro. Theo dõi để cơ cấu lại vốn đầu tư tại các doanh nghiệp góp vốn đã được HĐQT phê duyệt.

+ Thường xuyên rà soát, nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin đảm bảo an ninh, an toàn, cung cấp thông tin, số liệu xác thực phục vụ đánh giá chất lượng rủi ro, dịch vụ.

+ Nâng cao năng lực cạnh tranh bằng đầu tư vào nguồn nhân lực, thu hút nhân tài bằng các chính sách tài chính và phi tài chính.

+ Tăng cường quản trị, quản lý rủi ro kinh doanh và rủi ro doanh nghiệp.

+ Định kỳ rà soát mô hình tổ chức, quản lý doanh nghiệp để điều chỉnh phù hợp với tình hình thị trường mới.

Kính trình ĐHĐCĐ thông qua mục tiêu kinh doanh 2025-2029.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

Nguyễn Anh Tuấn

BAN KIỂM SOÁT

-----***-----

*V/v: Đề xuất và xin ý kiến lựa chọn công
ty kiểm toán độc lập năm 2025*

Hà Nội, ngày 17 tháng 3 năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia VN

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;
- Trên cơ sở danh sách các công ty kiểm toán độc lập đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán đối với các công ty niêm yết;

Ban Kiểm soát đề xuất Đại hội đồng cổ đông VINARE lựa chọn danh sách công ty kiểm toán độc lập năm 2025 như sau:

1. Công ty KPMG Việt nam
2. Công ty Deloitte Việt Nam
3. Công ty Ernst & Young Việt Nam
4. Công ty Pricewaterhouse Coopers Việt Nam

Ban Kiểm soát đề nghị Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền cho Hội đồng quản trị VINARE - căn cứ vào chất lượng dịch vụ và mức phí kiểm toán (cụ thể do mỗi công ty kiểm toán đưa ra) - tiến hành lựa chọn một trong số các công ty kiểm toán nêu trên để thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

TM.BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Lê Thị Thanh Hiền

Hà Nội, ngày tháng 04 năm 2025.

THÔNG BÁO

(V/v đề cử ứng viên, tự ứng cử tham gia thành viên Hội đồng Quản trị,
Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2025-2030)

Kính gửi: Quý vị cổ đông Tổng Công ty CP Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Kinh doanh Bảo hiểm số 08/2022/QH15 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 16/06/2022;
- Căn cứ Nghị định 46/2023/NĐ-CP ngày 01/07/2023 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức & hoạt động sửa đổi lần thứ 9 theo Quyết định số 05/2025/QĐ-ĐHĐCĐ ngày 14/03/2025 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị thừa ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam;
- Căn cứ Quy chế nội bộ về Quản trị công ty ban hành theo Quyết định số 09/2021/QĐ-HĐQT ngày 23/04/2021 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam.

Hội đồng Quản trị Tổng Công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam (VINARE) xin trân trọng thông báo về việc đề cử ứng viên hoặc tự ứng cử tham gia thành viên Hội đồng Quản trị (HĐQT) và Ban Kiểm soát (BKS) nhiệm kỳ 2025-2030 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 như sau:

1. Điều kiện đề cử ứng viên, tự ứng cử tham gia thành viên HĐQT, BKS:

Cổ đông đề cử ứng viên hoặc tự ứng cử tham gia thành viên HĐQT, BKS phải thỏa mãn các quy định của pháp luật, Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty hiện hành và các tiêu chí đề cử theo khuyến nghị của Tiểu ban Nhân sự HĐQT của VINARE.

Xin tham chiếu các quy định sau: (chi tiết nội dung các quy định được đăng tải cùng Thông báo mời họp và tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên 2025 trên website VINARE)

- Quy định tại Điều 17, 155, 168, 169 Luật Doanh nghiệp 2020;
- Quy định tại Điều 81, 82 Luật Kinh doanh bảo hiểm 2022;
- Quy định tại Điều 26 Nghị định 46/2023/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm;

- Quy định tại Điều 274, 275, 276, 285, 286 Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán;
- Quy định tại Điều 27, 28, 29, 40, 41, 42 Điều lệ tổ chức & hoạt động của VINARE;
- Quy định tại Điều 8, 14 Quy chế nội bộ về quản trị công ty của VINARE;
- Tiêu chí đề cử thành viên HĐQT và BKS (Tiểu ban Nhân sự - HĐQT VINARE)

2. Hồ sơ đề cử ứng viên, tự ứng cử:

- Đơn đề cử ứng viên, tự ứng cử tham gia thành viên HĐQT, BKS (*bản gốc*);
- Sơ yếu lý lịch (*bản gốc*);
- Bảng kê khai người có liên quan (*bản gốc*);
- Công khai lợi ích có liên quan (*bản gốc*);
- Văn bằng, chứng chỉ chuyên môn phù hợp theo yêu cầu (*bản sao hợp lệ*);
- Văn bản cam kết của ứng viên HĐQT, BKS về việc chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Đại hội đồng cổ đông VINARE về tính trung thực, chính xác, hợp lý của nội dung Hồ sơ đề cử ứng viên, tự ứng cử (*bản gốc*);
- Văn bản tài liệu khác chứng minh cổ đông, nhóm cổ đông đáp ứng được các điều kiện đề cử ứng viên hoặc tự ứng cử tham gia thành viên HĐQT, BKS theo quy định của Điều lệ VINARE và các quy định liên quan của pháp luật hiện hành.

* Quý cổ đông truy cập, tải mẫu biểu đề cử ứng viên, tự ứng cử và các mẫu biểu liên quan khác theo địa chỉ website: <https://vinare.com.vn/category/quan-he-co-dong/dai-hoi-dong-co-dong/trieu-tap-hop-dai-hoi-dong-co-dong/>

3. Địa chỉ và thời gian nhận hồ sơ:

- Địa chỉ nhận hồ sơ: Thư ký HĐQT - Tổng Công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam - Tầng 7, 141 Lê Duẩn, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

- Thời gian nhận hồ sơ: cổ đông gửi hồ sơ cho Ban Tổ chức Đại hội chậm nhất vào ngày 16/04/2025.

Trân trọng./.

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: + ĐT, TH;
- + Thư ký HĐQT.



Nguyễn Anh Tuấn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
-----***-----

ĐƠN ĐỀ CỬ ỨNG VIÊN
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/BAN KIỂM SOÁT
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM QUỐC GIA VIỆT NAM
NHIỆM KỲ 2025-2030

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Kinh doanh Bảo hiểm số 08/2022/QH15 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 16/06/2022;
- Căn cứ Nghị định 46/2023/NĐ-CP ngày 01/07/2023 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức & hoạt động và Quy chế quản trị công ty hiện hành của VINARE;

Tôi/Chúng tôi gồm:

TT	Tên cổ đông	Số CCCD/Hộ chiếu/GPĐKKD, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ	Số cổ phần VNR sở hữu	Xác nhận (Ký và ghi rõ họ tên) ^(*)

xin đề cử ứng viên để Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị/Ban Kiểm soát của Tổng Công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam nhiệm kỳ 2025-2030 (có kèm sơ yếu lý lịch, bản sao hợp lệ các giấy tờ tùy thân và các giấy tờ liên quan khác):

TT	Họ tên người được đề cử	Số CCCD/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Chức danh đề cử
1			

....., ngày tháng năm 2025.

(Các) Cổ đông
(Ký và ghi rõ họ tên)^(*)

** Nếu cổ đông là pháp nhân thì phải có chữ ký, họ tên của người đại diện trước pháp luật và con dấu của pháp nhân.*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và tên:

Nam/nữ:

Bí danh (nếu có):

2. Ngày tháng năm sinh:

3. Nơi sinh:

4. Số CCCD/Hộ chiếu:

Cấp ngày:

tại:

5. Quốc tịch:

6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

7. Chỗ ở hiện tại:

8. Địa chỉ liên lạc thường xuyên:

9. Điện thoại liên lạc:

Fax :

Email:

10. Tên, địa chỉ và số, ngày giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của pháp nhân mà mình đại diện, tỷ lệ vốn góp được đại diện tại VINARE (trường hợp là người đại diện phần vốn góp của cổ đông hoặc thành viên góp vốn là pháp nhân).

11. Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn :

TT	Nơi đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Thời gian đào tạo	Tên bằng cấp	Khen thưởng	Kỷ luật

12. Quá trình công tác (chi tiết về các nghề nghiệp, chức vụ, vị trí công tác đã qua, kết quả công tác tại từng vị trí)

TT	Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ/Vị trí công tác/Trách nhiệm	Kết quả công tác	Khen thưởng	Kỷ luật

13. Chức vụ hiện nay đang nắm giữ tại các doanh nghiệp bảo hiểm và doanh nghiệp khác, văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam:

Ảnh hộ chiếu
có đóng dấu
giáp lai của cơ
quan xác nhận

14. Nhân thân người khai (*Vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, anh/chị/em ruột...*)

TT	Họ và tên	Mối quan hệ	Năm sinh	CCCD/Hộ chiếu	Địa chỉ thường trú	Nghề nghiệp	Đơn vị công tác	Chức vụ
		Vợ/chồng						
		Bố						
		Mẹ						
		Con						
		Anh/chị/em ruột						
							

15. Cam kết trước pháp luật:

- Tôi xin cam kết sẽ không vi phạm các quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động hiện hành của Tổng Công ty.
- Tôi xin cam kết những lời khai trên là đúng sự thật. Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với bất kỳ thông tin nào không đúng với sự thật tại bản khai này.
- Tôi cam kết sẽ thông báo cho Tổng Công ty về bất kỳ thay đổi nào liên quan đến nội dung bản khai trên phát sinh trong thời gian đương nhiệm.

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền^(*)

....., ngày tháng năm

Người khai
(Ký, ghi rõ họ tên)

() Xác nhận của lãnh đạo cơ quan nơi cá nhân công tác hoặc cơ quan có thẩm quyền nơi cá nhân đăng ký hộ khẩu thường trú.*

BẢNG KÊ KHAI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

TT	Người khai và “Người có liên quan” của Người khai	Số CCCD/Hộ chiếu, ngày cấp và nơi cấp	Mối quan hệ với Người khai	Chức vụ tại VINARE/Công ty con của VINARE	Tỷ lệ sở hữu cá nhân hoặc đại diện sở hữu cổ phiếu tại VINARE
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(7)
I	Người kê khai				
	Nguyễn Văn A	Số CCCD/Hộ chiếu: Ngày cấp: Nơi cấp:	Người khai		
II	Người có liên quan của người khai (vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu) (*)				
1.	Nguyễn Thị B	Số CCCD/Hộ chiếu Ngày cấp: Nơi cấp:	Vợ		
2.	Nguyễn Văn C	Số CCCD/Hộ chiếu Ngày cấp: Nơi cấp:	Con		
...

(*) theo quy định tại Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2020 và Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán 2019

Tôi xin cam kết nội dung Bảng kê khai trên đây là đúng sự thật, nếu có bất cứ sự không trung thực nào, tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

....., ngày tháng năm 2025

Người khai
(Ký, ghi rõ họ tên)

CÔNG KHAI LỢI ÍCH CÓ LIÊN QUAN

Căn cứ Điều 164 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều 291 Nghị định 155/2020/NĐ-CP, tôi xin công khai các lợi ích có liên quan như sau:

1. Danh sách những Doanh nghiệp mà tôi có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần và đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc:

STT	Tên Doanh nghiệp	Trụ sở chính	Ngành, nghề kinh doanh, mã số doanh nghiệp	Số, ngày cấp, nơi cấp giấy chứng nhận ĐKKD/Giấy phép thành lập	Số cổ phần/vốn góp	Tỷ lệ/VĐL Doanh nghiệp	Ngày phát sinh lợi ích có liên quan
1							
2							
...							

2. Danh sách những Doanh nghiệp mà những người có liên quan của tôi cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên 10% vốn điều lệ:

STT	Tên Doanh nghiệp	Trụ sở chính	Ngành, nghề kinh doanh, mã số doanh nghiệp	Số, ngày cấp, nơi cấp giấy chứng nhận ĐKKD/Giấy phép thành lập	Số cổ phần/vốn góp	Tỷ lệ/VĐL Doanh nghiệp	Ngày phát sinh lợi ích có liên quan
1							
2							
...							

Tôi xin cam đoan những thông tin nêu trên là hoàn toàn đầy đủ, chính xác và trung thực. Nếu sai tôi xin chịu mọi trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và trước pháp luật.

....., ngày tháng..... năm 2025

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN CAM KẾT

Của ứng viên tham gia Thành viên Hội đồng Quản trị/Ban Kiểm soát
nhiệm kỳ 2025-2030

Kính gửi: Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông

Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam

Tên tôi là:.....

Số CCCD/Hộ chiếu:

Cấp ngày:..... Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú:.....

Với vai trò là ứng viên tham gia thành viên Hội đồng quản trị/Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2025-2030 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên Tổng Công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam năm 2025, tôi xin cam đoan các thông tin đã cung cấp trong Hồ sơ đề cử ứng viên, tự ứng cử là trung thực và chính xác, đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện theo các quy định pháp luật có liên quan để tham gia thành viên Hội đồng Quản trị/Ban Kiểm soát nếu được Đại hội đồng cổ đông bầu.

Trân trọng./.

....., ngày..... tháng năm 2025

ỨNG VIÊN

(Ký, ghi rõ họ tên)

MỘT SỐ QUY ĐỊNH
LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ CỬ ỨNG VIÊN, TỰ ỨNG CỬ
THÀNH VIÊN HĐQT VÀ BKS TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2025

*(Tài liệu chuẩn bị cho cổ đông đăng tải trên website
Tổng Công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam)*

I. CÁC QUY ĐỊNH LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ CỬ ỨNG VIÊN, TỰ ỨNG CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VINARE NHIỆM KỲ 2025-2030:

1. Quy định của Luật Doanh nghiệp 2020:

(i) Khoản 2 Điều 17:

Điều 17. Quyền thành lập, góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp và quản lý doanh nghiệp

[...]

2. Tổ chức, cá nhân sau đây không có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam:

a) Cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân sử dụng tài sản nhà nước để thành lập doanh nghiệp kinh doanh thu lợi riêng cho cơ quan, đơn vị mình;

b) Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

c) Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp, công nhân công an trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp hoặc quản lý tại doanh nghiệp nhà nước;

d) Cán bộ lãnh đạo, quản lý nghiệp vụ trong doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 88 của Luật này, trừ người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp khác;

đ) Người chưa thành niên; người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; người bị mất năng lực hành vi dân sự; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; tổ chức không có tư cách pháp nhân;

e) Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc hoặc đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định; các trường hợp khác theo quy định của Luật Phá sản, Luật Phòng, chống tham nhũng.

Trường hợp Cơ quan đăng ký kinh doanh có yêu cầu, người đăng ký thành lập doanh nghiệp phải nộp Phiếu lý lịch tư pháp cho Cơ quan đăng ký kinh doanh;

g) Tổ chức là pháp nhân thương mại bị cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định theo quy định của Bộ luật Hình sự.

(ii) Điều 154: Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có từ 03 đến 11 thành viên. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng thành viên Hội đồng quản trị.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

4. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên độc lập Hội đồng quản trị.

(iii) Khoản 1 và 2 Điều 155:

Điều 155. Cơ cấu tổ chức, tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật này;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;

c) Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

d) Đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật này và công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 của Luật này thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.

2. Trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác, thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 của Luật này phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;

d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;

đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

2. Quy định của Luật Kinh doanh bảo hiểm 2022:

(i) Khoản 1 và 2 Điều 81:

Điều 81. Điều kiện, tiêu chuẩn đối với người quản lý, người kiểm soát của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam

1. Điều kiện, tiêu chuẩn chung:

a) Có quyền quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

b) Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, không bị xử lý kỷ luật dưới hình thức sa thải do vi phạm quy trình nội bộ trong 03 năm liền trước thời điểm được bổ nhiệm; không bị cơ quan có thẩm quyền khởi tố theo quy định của pháp luật tại thời điểm được bầu, bổ nhiệm.

2. Điều kiện, tiêu chuẩn đối với Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên:

a) Các điều kiện, tiêu chuẩn chung quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Có bằng đại học trở lên;

c) Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên có ít nhất 05 năm trực tiếp làm việc trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng hoặc có ít nhất 03 năm giữ vị trí là người quản lý, điều hành, kiểm soát tại doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng; thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên có ít nhất 03 năm trực tiếp làm việc trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng hoặc có ít nhất 03 năm giữ vị trí là người quản lý, điều hành, kiểm soát tại doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng.

(ii) Khoản 1 Điều 82:

Điều 82. Nguyên tắc đảm nhiệm chức vụ

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm không được đồng thời làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm khác hoạt động trong cùng lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm phi nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe hoặc tái bảo hiểm tại Việt Nam.

3. Quy định của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán:

(i) Khoản 1 và 3 Điều 274:

Điều 274: Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, công ty đại chúng phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - đ) Lợi ích có liên quan tới công ty và các bên có liên quan của công ty;
 - e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty.
- Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

[.....]

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty của công ty. Việc Hội đồng quản trị giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

(ii) Điều 275: Tư cách thành viên Hội đồng quản trị

- 1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
- 2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc (Giám đốc) của 01 công ty đại chúng.
- 3. Thành viên Hội đồng quản trị của một công ty đại chúng chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác.

(iii) Điều 276: Thành phần Hội đồng quản trị

- 1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của công ty đại chúng ít nhất là 03 người và nhiều nhất là 11 người.
- 2. Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành.
- 3. Trường hợp công ty đại chúng chưa niêm yết hoạt động theo mô hình quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp, cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo ít nhất một phần năm (1/5) tổng số thành viên Hội đồng quản

trị là thành viên độc lập. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị của công ty đại chúng chưa niêm yết hoạt động theo mô hình nêu trên có ít hơn 05 người, công ty phải đảm bảo có 01 thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập.

4. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết phải đảm bảo quy định sau:

a) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;

b) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;

c) Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

4. Quy định của Điều lệ VINARE 2025:

(i) Khoản 1 và 2 Điều 27:

Điều 27. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên HĐQT

a. Thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

b. Thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm;

c. Thành viên HĐQT của Tổng công ty không được đồng thời là thành viên HĐQT tại quá 05 công ty khác.

2. Thành viên HĐQT độc lập là thành viên HĐQT đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và pháp luật về chứng khoán.

(ii) Điều 28: Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

Trường hợp đã xác định được ứng cử viên HĐQT, Tổng công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng cử viên HĐQT được công bố bao gồm:

Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

Trình độ chuyên môn;

Quá trình công tác;

Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh HĐQT của công ty khác);

Lợi ích có liên quan tới Tổng công ty và các bên có liên quan của Tổng công ty;

Các thông tin khác (nếu có).

Tổng công ty có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Tổng công ty của ứng cử viên HĐQT (nếu có).

Các cổ đông nắm giữ nhỏ hơn 03% tổng số cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng cử viên HĐQT. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 03% đến dưới 10% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử 01 ứng cử viên; từ 10 đến dưới 15% được đề cử 02 ứng cử viên; từ 15% đến dưới 25% được đề cử 03 ứng cử viên và từ 25% trở lên được đề cử 04 ứng cử viên.

Trường hợp số lượng ứng cử viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Điều lệ này, HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT. Thủ tục HĐQT đương nhiệm giới thiệu ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên HĐQT theo quy định pháp luật.

Ứng cử viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

(iii) Khoản 1, 2, 3 và 6 Điều 29:

Điều 29. Thành phần và nhiệm kỳ Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên HĐQT là 09 người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu là thành viên độc lập HĐQT của Tổng công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên HĐQT cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên HĐQT cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên HĐQT phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên HĐQT là thành viên không điều hành và có 03 thành viên độc lập.

[...]

6. Thành viên HĐQT không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty.

5. Quy chế Quản trị công ty VINARE:

Điều 8. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên HĐQT được quy định tại Điều 29 Điều lệ Tổng công ty.

2. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên HĐQT được quy định tại Điều 27 và khoản 3 Điều 29 Điều lệ Tổng công ty.

3. Việc đề cử, ứng cử thành viên HĐQT được thực hiện theo quy định tại Điều 28 Điều lệ Tổng công ty.

4. Cách thức bầu thành viên HĐQT được thực hiện theo quy định tại khoản 11 Điều 3 Quy chế này.

5. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên HĐQT được thực hiện theo quy định tại Điều 9 Quy chế hoạt động của HĐQT.

6. Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên HĐQT. Trường hợp Chủ tịch HĐQT có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch HĐQT chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của HĐQT.

II. CÁC QUY ĐỊNH LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ CỬ ỨNG VIÊN, TỰ ỨNG CỬ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VINARE NHIỆM KỲ 2025-2030:

1. Quy định của Luật Doanh nghiệp 2020:

(i) Khoản 2 Điều 17:

Điều 17. Quyền thành lập, góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp và quản lý doanh nghiệp

[...]

2. Tổ chức, cá nhân sau đây không có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam:

a) Cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân sử dụng tài sản nhà nước để thành lập doanh nghiệp kinh doanh thu lợi riêng cho cơ quan, đơn vị mình;

b) Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

c) Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp, công nhân công an trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp hoặc quản lý tại doanh nghiệp nhà nước;

d) Cán bộ lãnh đạo, quản lý nghiệp vụ trong doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 88 của Luật này, trừ người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp khác;

đ) Người chưa thành niên; người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; người bị mất năng lực hành vi dân sự; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; tổ chức không có tư cách pháp nhân;

e) Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc hoặc đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định; các trường hợp khác theo quy định của Luật Phá sản, Luật Phòng, chống tham nhũng.

Trường hợp Cơ quan đăng ký kinh doanh có yêu cầu, người đăng ký thành lập doanh nghiệp phải nộp Phiếu lý lịch tư pháp cho Cơ quan đăng ký kinh doanh;

g) Tổ chức là pháp nhân thương mại bị cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định theo quy định của Bộ luật Hình sự.

(ii) Khoản 1 và 2 Điều 168:

Điều 168. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có từ 03 đến 05 Kiểm soát viên. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số Kiểm soát viên thường trú tại Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tiêu chuẩn khác cao hơn.

(iii) Điều 169: Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật này;

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác;

d) Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;

đ) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, Kiểm soát viên công ty đại chúng, doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật này không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của công

ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại công ty.

2. Quy định của Luật Kinh doanh bảo hiểm 2022:

(i) Khoản 1 và 5 Điều 81:

Điều 81. Điều kiện, tiêu chuẩn đối với người quản lý, người kiểm soát của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam

1. Điều kiện, tiêu chuẩn chung:

a) Có quyền quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

b) Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, không bị xử lý kỷ luật dưới hình thức sa thải do vi phạm quy trình nội bộ trong 03 năm liên tục trước thời điểm được bổ nhiệm; không bị cơ quan có thẩm quyền khởi tố theo quy định của pháp luật tại thời điểm được bầu, bổ nhiệm.

[...]

5. Người kiểm soát của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam phải đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn chung quy định tại khoản 1 Điều này và điều kiện, tiêu chuẩn khác theo quy định của Chính phủ.

(ii) Khoản 5 Điều 82:

Điều 82. Nguyên tắc đảm nhiệm chức vụ

[...]

5. Trưởng ban kiểm soát, Kiểm soát viên không được kiêm nhiệm bất kỳ chức danh quản lý nào tại cùng tổ chức. Trưởng Ban kiểm soát không được đồng thời là Kiểm soát viên, người quản lý của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm khác hoạt động tại Việt Nam.

3. Quy định của Nghị định số 46/2023/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm:

Điều 26: Điều kiện, tiêu chuẩn đối với Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên

1. Các tiêu chuẩn chung quy định tại khoản 1 Điều 81 Luật Kinh doanh bảo hiểm.

2. Có bằng từ đại học trở lên của một trong các chuyên ngành bảo hiểm, kinh tế, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán. Trong vòng 01 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam phải rà soát, bảo đảm đáp ứng quy định này.

3. Trưởng ban kiểm soát có tối thiểu 05 năm trực tiếp làm việc trong một hoặc các lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng hoặc có tối thiểu 03 năm giữ một trong các vị trí là người quản lý, điều hành, kiểm soát tại doanh nghiệp hoạt động trong một hoặc các lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng; kiểm soát viên có tối thiểu 03 năm trực tiếp làm việc trong một hoặc các lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng.

4. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và người quản lý khác. Việc xác định người có quan hệ gia đình thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

5. Không phải là người quản lý; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động, trừ trường hợp Điều lệ, Quy chế có quy định khác.

4. Quy định của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán::

(i) Điều 285: Ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát

1. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 274 Nghị định này.

2. Trường hợp số lượng các ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

(ii) Khoản 2 và 3 Điều 286:

Điều 286. Thành viên Ban kiểm soát

[...]

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tiêu chuẩn khác cao hơn.

5. Quy định của Điều lệ VINARE 2025:

(i) Điều 40: Ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát:

1. Các cổ đông nắm giữ nhỏ hơn 03% cổ phần có quyền biểu quyết có thể gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử ứng cử viên BKS. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 03% đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 ứng cử viên; từ 10% đến dưới 20% được đề cử 02 ứng cử viên; từ 20% trở lên được đề cử 03 ứng cử viên.

2. Trường hợp số lượng các ứng cử viên BKS thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ Tổng công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty và Quy chế hoạt động của BKS. Việc BKS đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên BKS

phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên BKS theo quy định của pháp luật.

(ii) Khoản 1 và 2 Điều 41:

Điều 41. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên BKS của Tổng công ty là 05 người. Nhiệm kỳ của thành viên BKS không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên BKS phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 169 Luật Doanh nghiệp, quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm và không thuộc các trường hợp sau:

- a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty;*
- b. Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty trong 03 năm liền trước đó;*
- c. Là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Tổng công ty; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Tổng công ty.*

(iii) Khoản 1 Điều 42:

Điều 42. Trưởng Ban Kiểm soát

1. Trưởng BKS do BKS bầu trong số các thành viên BKS; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. BKS phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng BKS phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

6. Quy chế Quản trị công ty VINARE:

Điều 14. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát

1. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên BKS theo quy định tại Điều 41 Điều lệ Tổng công ty.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

- a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty;*
- b. Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty trong 03 năm liền trước đó;*
- c. Là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Tổng công ty; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Tổng công ty.*

3. Việc đề cử, ứng cử thành viên BKS được thực hiện theo quy định tại Điều 40 Điều lệ Tổng công ty.

4. Cách thức bầu thành viên BKS được thực hiện theo quy định tại khoản 11 Điều 3 Quy chế này.

5. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
6. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS theo quy định tại khoản 3, 4 Điều 41 Điều lệ Tổng Công ty
7. Thành viên BKS được hưởng thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quy định tại Điều 45 Điều lệ Tổng công ty.